



TẬP ĐOÀN DẦU KHÍ
QUỐC GIA VIỆT NAM
**TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ
VIỆT NAM**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 44/PTSC-BTK

TP. Hồ Chí Minh, ngày 19 tháng 4 năm 2022

V/v Công bố Báo cáo thường
niên 2021

Kính gửi:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

1. Tên Công ty : Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam
2. Mã chứng khoán: **PVS**
3. Trụ sở chính : Số 1-5 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh
4. Điện thoại : 028.3910 2828 Fax: 028.3910 2929
5. Người thực hiện công bố thông tin: Nguyễn Đức Thủy
6. Nội dung của thông tin công bố:

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam công bố Báo cáo thường niên 2021 của Tổng công ty được lập theo quy định tại Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính.

Tổng công ty xin gửi kèm bản cứng Báo cáo thường niên 2021 nêu trên đến Quý cơ quan theo đường bưu điện và đăng tải trên trang thông tin của Tổng công ty theo quy định pháp luật hiện hành.

7. Địa chỉ Website đăng tải toàn bộ Báo cáo thường niên 2021: www.ptsc.com.vn.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Website: www.ptsc.com.vn;
- Lưu: VT, BTK (NĐT,04).

**TUO TỔNG GIÁM ĐỐC
NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN**



Nguyễn Đức Thủy

CHANGE FOR CHANCES



PTSC



BÁO CÁO
THƯỜNG NIÊN
2021

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



DANH MỤC CÁC TỪ VIẾT TẮT

| | |
|---------|---------------------------|
| ĐHĐCĐ | Đại hội đồng cổ đông |
| ĐHCĐ | Đại hội cổ đông |
| HĐQT | Hội đồng quản trị |
| BKS | Ban Kiểm soát |
| Ban TGD | Ban Tổng Giám đốc |
| CBCNV | Cán bộ công nhân viên |
| SXKD | Sản xuất kinh doanh |
| KHCN | Khoa học công nghệ |
| NLD | Người lao động |
| TĐDKVN | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam |



TẦM NHÌN

Xây dựng PTSC trở thành thương hiệu quốc tế uy tín - nhà cung cấp giải pháp trọn gói hàng đầu trong lĩnh vực năng lượng với trọng tâm là ngành dầu khí ngoài khơi.

SỨ MỆNH

Gia tăng lợi ích, niềm tin của cổ đông, khách hàng, đối tác và NLD, góp phần xây dựng, phát triển xã hội, cộng đồng và bảo vệ môi trường.

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

P: Professional/Chuyên nghiệp

Tính chuyên nghiệp là tiêu chí hàng đầu quyết định sự thành công của thương hiệu PTSC.

T: Trustworthy/Tin cậy

Niềm tin của cổ đông, khách hàng, đối tác và NLD tạo nên sức mạnh, gia tăng lợi thế cạnh tranh cho PTSC.

S: Sustainable/Bền vững

Với quá trình 45 năm xây dựng và phát triển, PTSC có bề dày thành tích và xây dựng được cơ sở vật chất, hệ thống nguồn lực lớn mạnh với lợi thế đa dịch vụ, đảm bảo sự phát triển ổn định, bền vững trong chuỗi giá trị của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam.

C: Creative/Sáng tạo

Luôn đổi mới, sáng tạo là đặc tính tiêu biểu tạo nên thương hiệu PTSC. Với nguồn nhân lực có trình độ cao, tiêu chuẩn quốc tế, PTSC luôn sẵn sàng chủ động hội nhập, phát triển, mở rộng các loại hình dịch vụ mới nhằm chiếm lĩnh thị trường trong nước và quốc tế.

MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN

- Về dài hạn: Xây dựng PTSC trở thành thương hiệu quốc tế uy tín với lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí chất lượng cao là trụ cột cốt lõi, và đồng thời phát triển các dịch vụ ra ngoài ngành, ngoài nước phù hợp với năng lực và thế mạnh riêng của Tổng công ty trong đó có lĩnh vực điện gió ngoài khơi.

- Về trung và ngắn hạn: Giữ vững và duy trì ổn định các hoạt động SXKD, xúc tiến các giải pháp dịch vụ trọn gói/chuỗi dịch vụ, kết hợp các mảng dịch vụ chính của PTSC, tăng giá trị dịch vụ cho khách hàng. Tận dụng bối cảnh thị trường dịch vụ dầu khí đang còn khó khăn nhưng có dấu hiệu hồi phục để xây dựng, hoàn thiện các kịch bản và kế hoạch thu xếp vốn, củng cố năng lực tài chính lành mạnh của PTSC để tăng cường đầu tư, nâng cao năng lực, sẵn sàng đón nhận xu hướng tăng trưởng trong tương lai gần.



MỤC LỤC

01 GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

- 10 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 14 Thông tin doanh nghiệp
- 16 Mạng lưới hoạt động
- 26 Cơ sở vật chất
- 34 Sơ đồ tổ chức
- 36 Giới thiệu HĐQT, Ban TGD, Ban KS và Kế toán trưởng
- 41 Giải thưởng và sự kiện tiêu biểu năm 2021
- 44 Quá trình hình thành và phát triển

02 BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

- 48 Thông điệp của Tổng Giám đốc
- 52 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc
- 74 Báo cáo của Hội đồng Quản trị
- 82 Báo cáo của Ban kiểm soát

03 QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

- 90 Tổng quan về hệ thống quản trị của PTSC
- 96 Quản trị rủi ro

04 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

- 104 Tổng quan phát triển bền vững
- 110 Báo cáo thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trong năm 2021

05 CHỨNG KHOÁN PVS

- 118 Thông tin cơ bản
- 119 Cổ đông
- 122 Quan hệ Cổ đông
- 126 Đánh giá cổ phiếu PVS
- 130 Lịch sử chi trả cổ tức

06 BÁO CÁO TÀI CHÍNH

- 135 Báo cáo của Ban TGD
- 136 Báo cáo của kiểm toán độc lập
- 138 Bảng cân đối kế toán hợp nhất
- 142 Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất
- 143 Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất
- 145 Thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất

01

GIỚI THIỆU TỔNG QUAN

- 10 Thông điệp của Chủ tịch Hội đồng Quản trị
- 14 Thông tin doanh nghiệp
- 16 Mạng lưới hoạt động
- 26 Cơ sở vật chất
- 34 Sơ đồ tổ chức
- 36 Giới thiệu HĐQT, Ban TGD, Ban KS và Kế toán trưởng
- 41 Giải thưởng và sự kiện tiêu biểu trong năm 2021
- 44 Quá trình hình thành và phát triển



THÔNG ĐIỆP

CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



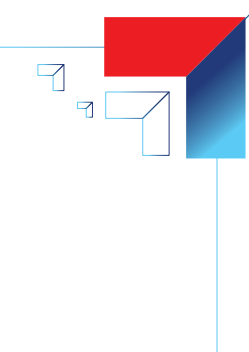
“ HĐQT tin tưởng rằng với tinh thần quyết tâm, hành động quyết liệt, bản lĩnh vững vàng, chủ động, linh hoạt, sẵn sàng thay đổi để có nhiều cơ hội, đón nhận những vận hội mới, Tổng công ty PTSC với kinh nghiệm 29 năm hình thành, phát triển, gắn liền với giá trị văn hóa truyền thống PTSC, HĐQT cùng Ban điều hành, tập thể Người lao động Tổng công ty tiếp tục chinh phục các mục tiêu đề ra, cùng phát triển bền vững Tổng công ty PTSC...”



Kính gửi Quý vị Cổ đông,

Tổng công ty PTSC thực hiện nhiệm vụ SXKD năm 2021 với rất nhiều những khó khăn, thách thức lớn. Đó là, Dịch Covid-19 trong nước bùng phát lần thứ 4 ở nhiều địa phương với sự xuất hiện của biến thể mới có tốc độ lây lan nhanh, nguy hiểm, buộc Tổng công ty, các Đơn vị phải áp dụng nhiều biện pháp phòng, chống Dịch chưa có tiền lệ, mạnh mẽ, quyết liệt với mục tiêu bảo vệ sức khỏe, tính mạng của toàn thể CBCNV, Người lao động toàn Tổng công ty PTSC, từ đó ảnh hưởng rất lớn đến Kế hoạch sản xuất kinh doanh của Tổng công ty và các Đơn vị. Bên cạnh đó, các khó khăn cũ vẫn hiện hữu đó là cơ chế chính sách theo hướng hỗ trợ, cách thức quản lý nhà nước đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước để giúp doanh nghiệp tồn tại và phát triển chưa có sự thay đổi lớn; sự gia tăng cạnh tranh chiến lược thậm chí xung đột giữa các nước lớn, chủ nghĩa dân tộc, các thách thức an ninh truyền thống và phi truyền thống, biến đổi khí hậu cùng với sự dịch chuyển năng lượng diễn ra nhanh, quyết liệt, thiên tai và xu hướng bảo hộ, xung đột thương mại tiếp tục gia tăng đã tác động mạnh mẽ đến kinh tế, thương mại và đầu tư... của thế giới, tác động lớn đến cân đối cung cầu, lạm phát, gây tắc nghẽn, đứt gãy chuỗi cung ứng, lưu thông hàng hóa, khiến chi phí vận chuyển, giá hàng hóa tăng, lạm phát tăng mạnh... sự biến động liên tục, bất thường của giá dầu trong khi giá dịch vụ vẫn phải duy trì mức thấp như các năm 2015-2020 vừa qua làm tăng các rủi ro và ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp đầu khí nói chung và của Tổng công ty PTSC nói riêng. Công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài của Tổng công ty gặp khó khăn, do khối lượng công việc dịch vụ trong khu vực trong các năm vừa qua rất hạn chế do giá dầu thấp kéo dài và xu hướng chuyển dịch năng lượng, sự bảo hộ cho các doanh nghiệp tại các nước sở tại ngày càng gia tăng. Việc đầu tư ra nước ngoài rất khó khăn bởi nhiều thủ tục phát sinh tại nhiều cấp, nhiều cơ quan có thẩm quyền trong nước trong khi các quy trình, quy định, hướng dẫn chưa rõ ràng, chồng chéo và nhiều bất cập.

Tuy nhiên, với sự nỗ lực vượt khó của Tập thể Người lao động Tổng công ty PTSC, đoàn kết đồng lòng, quyết liệt, chủ động, linh hoạt và sáng tạo với nỗ lực tìm kiếm các cơ hội để vươn tới các thị trường mới, liên tục chuyển đổi linh hoạt, triển khai áp dụng hàng loạt, đồng bộ hệ thống các giải pháp hiệu quả để đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, phát triển và nâng cao chất lượng dịch vụ, tìm kiếm cơ hội tiềm năng tại các dự án ngoài nước, ngoài ngành, các dự án công nghiệp trên bờ, liên tục có các biện pháp, giải pháp tháo gỡ khó khăn... cắt giảm chi tiêu, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí, nâng cao hiệu quả SXKD, đảm bảo việc làm, đãi ngộ cho Người lao động Tổng công ty PTSC, duy trì ổn định, phát triển hoạt động của Tổng công ty;



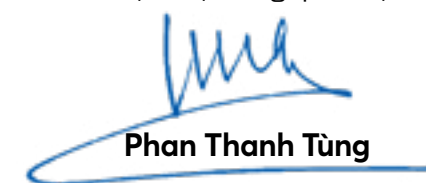
kết quả Tổng công ty đã hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu Kế hoạch SXKD năm 2021 với doanh thu hợp nhất đạt được là 14.711 tỷ VNĐ, lợi nhuận hợp nhất trước thuế đạt được là 878 tỷ VNĐ, tương ứng đạt 147,1% và 125,4% so với Kế hoạch năm.

Năm 2022 tiếp nối với sự hiện hữu của các khó khăn, trở ngại của Năm 2021 và tiếp tục diễn biến phức tạp, cùng với các khó khăn mới có thể phát sinh như giá dầu mỏ tiếp tục tăng cao và có thể cao bất thường, xung đột, chiến tranh ở nhiều khu vực luôn là nguy cơ hiện hữu, leo thang, lạm phát có thể tiếp tục tăng cao, Dịch tiếp tục diễn biến... Tuy nhiên, cũng xuất hiện các cơ hội mới, đó là các chính sách, giải pháp kích thích, phục hồi, tăng trưởng kinh tế của các quốc gia, sự hội nhập quốc tế sâu rộng của Việt Nam, sự tăng trưởng dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, các ngành năng lượng mới, năng lượng tái tạo đặc biệt như điện gió ngoài khơi có sự tương đồng với dịch vụ dầu khí và Tổng công ty có lợi thế trong việc đầu tư, cung cấp hàng hóa, dịch vụ, khả năng có sự tăng mạnh đầu tư trở lại vào phát triển nguồn cung năng lượng hóa thạch như dầu khí trong một số năm tới tiếp tục tạo ra nhiều cơ hội công việc... HĐQT tin tưởng rằng với tinh thần quyết tâm, hành động quyết liệt, bản lĩnh vững vàng, chủ động, linh hoạt, sẵn sàng thay đổi để có nhiều cơ hội, đón nhận những vận hội mới, Tổng công ty PTSC với kinh nghiệm 29 năm hình thành, phát triển, gắn liền với giá trị văn hóa truyền thống PTSC, HĐQT cùng Ban điều hành, tập thể Người lao động Tổng công ty tiếp tục chinh phục các mục tiêu đề ra, cùng phát triển bền vững

Tổng công ty PTSC, tập trung quyết liệt công tác tái cấu trúc dịch vụ, nâng cấp chất lượng hệ thống quản lý, áp dụng khoa học công nghệ tiên tiến, chuyển đổi số, đẩy mạnh công tác đầu tư hiệu quả, tối đa hóa giá trị chuỗi dịch vụ của PTSC, của Tập đoàn DKVN, chủ động nắm bắt các cơ hội kinh doanh trong xu hướng chuyển dịch năng lượng để phát triển sản phẩm mới, quyết tâm thực hiện thành công, hoàn thành cao nhất nhiệm vụ SXKD Năm 2022 mà ĐHQĐ, cấp trên giao phó, quan tâm chăm sóc đầy đủ các quyền, lợi ích chính đáng của Quý cổ đông, Người lao động.

Thay mặt HĐQT Tổng công ty, tôi bày tỏ lời tri ân sâu sắc tới Ban Điều hành, các cấp quản lý, toàn thể CBCNV Tổng công ty PTSC vì tất cả những nỗ lực, cố gắng, lao động trong Năm 2021; và tới các Quý Cổ đông, Nhà đầu tư, Quý khách hàng, Đối tác, các Cơ quan quản lý Nhà nước, Cơ quan chức năng, Cấp trên đã luôn đồng hành, tin tưởng, hợp tác, hỗ trợ Tổng công ty và kính chúc Quý vị, Quý cơ quan Năm 2022, các năm tiếp theo luôn được an lành, nhiều sức khỏe, nhiều niềm vui, hạnh phúc và thành công mới.

Chủ tịch Hội đồng quản trị



Phan Thanh Tùng



THÔNG TIN

THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC) là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam, được thành lập tháng 2/1993. Sau hơn 29 năm phát triển, PTSC đã có những bước phát triển vượt bậc và được đánh giá là Tổng công ty hàng đầu trong lĩnh vực cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp và năng lượng tại Việt Nam và là một thương hiệu lớn trong thị trường dầu khí, công nghiệp khu vực.

Tên giao dịch: Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam

Tên giao dịch nước ngoài: Petrovietnam Technical Services Corporation

Tên giao dịch viết tắt: PTSC

Mã chứng khoán: PVS

Số chứng nhận đăng ký doanh nghiệp: 0100150577

Vốn điều lệ: 4.780 tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu hợp nhất: 12.521 tỷ VNĐ (theo số liệu của Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán)

Địa chỉ: Tầng 5 - Tòa nhà Petrovietnam, Số 1 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

Số điện thoại: (+84) 028.39102828

Fax: (+84) 028.39102929

Website: ptsc.com.vn

DOANH NGHIỆP

NGÀNH NGHỀ KINH DOANH

- » Cơ khí dầu khí
- » Kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô (FSO/FPSO)
- » Lắp đặt, vận hành, bảo dưỡng công trình biển
- » Căn cứ cảng dịch vụ
- » Tàu dịch vụ dầu khí
- » Khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm
- » Công trình công nghiệp
- » Dịch vụ khác

MẠNG LƯỚI

HOẠT ĐỘNG

Thành phố HỒ CHÍ MINH

Tổng công ty CP Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam (PTSC)

SÓC TRĂNG

PTSC Long Phú

BÀ RỊA

- VŨNG TÀU

PTSC Marine
PTSC Supply Base
PTSC M&C
PTSC G&S
Petro Hotel
PTSC Phu My
PPS
PVSB
POS
PV Shipyard

QUẢNG NGÃI

PTSC Quang Ngãi

ĐÀ NẴNG

PTSC Da Nang

QUẢNG BÌNH

PTSC Quang Binh

THANH HÓA

PTSC Thanh Hoa

HẢI PHÒNG

PTSC Dinh Vu

HÀ NỘI

PTSC Ha Noi
PV Security

MALAYSIA

PTSC Labuan
VOFT
MVOT

SINGAPORE

SEA
AP
MV12

Tổng công ty PTSC là thành viên của Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Việt Nam cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí, công nghiệp tại Việt Nam, và là thương hiệu lớn trên thị trường dịch vụ dầu khí, công nghiệp trong khu vực. Tính đến năm 2021, Tổng công ty PTSC có 05 chi nhánh, 01 văn phòng đại diện, 12 công ty con và 06 công ty liên kết tại 03 miền của đất nước và tại khu vực Đông Nam Á.

MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

CHI NHÁNH/VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN

01

Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí (PTSC Marine)

Địa chỉ: Số 73, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý khai thác và cung cấp tàu dịch vụ

02

Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí (PTSC Supply Base)

Địa chỉ: Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp

03

Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng (PTSC Da Nang)

Địa chỉ: Số 11, đường 3/2, quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng

Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp

04

Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình (PTSC Quang Binh)

Địa chỉ: Cảng Hòn La, xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình

Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp

05

Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú (PTSC Long Phu)

Địa chỉ: Ấp Thạnh Đức, xã Long Đức, huyện Long Phú, tỉnh Sóc Trăng

Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, tổ chức các hoạt động thiết kế, mua sắm, xây lắp, chạy thử, hoàn thiện các dự án nhà máy điện và công trình công nghiệp

06

VPDD PTSC tại Hà Nội (PTSC Ha Noi)

Địa chỉ: Số 142 Nguyễn Khuyến, phường Văn Miếu, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Vốn điều lệ/đầu tư: Trực thuộc Công ty Mẹ

Ngành nghề kinh doanh chính: Thực hiện công tác phát triển kinh doanh, các dự án sản xuất và các nhiệm vụ khác do Tổng công ty giao



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

CÔNG TY CON

01

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC (PTSC M&C)

Địa chỉ: Số 31, đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 628 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Chế tạo và xây lắp công trình dầu khí, công nghiệp

02

Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và công trình ngầm PTSC (PTSC G&S)

Địa chỉ: Tầng 14, Khách sạn Dầu khí, Số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 300 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Vận hành các tàu địa chấn 2D, 3D; khảo sát địa chấn, địa chất công trình, khảo sát và sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV

03

Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC (Petro Hotel)

Địa chỉ: Tầng 14, Khách sạn Dầu khí, Số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 20 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh du lịch và dịch vụ sinh hoạt cho các công ty dầu khí trong và ngoài nước

04

Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan (PTSC Labuan)

Địa chỉ: Unit 3A-25, U0350, 3rd Floor, Labuan Times Square, 87007 Labuan F.T Malaysia

Vốn điều lệ/đầu tư: 572.565 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính: Cung cấp tàu dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác dầu khí

05

Công ty CP Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC (PTSC Quang Ngai)

Địa chỉ: Lô 4H, Tôn Đức Thắng, phường Lê Hồng Phong, Tp. Quảng Ngãi

Vốn điều lệ/đầu tư: 300 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 100%

Ngành nghề kinh doanh chính:

- » Quản lý, khai thác và cung cấp các tàu dịch vụ Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp
- » Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp

06

Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biển PTSC (POS)

Địa chỉ: Cảng hạ lưu PTSC, số 65A đường 30/4, phường Thắng Nhất, Tp. Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 400 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 84,95%

Ngành nghề kinh doanh chính: Vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng, di dời, thu dọn các công trình dầu khí và công nghiệp



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

CÔNG TY CON

07

Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ (PTSC Phú Mỹ)

Địa chỉ: Khu CN Phú Mỹ I, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 350 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 59,61%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp

08

Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa (PTSC Thanh Hóa)

Địa chỉ: Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa

Vốn điều lệ/đầu tư: 400 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 54,69%

Ngành nghề kinh doanh chính:

- » Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp
- » Chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp

09

Công ty CP Dịch vụ Khai thác Dầu khí PTSC (PPS)

Địa chỉ: Tầng 16, Khách sạn Dầu khí, Số 9-11, đường Hoàng Diệu, phường 1, Tp. Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 200 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, khai thác, vận hành và bảo dưỡng các kho nổi chứa dầu thô (FSO), kho nổi chứa và xử lý dầu thô (FPSO), cung ứng lao động chuyên ngành dầu khí

10

Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Đình Vũ (PTSC Đình Vũ)

Địa chỉ: Khu CN Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, Tp. Hải Phòng

Vốn điều lệ/đầu tư: 400 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp và cảng container

11

Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam (PV Security)

Địa chỉ: Tầng G3, tòa nhà B4 Kim Biên, đường Phạm Ngọc Thạch, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Vốn điều lệ/đầu tư: 30 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Kinh doanh dịch vụ bảo vệ

12

Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai Bến Đình (PVSB)

Địa chỉ: Tầng G3, tòa nhà B4 Kim Biên, đường Phạm Ngọc Thạch, quận Đống Đa, Tp. Hà Nội

Vốn điều lệ/đầu tư: 500 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Quản lý, điều hành, kinh doanh, khai thác cảng tổng hợp



MẠNG LƯỚI HOẠT ĐỘNG (tiếp theo)

CÔNG TY LIÊN DOANH, LIÊN KẾT

01

Công ty Liên doanh Vietnam Offshore Floating Terminal (VOFT)

Địa chỉ: B01-D-10-1 Level 10, Menara 2, Boutique Office 1 (Pillar 11), KL Eco City, No. 3 Jalan Bangsar, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia.

Vốn điều lệ/đầu tư: 14.640.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 60%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất và xử lý dầu thô (FPSO)

02

Công ty Liên doanh PTSC South East Asia (SEA)

Địa chỉ: 600 North Bridge Road, #23-01 Parkview Square, Singapore

Vốn điều lệ/đầu tư: 32.000.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)

03

Công ty Liên doanh PTSC Asia Pacific (AP)

Địa chỉ: 600 North Bridge Road, #23-01 Parkview Square, Singapore

Vốn điều lệ/đầu tư: 60.000.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 51%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FPSO)

04

Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam (MVOT)

Địa chỉ: B01-D-10-1 Level 10, Menara 2, Boutique Office 1 (Pillar 11), KL Eco City, No. 3 Jalan Bangsar, 59200 Kuala Lumpur, Malaysia

Vốn điều lệ/đầu tư: 35.222.268 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 49%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)

05

Công ty Liên doanh Rồng Đồi MV12 (MV12)

Địa chỉ: No.12, International Business Park, Unit 2-06/7 The Strategy Tower, Singapore

Vốn điều lệ/đầu tư: 20.000 USD

Tỷ lệ nắm giữ: 33%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đầu tư và cung cấp dịch vụ kho nổi, chứa, xuất dầu thô (FSO)

06

Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (PV Shipyard)

Địa chỉ: Số 65A2, đường 30/4, phường 9, Tp. Vũng Tàu

Vốn điều lệ/đầu tư: 595 tỷ VNĐ

Tỷ lệ nắm giữ: 28,75%

Ngành nghề kinh doanh chính: Đóng mới, sửa chữa, hoán cải giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thủy, các phương tiện nổi



CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA PTSC



Đội tàu dịch vụ
của PTSC

PTSC hiện đang sở hữu, quản lý đội tàu dịch vụ dầu khí với tổng số 19 tàu đa dạng về công suất và chủng loại như tàu kéo, thả neo và vận chuyển, tàu định vị động học (DP), tàu hỗ trợ lặn khảo sát, tàu chống cháy, tàu trục mỏ, tàu bảo vệ... được vận hành hoàn toàn bởi đội ngũ thuyền viên Việt Nam có năng lực, giàu kinh nghiệm. Chi tiết đội tàu dịch vụ của PTSC như sau:

| STT | TÊN TÀU | CÔNG SUẤT | STT | TÊN TÀU | CÔNG SUẤT |
|-----|--|-----------|-----|--|-----------|
| 1 | Tàu PTSC Sao Vàng | 6.500 BHP | 10 | Tàu PTSC Ngàn năm TLHN - 03 (Utility towing) | 4.750 BHP |
| 2 | Tàu Phong Nha (AHTS DP1) | 5.300 BHP | 11 | Tàu PTSC 04 (Utility towing) | 2.140 BHP |
| 3 | Tàu Bình An (AHTS) | 8.900 BHP | 12 | Tàu PTSC 05 (Tug) | 3.200 BHP |
| 4 | Tàu PTSC Vũng Tàu (AHTS DP1) | 7.080 BHP | 13 | Tàu PTSC 06 (Tug) | 3.200 BHP |
| 5 | Tàu PTSC Hải Phòng (AHTS DP1) | 5.220 BHP | 14 | Tàu PTSC 07 (Tug) | 1.600 BHP |
| 6 | Tàu PTSC Thái Bình (AHTS DP2) | 8.080 BHP | 15 | Tàu PTSC 08 (Tug) | 800 BHP |
| 7 | Tàu PTSC Thăng Long (AHTS DP2) | 7.200 BHP | 16 | Tàu PTSC 09 (Tug) | 5.000 BHP |
| 8 | Tàu PTSC Tiên Phong (AHTS) | 7.080 BHP | 17 | Tàu PTSC 10 (Tug) | 2.700 BHP |
| 9 | Tàu PTSC Ngàn năm TLHN - 02 (Utility towing) | 3.500 BHP | 18 | Tàu PTSC 11 (Tug) | 1.600 BHP |
| | | | 19 | Tàu PTSC 12 (Service boat) | 1.430 BHP |

» AHTS: Tàu dịch vụ đa năng
 » Utility towing, Tug: Tàu lai kéo, tàu kéo
 » DP1: có hệ thống định vị động học DP 1
 » DP2: có hệ thống định vị động học DP 2



Kho nổi chứa xử
lý và xuất các sản
phẩm dầu khí (FSO/
FPSO/ MOPU/
MOPSU/ FSRU/
FPU...)

Dịch vụ cung cấp kho nổi chứa, xử lý và xuất các sản phẩm dầu khí là một trong những dịch vụ chiến lược mang tính ổn định, lâu dài do gắn liền với hoạt động khai thác các mỏ dầu. Hiện tại, PTSC đang sở hữu/đồng sở hữu 06 FSO/FPSO phục vụ các hoạt động khai thác của khách hàng tại các mỏ trong và ngoài nước, cụ thể như sau:

| STT | TÊN KHO NỔI | SỨC CHỨA | KHU VỰC HOẠT ĐỘNG |
|-----|-----------------------|---------------|------------------------------|
| 1 | FSO Orkid | 745.000 thùng | Mỏ PM3 CAA |
| 2 | FPSO Ruby II | 645.000 thùng | Mỏ Hồng Ngọc |
| 3 | FSO PTSC Bien Dong 01 | 350.000 thùng | Mỏ Hải Thạch và Mộc Tinh |
| 4 | FPSO PTSC Lam Son | 350.000 thùng | Mỏ Thăng Long - Đông Đô |
| 5 | FSO Golden Star | 777.695 thùng | Cụm Mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt |
| 6 | FSO Rồng Đồi MV12 | 300.000 thùng | Mỏ Rồng Đồi |

CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA PTSC (tiếp theo)



Hiện nay, PTSC đang quản lý, vận hành và tiếp tục triển khai đầu tư mở rộng hệ thống 08 căn cứ cảng dịch vụ dầu khí trên cả ba miền Bắc - Trung - Nam Việt Nam với tổng diện tích trên 360ha và trên 2.700m cầu cảng, phục vụ các khách hàng đang hoạt động thăm dò khai thác dầu khí Việt Nam cũng như các thành phần kinh tế khác tại địa phương. Cụ thể các căn cứ cảng trong hệ thống của PTSC như sau:

| STT | TÊN CẢNG | ĐỊA ĐIỂM | QUY MÔ |
|-----|-----------------------------|---|---|
| 1 | Cảng Hạ lưu Vũng Tàu | Số 65A, đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Diện tích: 82,2 ha Số cầu bến: 09 Tổng chiều dài cầu bến: 750m Khả năng tiếp nhận: + Tàu 10.000 DWT + Sà lan 10.000 DWT Độ sâu thủy điện: -6,5m đến -9m |
| 2 | Cảng Hòn La | Xã Quảng Đông, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình | Diện tích: 11,02 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 215m Khả năng tiếp nhận tàu: 10.000 DWT Độ sâu thủy điện: -9,2m |

| STT | TÊN CẢNG | ĐỊA ĐIỂM | QUY MÔ |
|-----|--------------------------------|--|--|
| 3 | Cảng Sơn Trà | Đường Yết Kiêu, phường Thọ Quang, quận Sơn Trà, TP. Đà Nẵng | Diện tích: 10 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 200m Khả năng tiếp nhận tàu: 10.000 DWT Độ sâu thủy điện: -7,5m |
| 4 | Cảng Dung Quất | Huyện Bình Sơn, tỉnh Quảng Ngãi | Diện tích: 13,7 ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 210m, khả năng tiếp nhận tàu 70.000 DWT, độ sâu thủy điện -11m. + Bến số 2: chiều dài 160m, khả năng tiếp nhận tàu 3.000 DWT, độ sâu thủy điện -4,2m. + Bến tàu lai dắt và tàu chuyên ngành dầu khí: chiều dài 70m, khả năng tiếp nhận tàu 3.000 DWT, độ sâu thủy điện -7,0m. |
| 5 | Cảng PTSC Phú Mỹ | Đường số 3, Khu công nghiệp Phú Mỹ, huyện Tân Thành, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Diện tích: 26,5 ha Số cầu bến: 04 + Bến số 1: chiều dài 385m, khả năng tiếp nhận tàu 80.000 DWT, độ sâu thủy điện -10,5m. + Bến số 2: chiều dài 130m, khả năng tiếp nhận tàu 1.500 DWT, độ sâu thủy điện -2,7m + Bến số 3: chiều dài 130m, khả năng tiếp nhận tàu 2.500 DWT, độ sâu thủy điện -3,3m. + Bến số 4: chiều dài 60m, khả năng tiếp nhận tàu 2.500 DWT, độ sâu thủy điện -4,8m. |
| 6 | Cảng Nghi Sơn | Xã Nghi Sơn, huyện Tĩnh Gia, tỉnh Thanh Hóa | Diện tích: 43,9ha Số cầu bến: 02 + Bến số 1: chiều dài 165m, khả năng tiếp nhận tàu 30.000 DWT (giảm tải), độ sâu thủy điện -9,5m. + Bến số 2: chiều dài 225m, khả năng tiếp nhận tàu 70.000 DWT (giảm tải), độ sâu thủy điện -12m. |
| 7 | Cảng PTSC Đình Vũ | Khu công nghiệp Đình Vũ, phường Đông Hải II, quận Hải An, TP. Hải Phòng | Diện tích: 15,28 ha Số cầu bến: 01 Chiều dài cầu bến: 330m Khả năng tiếp nhận tàu: 20.000 DWT Độ sâu thủy điện: -7,5m |
| 8 | Cảng Sao Mai - Bến Đình | Số 65A3, đường 30/4, phường Thắng Nhất, TP. Vũng Tàu, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu | Diện tích: 113 ha |

CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA PTSC (tiếp theo)



Lĩnh vực dịch vụ cơ khí chế tạo và xây lắp công trình biển là một trong số những loại hình dịch vụ quan trọng có đóng góp lớn nhất vào doanh thu, lợi nhuận của PTSC. Để thực hiện các dự án, PTSC hiện đang sở hữu các khu căn cứ thi công chế tạo công trình dầu khí tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa với điều kiện cơ sở vật chất, cảng bãi, kho hàng, thiết bị cầu kéo, thiết bị nâng hạ và các máy móc thiết bị cơ sở khác... luôn đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng, cụ thể:

- » Công trường thi công chính tại Vũng Tàu với diện tích gần 160 ha. Ngoài ra, PTSC còn có các bãi chế tạo tại Quảng Ngãi, Thanh Hóa với diện tích trên 40 ha.
- » Hệ thống cầu cảng tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa đủ khả năng đáp ứng các nhu cầu thi công chế tạo và hạ thủy các cấu kiện dầu khí. Riêng tại Vũng Tàu có cầu cảng dài gần 1.000 mét được thiết kế 03 đường trượt chuyên dụng cho công tác thi công, hạ thủy các cấu kiện dầu khí lớn (6.000 tấn; 15.000 tấn và 25.000 tấn) với tải trọng phân phối trên khu vực mở trên 50 tấn/m².
- » Hệ thống nhà xưởng, kho bãi thi công và văn phòng làm việc được đầu tư đồng bộ và hiện đại: xưởng thi công lắp ráp (150.000m²), phân xưởng có mái che (22.000m²), xưởng phun làm sạch (8.000m²), xưởng sơn có mái che (3.500m²)...
- » Hàng loạt các phương tiện, máy móc thiết bị phục vụ các hoạt động thi công chế tạo công trình dầu khí như xe cầu từ 50 - 550, 1.200 tấn, xe nâng, máy hàn, máy phát điện, máy nén khí cùng nhiều thiết bị dụng cụ chuyên dụng khác.



Nguồn lực cơ sở vật chất phục vụ công tác vận chuyển, đấu nối, xây lắp, bảo dưỡng sửa chữa, tháo dỡ các công trình dầu khí biển được PTSC đầu tư thời gian qua đã cơ bản đáp ứng nhu cầu dịch vụ, gồm các cơ sở vật chất chủ đạo sau:

| STT | TÊN KHO NỔI | SỨC CHỨA |
|-----|---|---|
| 1 | Sà lan nhà ở 300 chỗ PTSC Offshore 1 | Sà lan không tự hành, chiều dài 111,6m, chiều rộng 31,7m, chiều cao mạn 7,3m, mớn nước 4,5m, trọng tải 9.582 tấn, được trang bị một cầu lớn với sức nâng 300 tấn. |
| 2 | Sà lan 5.000 tấn PTSC 01 | Sà lan có thể vận chuyển các giàn WHP, chân đế, các cấu kiện... lên đến 5.000 tấn phục vụ các công việc xây lắp, sửa chữa, bảo dưỡng, hoán cải ngoài khơi. |
| 3 | Xưởng cơ khí bảo dưỡng | Hệ thống Xưởng tại Vũng Tàu, Quảng Ngãi, Thanh Hóa được đầu tư phương tiện trang thiết bị hiện đại để phục vụ cho công tác bảo dưỡng sửa chữa các thiết bị có hàm lượng kỹ thuật cao như máy nén khí (Gas Compressor), máy phát điện, van, thiết bị trao đổi nhiệt, thiết bị bình bồn công nghệ của các công trình dầu khí và các công trình công nghiệp trên bờ. |

CƠ SỞ VẬT CHẤT CỦA PTSC (tiếp theo)



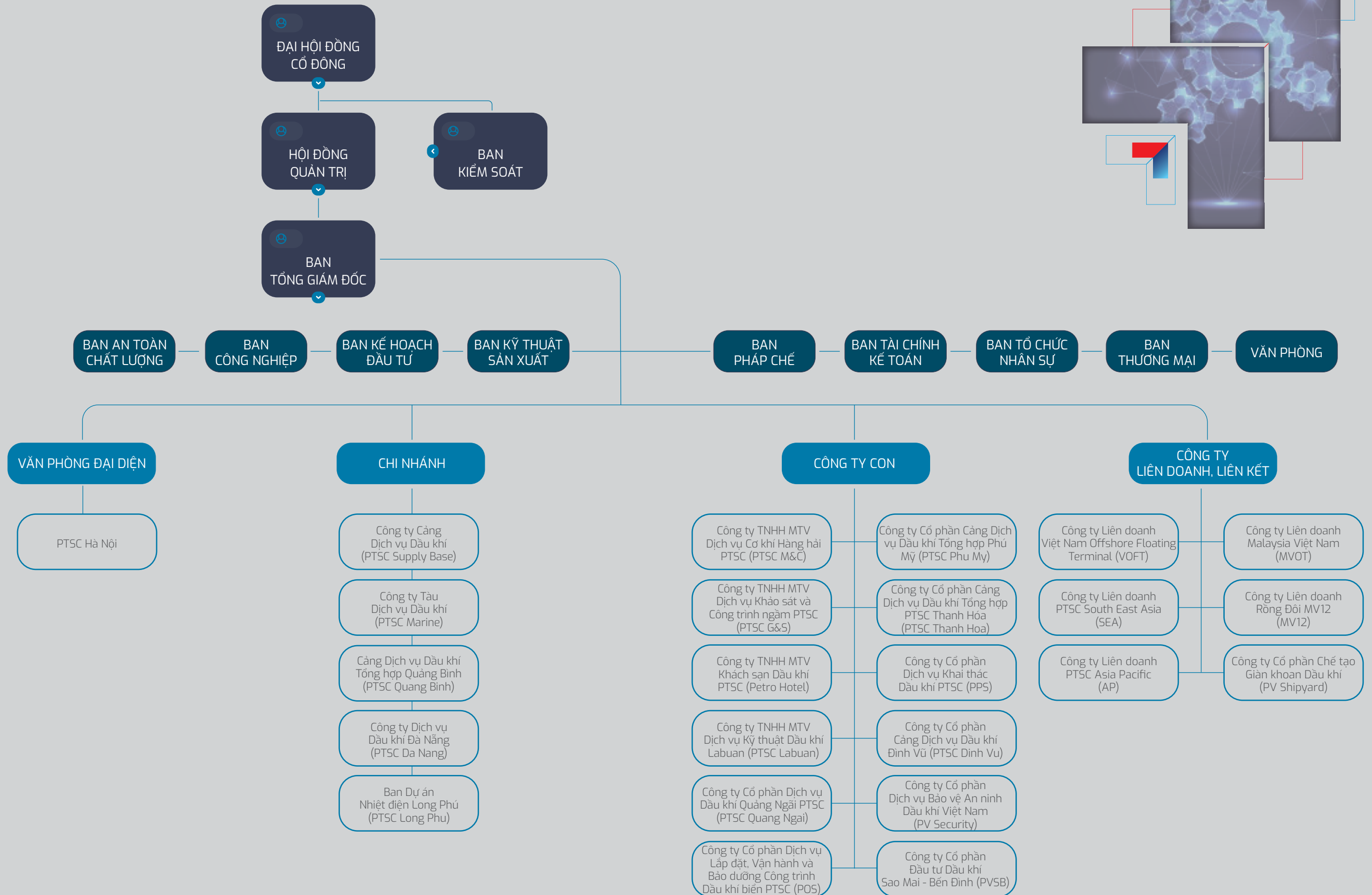
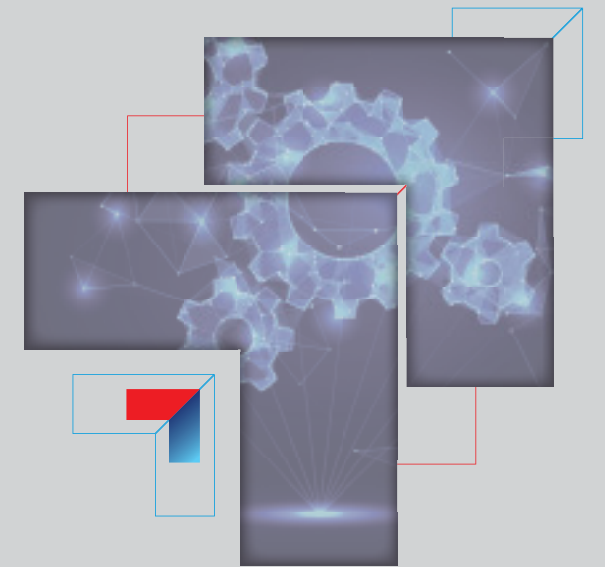
Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV (Remote Operated Vehicle) là loại hình dịch vụ kỹ thuật cao, phức tạp với các hoạt động quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, địa vật lý, cung cấp vận hành các phương tiện, thiết bị khảo sát chuyên dụng ROV.

| STT | TÊN PHƯƠNG TIỆN | ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT |
|-----|---|--|
| 1 | Tàu khảo sát địa chất Bình Minh | Tàu có hệ thống định vị động học DP1, chiều dài 61,0 m, chiều rộng 14,95m, mớn nước 4,8m, tổng dung tích 1624 GT; Tổng công suất máy chính 2x22753 = 5506 HP được tổ chức đăng kiểm VR-LR kiểm tra cấp giấy chứng nhận. Tàu được trang bị hệ thống khoan khảo sát địa chất công trình trên biển và hệ thống tời 4 điểm neo. |
| 2 | Tàu khảo sát địa vật lý PTSC Researcher | Chiều dài 50,3m, chiều rộng 11,58m, mớn nước 4,27m, tổng dung tích 798 GT; Tổng công suất máy chính 2x1200 = 2400 HP được tổ chức đăng kiểm VR-LR kiểm tra cấp giấy chứng nhận. Tàu được trang bị hệ thống thiết bị khảo sát địa vật lý bao gồm khảo sát Analogue và địa chấn phân giải cao. |

| STT | TÊN PHƯƠNG TIỆN | ĐẶC TÍNH KỸ THUẬT |
|-----|---|--|
| 3 | Thiết bị khảo sát ROV Observation (02 thiết bị) | ROV Panther Plus 911 và ROV Panther Plus 954 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa các công trình ngầm dưới nước, có thể lặn sâu tới 2.000m - 3.000m. |
| 4 | Thiết bị khảo sát ROV WorkClass (02 thiết bị) | ROV Quasar Compact 007 và ROV II-30 là thiết bị lặn điều khiển từ xa dùng khảo sát, sửa chữa với mức độ phức tạp các công trình ngầm dưới nước, có thể lặn sâu tới 2.000m - 3.000m. Trong đó, ROV II-30 vừa được hoàn thành đầu tư trong năm 2021, công suất 150HP thuộc loại mạnh và hiện đại nhất Việt Nam hiện nay. |



SƠ ĐỒ TỔ CHỨC





HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông
Phan Thanh Tùng
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1970 tại Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản lý Kỹ thuật,
Kỹ sư Khai thác máy tàu biển, Cử nhân Quản trị Kinh doanh,
Cử nhân Anh Văn



Ông
Lê Mạnh Cường
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1974 tại Hải Dương
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển



Ông
Đỗ Quốc Hoan
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1969 tại Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Kinh tế, Kỹ sư Kinh tế vận tải biển,
Kỹ sư Điều khiển tàu biển



Ông
Nguyễn Xuân Ngọc
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1976 tại Nam Định
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí



Ông
Lưu Đức Hoàng
THÀNH VIÊN ĐỘC LẬP HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Sinh năm: 1979 tại Quảng Bình
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị tài chính doanh nghiệp,
Cử nhân Tài chính Kế toán



Ông
Lê Mạnh Cường
THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1974 tại Hải Dương
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Điều khiển tàu biển



Ông
Nguyễn Hữu Hải
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1962 tại Bắc Ninh
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Vô tuyến điện,
Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp



Ông
Trần Hồ Bắc
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1978 tại Nam Định
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh,
Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp, Kỹ sư Cơ khí



Ông
Trần Hoài Nam
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC
(bổ nhiệm ngày 16/11/2021)

Sinh năm: 1978 tại Bình Định
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Quản trị kinh doanh,
Kỹ sư Điện-Điện tử, Cử nhân Kinh tế



Ông
Nguyễn Trần Toàn
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1964 tại Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển,
Kỹ sư Quản trị doanh nghiệp



Ông
Tạ Đức Tiến
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1968 tại Thái Bình
Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Khai thác máy tàu biển,
Kỹ sư Quản trị kinh doanh



Ông
Nguyễn Xuân Cường
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC

Sinh năm: 1977 tại Hà Nội
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Doanh nghiệp

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

KẾ TOÁN TRƯỞNG



Ông
Nguyễn Văn Bào
KẾ TOÁN TRƯỞNG

Sinh năm: 1977 tại Hải Dương
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Tín dụng

BAN KIỂM SOÁT



Bà
Bùi Thu Hà
TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

Sinh năm: 1980 tại Thái Nguyên
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán,
Cử nhân Quản trị kinh doanh



Bà
Hồ Thị Oanh
KIỂM SOÁT VIÊN
(Miễn nhiệm từ ngày 28/04/2021)

Sinh năm: 1972 tại Thái Bình
Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kế toán



Ông
Bùi Hữu Việt Cường
KIỂM SOÁT VIÊN

Sinh năm: 1981 tại Hải Phòng
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ Điều hành Quản trị Kinh doanh quốc tế,
Kỹ sư Kinh tế vận tải biển, Cử nhân Kế toán



Ông
Phạm Văn Tiến
KIỂM SOÁT VIÊN
(Bắt đầu từ ngày 28/04/2021)

Sinh năm: 1983 tại Thái Bình
Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ, Cử nhân Kinh tế

GIẢI THƯỞNG TIÊU BIỂU NĂM 2021



TOP 50 công ty niêm yết
tốt nhất Việt Nam



Sao vàng Đất Việt 2021



TOP 500 doanh nghiệp
lợi nhuận lớn nhất
Việt Nam

SỰ KIỆN TIÊU BIỂU TRONG NĂM 2021



- 1** PTSC hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh, đảm bảo an toàn cho người lao động trên tất cả các công trường, dự án trong và ngoài nước bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến vô cùng phức tạp, đảm bảo thu nhập tốt cho người lao động.
- 2** FPSO Ruby II tại mỏ Ruby đạt cột mốc 1 năm vận hành khai thác với trên 8,5 triệu giờ công an toàn, không xảy ra sự cố thương tật mất thời gian lao động (ZERO LTI).
- 3** FSO PTSC Bien Dong 01 tại mỏ Hải Thạch – Mộc Tinh của BIENDONG POC và FSO Golden Star tại mỏ Sao Vàng – Đại Nguyệt của Idemitsu đạt tỷ lệ khai thác liên tục tối đa (100%).
- 4** PTSC M&C tiếp tục được chủ đầu tư NOC trao thầu thực hiện dự án Gallaf – Giai đoạn 3 tại Qatar sau khi vượt qua sự cạnh tranh khốc liệt với các nhà thầu quốc tế trên toàn thế giới, đồng thời Chủ đầu tư Northland Power Development Services Inc. và Yushan Energy Co., Ltd. lựa chọn PTSC M&C để ký Thỏa thuận ưu tiên thực hiện công tác thiết kế, mua sắm, chế tạo 02 trạm biến áp dự án điện gió Hai Long 2 và Hai Long 3 ngoài khơi Đà Loan.

- 5** PTSC Quảng Bình đạt kết quả năng suất lao động ấn tượng với hơn 824 triệu đồng lợi nhuận trước thuế/người.
- 6** PTSC cung cấp dịch vụ bảo dưỡng SPM và cung cấp đội tàu lai, hỗ trợ hàng hải cho khách hàng NSRP, tiếp nhận thành công chuyến tàu chở dầu thô cỡ lớn VLCC (trên 300.000 DWT) thứ 111 cập SPM phục vụ nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn.
- 7** PTSC Thanh Hóa ước đạt sản lượng hàng hóa thông qua cảng cao nhất trong hệ thống cảng của PTSC từ trước đến nay.
- 8** PTSC đạt mốc 5 triệu giờ làm việc an toàn, không có tai nạn, sự cố tại dự án Tổ hợp hóa dầu Miền Nam (dự án hóa dầu Long Sơn).

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN

1993



Thành lập Công ty Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí (PTSC) trên cơ sở sáp nhập Công ty Dịch vụ Dầu khí (PSC) và Công ty Địa vật lý và Dịch vụ Dầu khí (GPTS), là doanh nghiệp Nhà nước duy nhất cung cấp dịch vụ kỹ thuật dầu khí với lĩnh vực hoạt động chính ban đầu là cung cấp tàu dịch vụ kỹ thuật dầu khí, căn cứ cảng dịch vụ dầu khí và cung cấp lao động kỹ thuật cho các nhà thầu dầu khí.

1994 - 2005



- Tách một số bộ phận của PTSC để làm nòng cốt thành lập các đơn vị dịch vụ chuyên ngành mới của ngành dầu khí.
- » Đầu tư phát triển đội tàu dịch vụ chuyên dụng hiện đại và mở rộng xây dựng căn cứ cảng dịch vụ dầu khí PTSC Vũng Tàu trở thành căn cứ dịch vụ đa năng, hiện đại.
- » Thực hiện thành công khối nhà ở LQ-CPC 99 cho Khách hàng Vietsovpetro, đặt nền móng cho sự phát triển mạnh mẽ của dịch vụ cơ khí dầu khí.
- » Triển khai hợp đồng O&M Nhà máy Xử lý khí Dinh Cố, đường ống dẫn khí 2 phase dài 370 km và Giàn công nghệ Lan Tây, đặt nền móng cho sự ra đời và làm chủ loại hình dịch vụ O&M.
- » Ký hợp đồng hợp tác kinh doanh FPSO Ruby Princess với PVI và PVFC, đánh dấu sự ra đời một lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật cao đầy tiềm năng, dịch vụ FSO/FPSO.

2006 - 2010



- » Năm 2006: Thực hiện quá trình cổ phần hóa, chào bán cổ phiếu lần đầu ra công chúng (IPO).
- » 01/01/2007: Chính thức hoạt động theo mô hình công ty cổ phần, tạo ra bước ngoặt lịch sử trong quá trình phát triển của PTSC với sức mạnh mới.
- » 09/02/2007: Chuyển đổi hoạt động theo mô hình Công ty mẹ - Công ty con.
- » 20/9/2007: Cổ phiếu của PTSC chính thức niêm yết trên sàn HNX với mã cổ phiếu PVS.
- » Thành lập mới PTSC G&S; hoàn thành đầu tư tàu khảo sát địa chấn 2D, ROV, tàu khảo sát địa vật lý, nâng cao năng lực lĩnh vực khảo sát địa chấn, địa chất và khảo sát công trình ngầm lên một tầm cao mới.
- » Tham gia đầu tư kho nổi FSO Orkid và FPSO Ruby II, nâng cao năng lực trong lĩnh vực cung cấp dịch vụ FSO/FPSO.
- » Năm 2010: Phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ lên 2.978 tỷ VNĐ.
- » Thực hiện thành công tổng thầu EPC Dự án Biển Đông với tổng khối lượng thi công chế tạo trên 30.000 tấn và giá trị trên 1 tỷ USD, là dự án thi công chế tạo các cấu kiện dầu khí lớn nhất Việt Nam từ trước đến nay.

2011 - 2015



- » Thực hiện đầu tư sở hữu 51% 2 kho nổi FSO PTSC Bien Dong 01 và FPSO Lam Son, làm chủ hoàn toàn công nghệ đóng và vận hành FSO/FPSO.
- » Thực hiện thành công tăng vốn điều lệ lên 4.467 tỷ VNĐ.
- » Năng lực triển khai các dự án EPCI và khả năng cạnh tranh trên thị trường quốc tế trong lĩnh vực cơ khí dầu khí được khẳng định và nâng cao bằng việc thắng thầu quốc tế và thực hiện thành công các dự án: Khối thượng tầng giàn công nghệ HRD cho Khách hàng Tập đoàn Dầu khí Quốc gia Ấn Độ - ONGC, Dự án EPCC Maharaja Lela South tại Brunei cho Khách hàng Total E&P.
- » Các Liên doanh ở nước ngoài thực hiện chuyển lợi nhuận về nước.

2016 - 2019



- Tăng vốn điều lệ lên 4.780 tỷ VNĐ.
- » Tính đến 31/12/2018, tổng giá trị PTSC đã thu về từ các Liên Doanh ở nước ngoài là 105 triệu USD.
- » Thắng thầu EPC và thực hiện thành công các dự án công trình công nghiệp dầu khí trên bờ: Nhà máy Phân bón NPK; Nhà máy sản xuất Amoniac NH3 của Khách hàng Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí (PVFCCo); Nhà máy Xử lý khí Cà Mau của Khách hàng Tổng công ty Khí Việt Nam - CTCP (PV GAS); Dự án kho chứa LNG Thị Vải và Dự án EPC đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt của khách hàng PV GAS; Dự án tổ hợp hóa dầu miền Nam Việt Nam - Gói A1 (LSP - A1) của khách hàng Liên danh tổng thầu TPSK (Ý - Hàn Quốc).
- » Thắng thầu và triển khai thực hiện các dự án cho các Khách hàng ngoài ngành: Nhà máy kho cảng Hải Phòng, Mở rộng nhà máy Gò Dầu cho Khách hàng Top Solvent (Thái Lan) và Mở rộng kho cảng Vopak (Hà Lan) giai đoạn III, Dự án "Kho cảng Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ của khách hàng Công ty CP Kho cảng Nhiên liệu Hàng không Nam Đình Vũ (NDV Seaport); Dự án gia công chế tạo, lắp đặt hệ đường ống công nghệ ISBL và lắp đặt thiết bị - Nhà máy sản xuất polypropylene của khách hàng Hyosung Vietnam.
- » Thắng thầu và triển khai Dự án Gallaf (Al Shaheen) cho Khách hàng North Oil Company (NOC) tại Qatar với tổng giá trị hợp đồng tổng giá trị hơn 320 triệu USD; Hoàn thành đóng mới, hạ thủy, bàn giao và đưa vào vận hành, khai thác thành công và an toàn đội tàu 8 tàu cho khách hàng Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn (NSRP).
- » Ngày 4/10/2019, Chấn đế giàn Công nghệ Trung tâm Sao Vàng nặng 12.500 tấn thuộc Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt, đã được lắp đặt và bàn giao thành công cho Chủ đầu tư IGP, khẳng định năng lực tổng thầu EPCIC của PTSC.
- » PTSC về đích trước kế hoạch, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch tài chính và bước qua thời kỳ khó khăn nhất.

2020



- » Hoàn thành Dự án Thiết kế, Chế tạo, Vận chuyển, Lắp đặt, Đấu nối và Chạy thử Giàn xử lý khí trung tâm CPP Sao Vàng và chính thức nhận dòng khí đầu tiên ngày 16/11/2020. Dự án vinh dự được gắn biển "Công trình chào mừng Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII của Đảng".
- » Ngày 16/11/2020, Kho nổi FSO Golden Star đã chính thức đón dòng condensate đầu tiên, đánh dấu mốc son thành công vô cùng quan trọng trong chuỗi Dự án Sao Vàng - Đại Nguyệt, cùng với giàn xử lý trung tâm Sao Vàng CPP và hệ thống đường ống nội mô cũng do chính PTSC làm tổng thầu thực hiện.
- » Dự án Gallaf (Al Shaheen) tại Qatar - dự án do PTSC thắng thầu quốc tế EPCI với khối lượng lớn và tổng giá trị trên 320 triệu USD đã được thực hiện thành công công tác Thiết kế, Mua sắm, Chế tạo tại Việt Nam và Vận chuyển, Lắp đặt, Chạy thử 3 giàn khai thác Dự án Gallaf 1 với hơn 800 NLĐ PTSC làm việc tại Qatar trong bối cảnh đại dịch Covid-19.
- » Trong bối cảnh vô cùng khó khăn và nhiều thách thức, cùng với nỗ lực và nội lực, PTSC triển khai đồng bộ các giải pháp ứng phó vượt qua "khủng hoảng kép" do giá dầu giảm sâu và dịch bệnh Covid-19 để đạt được nhiều kết quả ấn tượng, tăng trưởng ổn định: doanh thu hợp nhất hơn 21.313 tỷ VNĐ, lợi nhuận trước thuế 1.025 tỷ VNĐ, nộp ngân sách Nhà nước 909 tỷ VNĐ.

2021



- » PTSC bổ sung ngành nghề kinh doanh: sản xuất điện; truyền tải và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (xây dựng công trình công nghiệp - nâng lượng tái tạo, xây dựng công trình khác không phải nhà) để tiếp tục mở ra cơ hội phát triển khi tham gia trực tiếp từ đầu tư đến cung cấp các dịch vụ liên quan với sở trường là nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu về công trình công nghiệp - biển tại Việt Nam.
- » Tháng 7/2021 PTSC tiếp tục được Chủ đầu tư NOC trao thầu thực hiện dự án Gallaf - Giai đoạn 3 tại Qatar với khối lượng trên 19.000 tấn sau khi vượt qua sự cạnh tranh khốc liệt với các nhà thầu quốc tế trên toàn thế giới.
- » Tháng 9/2021 Chủ đầu tư Northland Power Development Services Inc. và Yushan Energy Co., Ltd. lựa chọn ký Thỏa thuận ưu tiên thực hiện công tác thiết kế, mua sắm, chế tạo 02 trạm biến áp dự án điện gió Hai Long 2 và Hai Long 3 ngoài khơi Đài Loan, đánh dấu lần đầu tiên một doanh nghiệp Việt Nam thực hiện được loại hình công việc này cho dự án điện gió ngoài khơi tại nước ngoài.
- » PTSC hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu SXKD, đảm bảo an toàn cho Người lao động trên tất cả các công trường, dự án trong và ngoài nước, đảm bảo thu nhập tốt cho Người lao động trong bối cảnh dịch bệnh Covid-19 trên toàn cầu diễn biến vô cùng phức tạp.

02

BÁO CÁO TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG NĂM 2021

48 Thông điệp của Tổng Giám đốc

52 Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

- » Tổng quan hoạt động SXKD năm 2021
- » Đánh giá hoạt động SXKD năm 2021
- » Đánh giá về tình hình tài chính
- » Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu
- » Kế hoạch SXKD năm 2022

74 Báo cáo của Hội đồng Quản trị

- » Đánh giá hoạt động của HĐQT
- » Đánh giá hoạt động của các thành viên HĐQT
- » Đánh giá hoạt động của Ban TGD
- » Kế hoạch hoạt động của HĐQT năm 2022

82 Báo cáo của Ban kiểm soát

- » Đánh giá hoạt động của BKS
- » Kết quả hoạt động của BKS
- » Kế hoạch công tác năm 2022



THÔNG ĐIỆP

CỦA TỔNG GIÁM ĐỐC



“Change for Chances”, thay đổi để có nhiều cơ hội, để đón nhận những vận hội mới, đó là thông điệp xuyên suốt và chủ đạo của năm 2022 đã được Ban lãnh đạo PTSC, tập thể lao động PTSC cùng thống nhất ý chí, cam kết.

CHANGE FOR CHANCES

Kính thưa Quý vị cổ đông,

Quý vị đang cầm trên tay cuốn Báo cáo thường niên 2021 của Tổng công ty PTSC, tài liệu phản ánh rõ nét, đầy đủ thông tin về quá trình hoạt động, sản xuất kinh doanh của PTSC trong năm qua. Một năm đầy thách thức, khó khăn bởi đại dịch Covid-19 bùng phát dữ dội, các hoạt động SXKD, dịch vụ bị đình trệ, áp lực duy trì hoạt động, vượt khủng hoảng... trở thành mục tiêu sống còn đối với những nhà quản lý và đội ngũ lao động trong mỗi doanh nghiệp.

Với PTSC, đại dịch Covid - 19 tiếp tục gây những ảnh hưởng trực tiếp lên các loại hình dịch vụ truyền thống của PTSC như tàu chuyên dụng, căn cứ cảng, cơ khí chế tạo, lắp đặt bảo dưỡng, khai thác... Nhu cầu, khối lượng công việc suy giảm, cạnh tranh gia tăng khốc liệt hơn. Các dự án đầu tư mua sắm phương tiện, trang thiết bị cũng gặp nhiều khó khăn trong công tác đánh giá, phân tích, cập nhật hiệu quả đầu tư do bối cảnh thị trường không thuận lợi. Nhiều dự án đầu tư cơ sở vật chất chưa thể triển khai hoặc phải giãn, dừng để tính toán lại bài toán kinh tế nhằm đảm bảo hiệu quả, tiết giảm chi phí. Công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài tuy có khởi sắc nhưng còn nhiều khó khăn thách thức. Chính sách phòng chống dịch, hạn chế nhập cảnh của các quốc gia sở tại đã ảnh hưởng lớn đến việc thực hiện các các hợp đồng cho khách hàng nước ngoài, phát sinh nhiều chi phí cho PTSC, nhất là đối với các dự án tại Trung Đông khi phải đưa hàng nghìn người lao động cũng như bố trí phương tiện, thi công ngoài biển xa xôi, khí hậu khắc nghiệt. Công tác di chuyển, lưu trú, thủ tục xuất, nhập cảnh, bố trí lịch làm việc và đưa người lao động quay trở lại Việt Nam an toàn sau khi hoàn thành dự án cũng là thách thức lớn mà PTSC đã vượt qua.

Vì lẽ đó, năm 2021 đã thực sự trở thành năm hành động của những người lao động PTSC, không quản ngại từ việc lớn đến việc nhỏ, dự án trong nước hay ngoài nước. Sự bền bỉ, chủ động, quyết liệt, sáng tạo với tinh thần dịch vụ PTSC chuyên nghiệp tiếp tục được tôi luyện và khẳng định trong bối cảnh khó khăn chông chênh để đạt được kết quả doanh thu hợp nhất là **14.711 tỷ VNĐ**, đạt 147% kế hoạch; lợi nhuận hợp nhất trước thuế là 878 tỷ VNĐ, đạt 125% kế hoạch.

Đặc biệt hơn, cơ cấu doanh thu đã có thay đổi rõ rệt với 74% thị phần đến từ nhóm khách hàng ngoài nước, ngoài ngành. Để làm nên con số ngoạn mục này trong bối cảnh dịch bệnh, giãn cách trong thời gian dài, người lao động, phương tiện làm việc của PTSC đã hiện diện, bươn chải tại nhiều quốc gia trên thế giới như Nhật Bản, Đài Loan, Campuchia, Thái Lan, Malaysia, Myanmar, Ấn Độ, Trung Đông... PTSC cũng đã từng bước tham gia vào lĩnh vực điện gió ngoài khơi trong cả vai trò nhà thầu và nhà đầu tư tiềm năng – hướng đi mới/sản phẩm mới của PTSC phù hợp với năng lực cốt lõi, xu hướng chuyển dịch năng lượng toàn cầu với cam kết “Zero Carbon 2050” mạnh mẽ của Việt Nam tại COP 26. Đó cũng là hành động, minh chứng rõ nét quá trình mở rộng thị trường, chinh phục các khách hàng ngoài nước, ngoài ngành. PTSC

đã không còn chỉ thu hẹp mình trong một thị trường truyền thống, mà đã liên tục chuyển đổi, nỗ lực tìm kiếm các cơ hội để vươn tới các thị trường mới, tiếp tục khẳng định uy tín, thương hiệu và truyền tải trọn vẹn thông điệp **"trọn giải pháp, vẹn niềm tin"** tới khách hàng, đối tác, cổ đông ...

Tinh thần ấy của PTSC, quý vị có thể nhận thấy trên từng trang thông tin Báo cáo, trên từng hình ảnh minh họa, từng số liệu chi tiết, từng dòng tin sự kiện, dịch vụ, trải dài trong suốt năm 2021 vừa qua.

Kính thưa các Quý vị cổ đông,

Ban điều hành chúng tôi luôn trăn trở trước sứ mệnh chung của PTSC trên con đường phát triển bền vững. Bằng lòng với hiện tại, sự "giậm chân tại chỗ" sẽ là kẻ thù của sự phát triển. Vì vậy, để tiếp tục chinh phục con đường dài, với các mục tiêu dài hạn, PTSC cần tiếp tục chuyển mình, thay đổi mạnh mẽ để có thể thích ứng với mọi biến động.

"Change for Chances", thay đổi để có nhiều cơ hội, để đón nhận những vận hội mới, đó là thông điệp xuyên suốt và chủ đạo của năm 2022 đã được Ban lãnh đạo, tập thể lao động PTSC cùng thống nhất ý chí, cam kết. Bên cạnh hoàn thành các chỉ tiêu SXKD, giải quyết công ăn việc làm cho người lao động, ổn định và giữ vững thị trường, PTSC sẽ tập trung quyết liệt công tác tái cấu trúc hệ thống, quản trị, đẩy mạnh công tác đầu tư, tối đa hóa giá trị chuỗi dịch vụ của PTSC; thay đổi sáng tạo, chủ động nắm bắt các cơ hội kinh doanh trong xu hướng chuyển dịch năng lượng để phát triển các sản phẩm mới, dịch vụ mới. Chúng tôi đặt mục tiêu mỗi cá nhân, mỗi tập thể cần nỗ lực nhiều hơn, phát huy tối đa sự sáng tạo, tính chủ động, và đặc biệt phải dám hành động, dám thay đổi chính mình để ngày một tốt hơn, hoàn thiện hơn.

Thay mặt Ban Điều hành, tôi trân trọng cảm ơn Hội đồng quản trị Tổng công ty, đội ngũ lãnh đạo các Ban chức năng, Đơn vị thành viên, trực thuộc, các cán bộ quản lý và toàn thể người lao động PTSC, những người luôn giữ vững ngọn lửa và tinh thần lao động trong suốt một năm qua, và sẽ tiếp tục chung vai sát cánh, cống hiến cho màu cờ sắc áo PTSC trên bước đường phát triển.

Chúng tôi cũng vô cùng cảm ơn và gửi lời tri ân sâu sắc tới Tập đoàn Dầu khí Việt Nam, các quý cổ đông; sự tin cậy, hợp tác của quý khách hàng, đối tác đã luôn sự đồng hành, quan tâm, ủng hộ.

Chúng tôi cam kết giữ vững tinh thần của khẩu hiệu "trọn giải pháp, vẹn niềm tin" đối với tất cả quý vị.

Trân trọng!

Tổng Giám đốc



LÊ MẠNH CƯỜNG





Thù lao và các lợi ích khác của Ban TGD

| STT | Họ và tên | Chức danh | Ngày bắt đầu | Ngày kết thúc | Tiền lương (VNĐ) | Thù lao (VNĐ) | Thưởng Ban ĐH 2020 (VNĐ) | Các khoản lợi ích khác bằng tiền (VNĐ) | Tổng thu nhập và lợi ích khác (trước thuế) - VNĐ |
|-----|--------------------------|--------------------------------|--------------|---------------|------------------|---------------|--------------------------|--|--|
| 1 | Lê Mạnh Cường | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc | 01/01/2021 | 31/12/2021 | 1.517.075.000 | 120.000.000 | 214.200.000 | 517.130.000 | 2.368.405.000 |
| 2 | Nguyễn Hữu Hải | Phó Tổng Giám đốc | 01/01/2021 | 31/12/2021 | 1.371.964.000 | - | 161.426.000 | 446.676.000 | 1.980.066.000 |
| 3 | Nguyễn Trần Toàn | Phó Tổng Giám đốc | 01/01/2021 | 31/12/2021 | 1.371.964.000 | - | 193.711.000 | 463.513.000 | 2.029.188.000 |
| 4 | Tạ Đức Tiến | Phó Tổng Giám đốc | 01/01/2021 | 31/12/2021 | 1.371.964.000 | - | 161.426.000 | 405.713.000 | 1.939.103.000 |
| 5 | Trần Hồ Bắc | Phó Tổng Giám đốc | 01/01/2021 | 31/12/2021 | 1.266.428.000 | - | 149.009.000 | 818.339.000 | 2.233.776.000 |
| 6 | Nguyễn Xuân Cường | Phó Tổng Giám đốc | 01/01/2021 | 31/12/2021 | 1.266.428.000 | - | 149.009.000 | 411.119.000 | 1.826.556.000 |
| 7 | Trần Hoài Nam | Phó Tổng Giám đốc | 16/11/2021 | 31/12/2021 | 93.106.000 | - | - | 5.000.000 | 98.106.000 |

TỔNG QUAN HOẠT ĐỘNG SXKD NĂM 2021

Năm 2021 tiếp tục là thử thách lớn đối với thị trường dầu khí toàn cầu khi chưa kịp hồi phục ổn định sau thời gian dài khủng hoảng thì lại chịu tác động của đại dịch Covid-19. Các doanh nghiệp dầu khí phải tập trung ứng phó với dịch bệnh khiến nhu cầu thị trường thấp và thu hẹp. Trong khi đó, tình hình dịch bệnh Covid-19 trong nước diễn biến cũng rất phức tạp với nhiều ổ dịch bùng phát tại các địa phương trên cả nước, đồng thời các biến chủng mới lần lượt được phát hiện đã khiến công tác phòng chống dịch bệnh ngày một khó khăn hơn làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến các lĩnh vực kinh tế - xã hội, gây gián đoạn chuỗi cung ứng và lưu chuyển

thương mại, làm đình trệ các hoạt động sản xuất, kinh doanh, dịch vụ. Khối lượng công việc, dự án trong các lĩnh vực hoạt động của Tổng công ty PTSC trong nước tiếp tục khan hiếm, giá dịch vụ duy trì ở mức thấp và cạnh tranh vô cùng khốc liệt. Bên cạnh đó, công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài hết sức khó khăn, do khối lượng công việc dịch vụ ít và sự bảo hộ cho các doanh nghiệp trong nước của các nước sở tại ngày càng gia tăng.

Trong bối cảnh khó khăn chùng chãi, PTSC đã nỗ lực đẩy mạnh các hoạt động SXKD, xây dựng các phương án, giải pháp ứng phó phù hợp từng cấp độ diễn biến của dịch bệnh, thị trường để đảm bảo duy trì thực hiện ổn định, an toàn, hiệu

quả các hoạt động SXKD, đảm bảo việc làm, đãi ngộ tốt cho Người lao động Tổng công ty đặc biệt điểm sáng được ghi nhận trong năm 2021 là sự nhạy bén, linh hoạt của PTSC trong việc chủ động nắm bắt cơ hội kinh doanh trong xu hướng chuyển dịch năng lượng để phát triển dịch vụ mới, dịch vụ điện gió ngoài khơi.

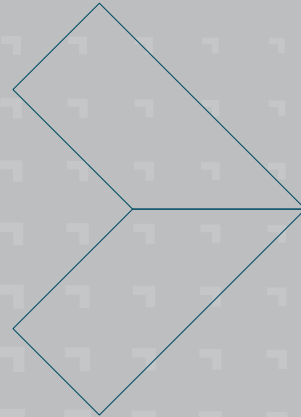
Doanh thu hợp nhất thực hiện năm 2021 là 14.711 tỷ VNĐ, đạt 147% kế hoạch năm 2021, giảm 31% so với thực hiện năm 2020; lợi nhuận hợp nhất trước thuế thực hiện năm 2021 là 878 VNĐ, đạt 125% kế hoạch năm 2021, giảm 14% so với thực hiện năm 2020. Các dịch vụ do PTSC thực hiện luôn đảm bảo an toàn, chất lượng, tiến độ và đáp ứng các yêu cầu của khách hàng.



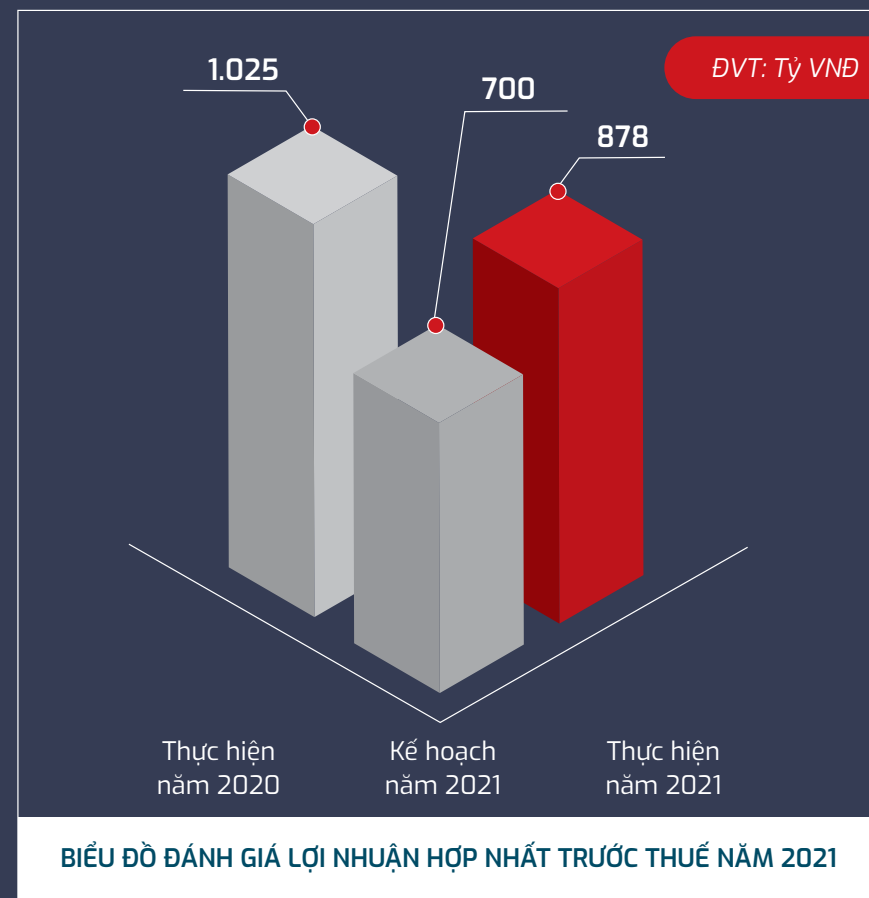
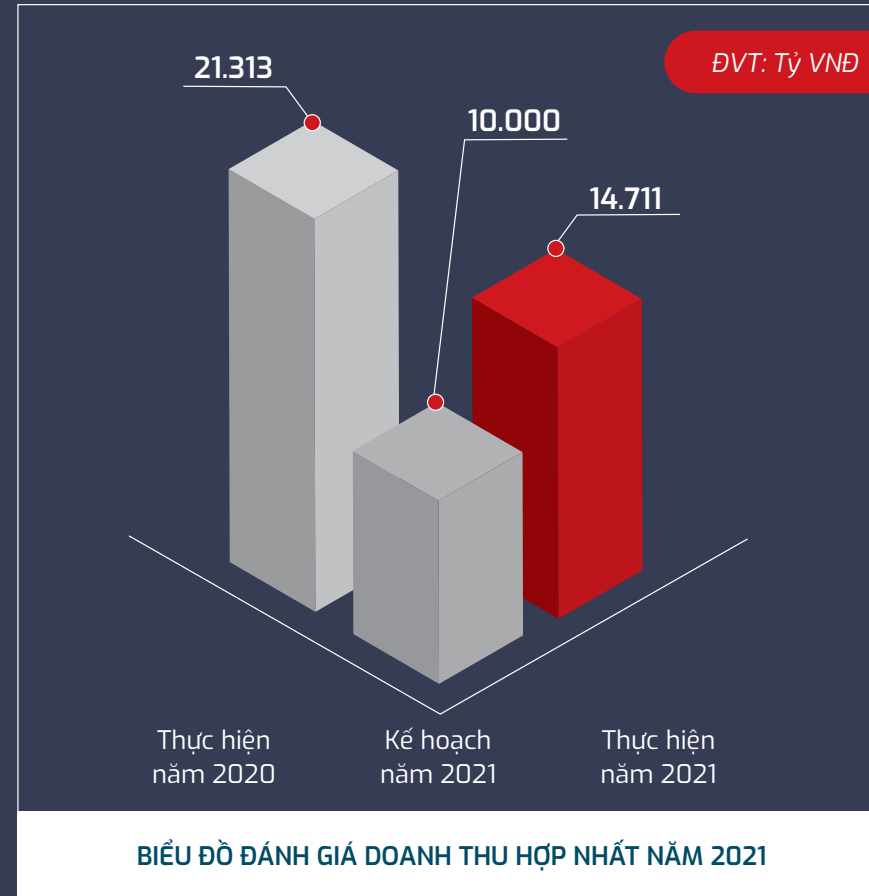
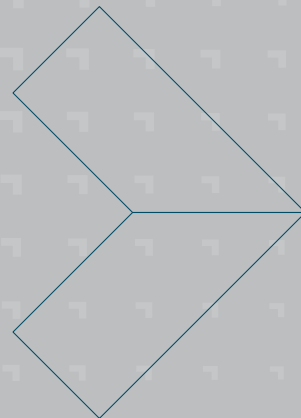
ĐÁNH GIÁ CHỈ TIÊU DOANH THU, LỢI NHUẬN

Đánh giá việc thực hiện chỉ tiêu doanh thu, lợi nhuận

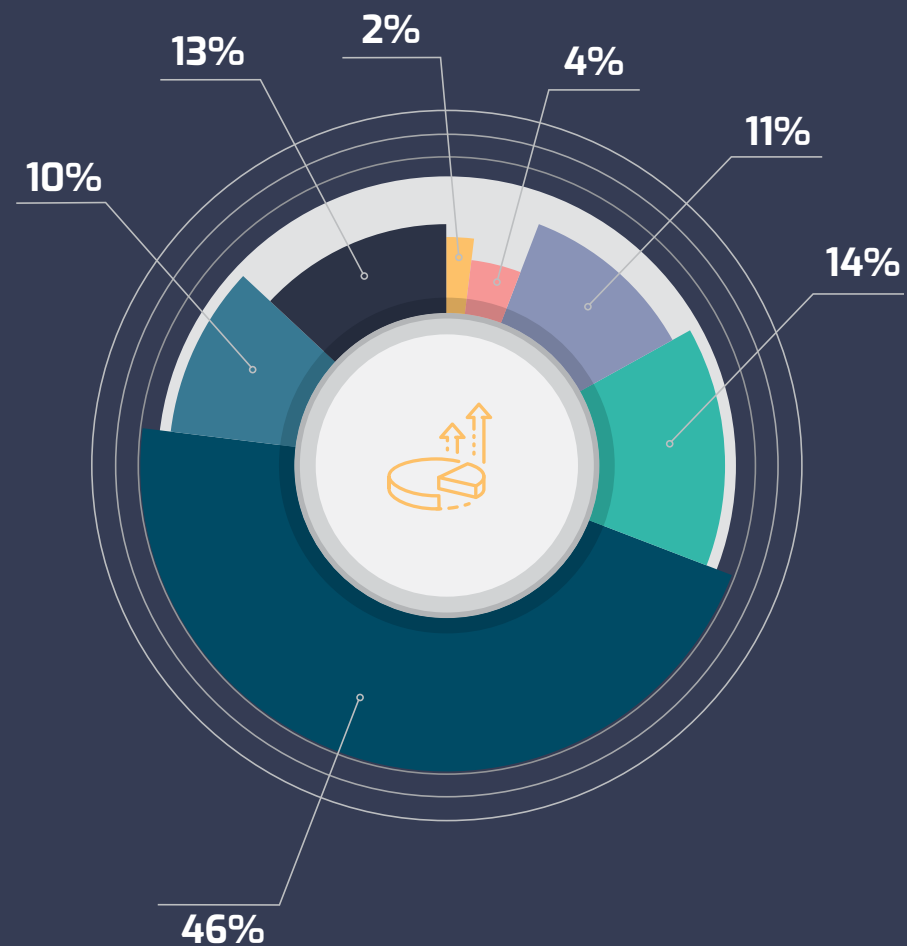
Tình hình dịch bệnh Covid-19 trong năm qua diễn biến hết sức phức tạp trên toàn thế giới, đặc biệt tại Việt Nam từ tháng 4/2021 xuất hiện biến chủng mới đã làm dịch bệnh bùng phát và lây lan nhanh trên diện rộng. Nhiều tỉnh đã phải áp dụng thực hiện giãn cách xã hội theo Chỉ thị 16/CT-TTg, đặc biệt tại TP. Hồ Chí Minh và Bà Rịa – Vũng Tàu, nơi Tổng công ty và nhiều Đơn vị hoạt động nên đã ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động SXKD. Mặt khác, khối lượng công việc, dự án trong các lĩnh vực hoạt động của PTSC trong nước tiếp tục khan hiếm, giá dịch vụ duy trì ở mức thấp và cạnh tranh vô cùng khốc liệt làm tất cả các lĩnh vực dịch vụ của PTSC đều giảm so với thực hiện năm 2020. Kết quả thực hiện doanh thu hợp nhất của PTSC năm 2021 giảm 31% so với năm 2020.



Trong bối cảnh các hoạt động SXKD hết sức khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh, Tổng công ty đã nỗ lực triển khai đồng bộ nhiều giải pháp, kiểm soát chặt chẽ và tiết giảm tối đa các khoản mục chi phí, kể cả chi phí lương nhằm giảm thiểu tác động của sự sụt giảm doanh thu đến lợi nhuận, giúp lợi nhuận hợp nhất trước thuế của PTSC chỉ giảm 14% so với năm 2020.



ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ



- Dịch vụ Căn cứ Cảng: 1.736 tỷ VNĐ, đạt 116% KH năm
- Dịch vụ vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, vận hành và bảo dưỡng CTDK biển: 2.241 tỷ VNĐ, đạt 132% KH năm
- Dịch vụ Khảo sát Địa chấn, ĐCCT, ROV: 302 tỷ VNĐ, đạt 76% KH năm
- Dịch vụ khác: 635 tỷ VNĐ, đạt 318% KH năm
- Dịch vụ Tàu chuyên ngành dầu khí: 1.802 tỷ VNĐ, đạt 129% KH năm
- Dịch vụ kho nổi chứa dầu thô FSO/FPSO: 2.370 tỷ VNĐ, đạt 158% KH năm
- Dịch vụ Cơ khí Dầu khí và Công trình công nghiệp: 7.775 tỷ VNĐ, đạt 173% KH năm

Biểu đồ tỷ trọng đóng góp doanh thu năm 2021 theo từng lĩnh vực dịch vụ

Chi tiết đánh giá tình hình thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh theo từng lĩnh vực dịch vụ như sau:

DỊCH VỤ CUNG ỨNG TÀU CHUYÊN DỤNG



Doanh thu 1.802 tỷ VNĐ, đạt 129% Kế hoạch năm 2021, giảm 15% so với thực hiện năm 2020.

Năm 2021, tổng số ngày hoạt động của các Tàu dịch vụ của PTSC (bao gồm cả Tàu thuê bareboat) chỉ đạt 1.726 ngày, giảm 22,7% so với năm 2020 nguyên nhân do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 bùng phát và diễn biến phức tạp, dẫn đến suy giảm nhu cầu/khối lượng công việc, đơn giá cung cấp dịch vụ giảm mạnh; bên cạnh đó, PTSC đang tiếp tục gặp phải sự cạnh tranh khốc liệt của các chủ tàu tư nhân trong và ngoài nước, phát triển mạnh cả về số lượng Công ty và số lượng tàu, đặc biệt đối với các loại tàu mà PTSC không có, dẫn đến thị phần bị thu hẹp. Tuy nhiên, PTSC cũng không ngừng nỗ lực để tìm kiếm các khách hàng, dịch vụ mới để đa dạng hóa các loại hình dịch vụ và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh. Kết quả trong thời gian vừa qua, PTSC Marine đã ký kết hợp

đồng cung cấp tàu cho khách hàng Siemens Gamesa Renewable Energy phục vụ công tác thi công, lắp đặt, vận hành hệ thống tuabin gió ngoài khơi tỉnh Bến Tre và tỉnh Trà Vinh.

Thực hiện hiệu quả việc cung cấp Tàu dịch vụ trực an ninh, PCCC, an toàn, lai dắt cho Nhà máy Lọc dầu Dung Quất, Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn đảm bảo đáp ứng các nhu cầu của khách hàng. Đặc biệt, ngày 22/08/2021, đội tàu lai và hỗ trợ hàng hải của PTSC đã hỗ trợ tiếp nhận thành công chuyển tàu VLCC (Very Large Crude Carriers) thứ 100 cập phao rót dầu không bến (SPM) cho Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn, qua đó thể hiện sự phối hợp hiệu quả giữa PTSC, NSRP và các Đơn vị liên quan để duy trì hoạt động liên tục của Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn.

DỊCH VỤ CUNG CẤP, QUẢN LÝ, VẬN HÀNH, KHAI THÁC TÀU CHỨA FSO/FPSO



Doanh thu thực hiện năm 2021 là 2.370 tỷ VNĐ, đạt 158% Kế hoạch năm 2021, giảm 30% so với thực hiện năm 2020. Kết quả doanh thu giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước chủ yếu là do trong năm 2020 ghi nhận khoản doanh thu lớn từ Dự án FSO Cá Rồng Đỏ.

Trong năm 2021, PTSC và các đối tác đồng sở hữu đã thực hiện tốt dịch vụ cung cấp cho thuê FSO/FPSO đảm bảo đáp ứng các yêu cầu của Khách hàng (FPSO PTSC Lam Sơn cho Lô 01/97&02/97, FPSO Ruby II cho Lô 01/17&02/17, FSO PTSC Biển Đông 1 cho Mỏ Hải Thạch Mộc Tinh, FSO Orkid cho Vùng chõng lẩn PM3-CAA Malaysia, FSO Rong Doi MV12 cho Mỏ Rồng Đồi - Rồng Đồi Tây, FSO Golden Star mỏ Sao Vàng Đại Nguyện...). Trong đó, PTSC đảm nhận toàn bộ phần việc

O&M cho một số dự án. Tỷ lệ khai thác liên tục đạt gần 100% và cao hơn quy định của hợp đồng. Đặc biệt ngày 14/07/2021, Kho nổi LPG lạnh, Viet Dragon 68, do PTSC cung cấp và vận hành khai thác đã hoàn thành tiếp nhận, chứa và chuyển tải chuyển hàng đầu tiên tại điểm neo O2 thuộc khu neo chuyển tải Hải Hà, Diêm Điền, Thái Bình. Trong tháng 9/2021 PTSC đã thực hiện thành công, an toàn và đúng tiến độ chiến dịch bảo dưỡng tổng thể định kỳ hàng năm (ASD - Annual Shutdown) cho kho nổi FPSO PTSC Lam Sơn.

Tiếp tục thực hiện tốt dịch vụ cung cấp thuyền viên cho MODEC (FSO Rong Doi MV12), MVOT (FSO Orkid), Cửu Long JOC (FPSO Thái Bình - VN).

DỊCH VỤ CƠ KHÍ DẦU KHÍ VÀ CÔNG TRÌNH CÔNG NGHIỆP



Doanh thu thực hiện năm 2021 là 7.775 tỷ VNĐ, đạt 173% Kế hoạch năm 2021, giảm 30% so với thực hiện năm 2020. Kết quả doanh thu lĩnh vực dịch vụ này giảm nhiều so với năm 2020 là do các dự án cơ khí dầu khí đã qua giai đoạn thi công cao điểm, trong khi những Hợp đồng/Dự án tiềm năng mới đang bắt đầu được triển khai.

Mặc dù chịu ảnh hưởng rất lớn do dịch bệnh Covid-19 nhưng PTSC đã tích cực tìm kiếm dự án mới, tập trung nguồn lực và áp dụng nhiều giải pháp để đảm bảo tiến độ thực hiện các dự án Cơ khí Dầu khí, cụ thể:

- » Hoàn thành công tác chế tạo, vận chuyển, lắp đặt Đại Nguyệt Jacket và Đại Nguyệt Toplevel ngoài khơi trong tháng 9/2021.
- » Thực hiện khởi công Jacket (12.900 MT) thuộc Dự án Shwe Phase 3 Jacket trong tháng 10/2021.
- » Tháng 7/2021 đã ký hợp đồng thực hiện Thiết kế chi tiết, Mua sắm, Chế tạo, Vận chuyển, Lắp

đặt và Chạy thử giàn JA và KA với tổng khối lượng trên 19.000 tấn thuộc Dự án Gallaf 3 cho chủ Đầu tư North Oil Company.

- » Đặc biệt cuối tháng 9/2021, Công ty Hai Long Offshore Wind Power đã ký kết Thỏa thuận ưu tiên (Preferred Supplier Agreement - PSA) cho liên danh nhà thầu Semco Maritime A/S (Đan Mạch) và Công ty TNHH 1TV Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC (PTSC M&C) để xây dựng hai trạm biến áp ngoài khơi (offshore substation) thuộc Dự án Điện gió Hai Long 2 và Hai Long 3 tại vùng biển Đài Loan. Đây là thành tựu vô cùng ấn tượng và là bước đột phá chiến lược của PTSC M&C nói riêng và của PTSC nói chung trong mảng dịch vụ năng lượng tái tạo.

Lĩnh vực xây lắp Công trình Công nghiệp: PTSC tiếp tục thực hiện an toàn, hiệu quả, đảm bảo chất lượng và tiến độ của Dự án LNG Thị Vài; Dự án tổ hợp hóa dầu miền Nam: Gói A1, Gói EPC Tank.

DỊCH VỤ CĂN CỨ CẢNG DẦU KHÍ



DỊCH VỤ VẬN CHUYỂN, LẮP ĐẶT, ĐẤU NỐI, VẬN HÀNH, SỬA CHỮA VÀ BẢO DƯỠNG CÁC CÔNG TRÌNH DẦU KHÍ



Doanh thu thực hiện năm 2021 là 1.736 tỷ VNĐ, đạt 116% Kế hoạch năm 2021, giảm 4% so với thực hiện năm 2020.

Dịch vụ Cảng doanh thu giảm so với thực hiện năm 2020 chủ yếu là do hoạt động sản xuất kinh doanh tại Cảng Hạ Lưu Vũng Tàu trong năm 2021 cũng bị ảnh hưởng nặng nề do tác động của dịch Covid-19, các hoạt động cung cấp dịch vụ căn cứ cảng nhìn chung đều sụt giảm so với cùng kỳ năm trước như các dịch vụ căn cứ, cung cấp vật tư giảm do nhu cầu dịch vụ giảm... Số nhà thầu thực hiện kế hoạch khoan chỉ duy trì ở mức thấp, khoảng 2-3 nhà thầu/tháng, tương đương so với năm trước.

Các hoạt động SXKD tại các cảng tổng hợp của Tổng công ty PTSC gồm Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, Cảng Hòn La, Bến số 1 Cảng Dung Quất, Cảng Nghi Sơn tiếp tục được duy trì.

Tuyến vận chuyển nội địa với trọng điểm là TP. Hải Phòng – TP. Hồ Chí Minh bị thiếu hụt nguồn hàng do hoạt động sản xuất tại các tỉnh phía Nam ngừng trệ; các tuyến vận tải quốc tế do thiếu hụt vỏ container và đứt gãy chuỗi cung ứng vì dịch bệnh dẫn đến việc các tuyến vận chuyển bị xô lệch hoặc hủy chuyển đã gây ảnh hưởng tiêu cực đến quá trình hoạt động tại Cảng Đình Vũ. Hoạt động của Cảng Sơn Trà tiếp tục gặp nhiều khó khăn do tuyến luồng vào Cảng chưa được Nhà nước đầu tư, trong khi giá thuê đất lại bị điều chỉnh tăng cao.

Doanh thu thực hiện năm 2021 là 2.241 tỷ VNĐ, đạt 132% Kế hoạch năm 2021, giảm 34% so với thực hiện năm 2020. Kết quả doanh thu, lợi nhuận lĩnh vực dịch vụ này giảm nhiều so với cùng kỳ năm trước là các dự án đã qua giai đoạn cao điểm, trong khi những Hợp đồng/Dự án tiềm năng mới vẫn chưa được triển khai.

PTSC đã hoàn thành cung cấp dịch vụ đấu nối, chạy thử và hoán cải ngoài khơi cho dự án Al Shaheen giai đoạn 2; Dự án xây dựng đường ống biển NCS2 – Giai đoạn 2; Dự án DH01 DISCONNECT: tháo tách, lai dết, tái kết nối giàn FPU DH01 mở Đại Hùng, Block 05-1A ngoài khơi Việt Nam cho khách hàng PVEP; Dự án Vận chuyển và lắp đặt turbine dự án Điện gió Hòa Bình 5 - Giai đoạn I; Dự án Transportation and Installation of Submarine Cable for Tan Thuan Windfarm Project.

Bên cạnh đó, PTSC tiếp tục cung cấp an toàn, hiệu quả các hợp đồng bảo dưỡng, cung cấp nhân lực dài hạn/ngắn hạn cho các công trình dầu khí/các khách hàng.

DỊCH VỤ KHẢO SÁT ĐỊA CHẤN ĐỊA CHẤT CÔNG TRÌNH VÀ KHẢO SÁT SỬA CHỮA CÔNG TRÌNH NGẦM BẰNG ROV



CẢI TIẾN CÔNG TÁC QUẢN LÝ CHÍNH SÁCH AN TOÀN SỨC KHỎE MÔI TRƯỜNG



Doanh thu thực hiện năm 2021 là 302 tỷ VNĐ, đạt 76% Kế hoạch năm 2021, giảm 33% so với thực hiện năm 2020. Doanh thu đạt thấp so với kế hoạch đề ra và so với năm trước do nhiều khách hàng đã hủy thầu hoặc dừng triển khai dự án do bối cảnh thị trường không thuận lợi. Bên cạnh đó, một số dự án tuy được triển khai nhưng lại bị cắt giảm khối lượng công việc để tiết giảm chi phí..., dẫn đến doanh thu thực hiện trong lĩnh vực dịch vụ này trong năm 2021 giảm mạnh.

Trong năm 2021, PTSC đã tiếp tục duy trì khai thác an toàn các Tàu PTSC Researcher, tàu khảo sát địa chất công trình và các Thiết bị ROV phục vụ các hoạt động khảo sát địa chất và khảo sát sửa chữa công trình ngầm, đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của khách hàng.

Công tác giải thể Liên doanh PTSC CGGV đang được PTSC tích cực thúc đẩy thực hiện theo đúng các quy định.

PTSC tiếp tục duy trì tốt việc áp dụng các hệ thống quản lý sức khỏe, an toàn, môi trường, chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001, ISO 14001 và ISO 45001 trong toàn Tổng công ty và đang triển khai xây dựng hệ thống quản lý rủi ro theo tiêu chuẩn ISO 31000:2018.

Trong bối cảnh đại dịch Covid-19 có diễn biến phức tạp kéo dài liên tục trong năm 2021, đặc biệt giai đoạn cách ly/ giãn cách xã hội phòng chống đại dịch, PTSC đã cải tiến chính sách quản lý HSEQ về bảo vệ môi trường bằng việc sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào, so với năm 2020, các chỉ số tiêu thụ năng lượng năm 2021 giảm đáng kể như sau: điện giảm 20%; khí công nghiệp giảm 21%; dầu DO giảm 34%; nước giảm 18%.

Đến thời điểm hiện tại, Công tác an toàn lao động, bảo vệ môi trường, phòng chống cháy nổ được kiểm tra thường xuyên, chặt chẽ, đảm bảo tuyệt đối an toàn trong sản xuất kinh doanh dịch vụ. công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 vẫn được duy trì đảm bảo an toàn, hiệu quả trong SXKD.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ



Công tác đầu tư của Công ty mẹ - PTSC

Năm 2021, Công ty mẹ PTSC đã tiếp tục tổ chức triển khai các dự án đầu tư theo kế hoạch năm 2021 được phê duyệt. Công tác đầu tư được thực hiện trong năm 2021 chủ yếu là triển khai các thủ tục chuẩn bị đầu tư, thuê tư vấn khảo sát, lập báo cáo nghiên cứu khả thi các dự án đầu tư Bến số 2 Cảng tổng hợp Dung Quất, dự án Nhà văn phòng PTSC, dự án nối dài cầu cảng Cảng Hạ Lưu Vũng Tàu, triển khai các bước đấu thầu mua sắm xe cầu 160-180 tấn và tổ chức mua sắm các phương tiện thiết bị nhỏ lẻ, thiết bị công nghệ thông tin, phần mềm phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm. Bên cạnh đó, công tác đầu tư các tàu dịch vụ chuyên tiếp từ năm 2020 vẫn chưa thể triển khai ký kết, đàm phán hợp đồng do PTSC chưa thể tổ chức kiểm tra tàu thực tế do hạn chế đi lại. Kết quả thực hiện giải ngân đầu tư trong năm 2021 của Công ty mẹ - PTSC là 14,2 tỷ VNĐ, chỉ đạt 4,9% so với Kế hoạch.

Nguyên nhân kết quả thực hiện đầu tư đạt thấp so với kế hoạch là do diễn biến phức tạp của dịch bệnh COVID-19, giãn cách xã hội, hạn chế đi lại tại TP.HCM và một số tỉnh thành làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện công việc của các Đơn vị tư vấn đầu tư xây dựng cũng như việc tiếp nhận, xử lý thông tin của các Cơ quan chức năng khi PTSC trình các hồ sơ thủ tục phê duyệt đầu tư có liên quan gặp nhiều khó khăn và mất nhiều thời gian. Tương tự, các dự án đầu tư mua sắm phương tiện thiết bị cũng gặp nhiều khó khăn trong công tác đánh giá, phân tích, cập nhật hiệu quả đầu tư do bối cảnh thị trường không thuận lợi, dẫn đến nhiều dự án đầu tư chưa thể triển khai, phải thực hiện giãn, dừng để đảm bảo hiệu quả, tiết giảm chi phí trong bối cảnh khó khăn.

Công tác đầu tư của các Công ty con - PTSC

Các Công ty con - PTSC đã triển khai thực hiện tốt các Dự án đầu tư cơ sở hạ tầng phục vụ các hoạt động sản xuất kinh doanh, cụ thể: Hoàn thành hoàn cải tạo Bình Minh thay thế tàu khảo sát địa chất công trình PTSC Surveyor, đầu tư 01 thiết bị ROV work-class (đã hoàn thành công tác đấu nối, chạy thử thiết bị ngoài biển), Cầu hàng container tầm với 37m cho cảng PTSC Đình Vũ (đã thực hiện tạm ứng theo hợp đồng đã ký với nhà thầu và dự kiến vận chuyển về cảng vào đầu năm 2022), Bể tải xuất hàng rời cho Cảng PTSC Phú Mỹ (hoàn thành nghiệm thu và đưa vào sử dụng), đầu tư 2 cầu trục 5 tấn cho xưởng của PTSC M&C, đầu tư xe tải cầu 8-12 tấn của POS, xe nâng 25 tấn, máy cắt ống profile, xe nâng bánh lốp 7 tấn... và các dự án đầu tư nhà xưởng, máy móc thiết bị khác phục vụ SXKD của các Đơn vị. Tổng giá trị đầu tư thực hiện tại các Công ty con - PTSC trong năm 2021 đạt hơn 240 tỷ VNĐ.

ĐÁNH GIÁ VỀ TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Căn cứ số liệu của Báo cáo tài chính năm 2021 đã được kiểm toán, tình hình tài chính của PTSC được đảm bảo an toàn và ổn định vì các chỉ số về khả năng thanh toán luôn đạt trên mức 1. Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định, và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Đáng chú ý, mặc dù trong bối cảnh khó khăn của các doanh nghiệp đầu khí toàn cầu do ảnh hưởng của dịch Covid-19, tổng tài sản năm 2021 của PTSC đạt 24,845 tỷ VNĐ chỉ giảm nhẹ so với năm 2020 (5,4%) chủ yếu là do giá trị khoản mục tài sản cố định và khoản phải thu của khách hàng.

Tình hình tài chính

| STT | Chi tiêu | ĐVT | Năm 2020 | Năm 2021 | % tăng giảm |
|-----|-----------------------------------|--------|----------|----------|-------------|
| 1 | Tổng giá trị tài sản | Tỷ VNĐ | 26.279 | 24.845 | 94,54% |
| 2 | Doanh thu thuần | Tỷ VNĐ | 20.180 | 14.198 | 70,36% |
| 3 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | Tỷ VNĐ | 310 | 664 | 214,27% |
| 4 | Lợi nhuận khác | Tỷ VNĐ | 715 | 214 | 29,93% |
| 5 | Lợi nhuận trước thuế | Tỷ VNĐ | 1.025 | 878 | 85,66% |
| 6 | Lợi nhuận sau thuế | Tỷ VNĐ | 710 | 677 | 95,40% |
| 7 | Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức | % | 10% | | |

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

| STT | Các chỉ tiêu | ĐVT | Năm 2020 | Năm 2021 |
|-----|---|--------|----------|----------|
| 1 | <i>Chỉ tiêu về khả năng thanh toán</i> | | | |
| | + Hệ số thanh toán ngắn hạn: | Lần | 1,69 | 1,76 |
| | + Hệ số thanh toán nhanh: | Lần | 1,48 | 1,52 |
| 2 | <i>Chỉ tiêu về cơ cấu vốn</i> | | | |
| | + Hệ số Nợ/Tổng tài sản | Lần | 0,51 | 0,50 |
| | + Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu | Lần | 1,04 | 0,98 |
| 3 | <i>Chỉ tiêu về năng lực hoạt động</i> | | | |
| | + Vòng quay hàng tồn kho: | Lần | 10,72 | 6,40 |
| | + Vòng quay Doanh thu thuần/Tổng tài sản: | Lần | 0,54 | 0,79 |
| 4 | <i>Chỉ tiêu về khả năng sinh lời</i> | | | |
| | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần. | % | 5,00% | 3,36% |
| | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu. | % | 5,51% | 5,40% |
| | + Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản. | % | 2,70% | 2,73% |
| | + Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần | % | 2,18% | 3,29% |
| 5 | <i>Nộp Ngân sách Nhà nước</i> | Tỷ VNĐ | 909 | 916 |

CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN ĐẾN NĂM 2035



- » **Về dài hạn:** Xây dựng PTSC trở thành thương hiệu quốc tế uy tín với lĩnh vực dịch vụ kỹ thuật dầu khí chất lượng cao là trụ cột cốt lõi, và đồng thời phát triển các dịch vụ ra ngoài ngành, ngoài nước phù hợp với năng lực và thế mạnh riêng của Tổng công ty trong đó có lĩnh vực điện gió ngoài khơi.
- » **Về trung và ngắn hạn:** Giữ vững và duy trì ổn định các hoạt động SXKD, xúc tiến các giải pháp dịch vụ trọn gói/chuỗi dịch vụ, kết hợp các mảng dịch vụ chính của PTSC, tăng giá trị dịch vụ cho khách hàng. Tận dụng bối cảnh thị trường dịch vụ dầu khí đang còn khó khăn nhưng có dấu hiệu hồi phục để xây dựng, hoàn thiện các kịch bản và kế hoạch thu xếp vốn, củng cố năng lực tài chính lành mạnh của PTSC để tăng cường đầu tư, nâng cao năng lực, sẵn sàng đón nhận xu hướng tăng trưởng trong tương lai gần.

KẾ HOẠCH SXKD NĂM 2022

Căn cứ chiến lược phát triển đến năm 2035, dự báo về tình hình thị trường dầu khí nói chung và dịch vụ dầu khí nói riêng đang có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn còn ảnh hưởng tiêu cực tới thị trường do dịch bệnh chưa có dấu hiệu phục hồi, trên cơ sở kết quả đạt được trong năm 2021 và các nhận định, đánh giá cơ hội thị trường trong năm 2022, PTSC xây dựng các chỉ tiêu kế hoạch trong năm 2022 phù hợp với điều kiện thực tế như sau:

Các chỉ tiêu SXKD hợp nhất toàn PTSC

| Chỉ tiêu | Kế hoạch 2022 | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2022 |
|-----------------------|---------------|--|---------------|
| 01 Doanh thu hợp nhất | 10.000 tỷ VNĐ | 02 Lợi nhuận trước thuế | 610 tỷ VNĐ |
| 03 Lợi nhuận sau thuế | 488 tỷ VNĐ | 04 Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN | 460 tỷ VNĐ |

Các chỉ tiêu SXKD Công ty mẹ - PTSC

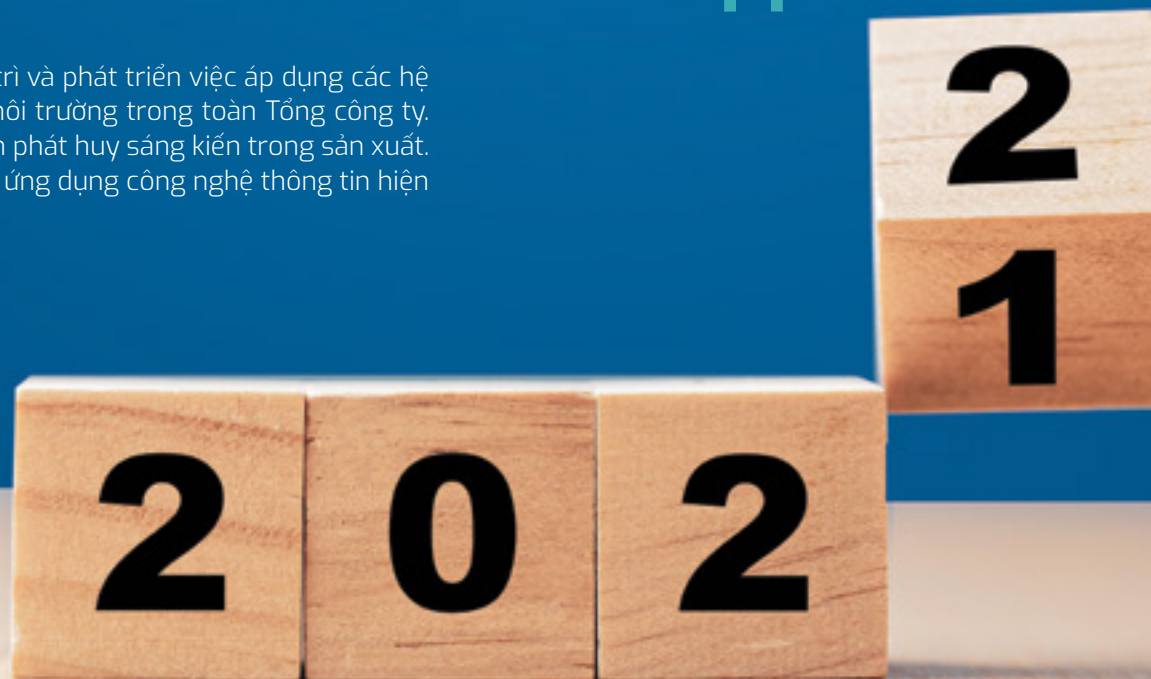
| Chỉ tiêu | Kế hoạch 2022 | Chỉ tiêu | Kế hoạch 2022 |
|--|---------------|-----------------------|---------------|
| 01 Vốn điều lệ | 4.780 tỷ VNĐ | 02 Doanh thu | 3.800 tỷ VNĐ |
| 03 Lợi nhuận trước thuế | 460 tỷ VNĐ | 04 Lợi nhuận sau thuế | 410 tỷ VNĐ |
| 05 Thuế và các khoản phát sinh phải nộp NSNN | 200 tỷ VNĐ | 06 Thực hiện đầu tư | 490 tỷ VNĐ |

MỤC TIÊU

- 1 Tối ưu hóa các nguồn lực, xây dựng các giải pháp dịch vụ theo chuỗi giá trị dựa trên lợi thế quy mô và đa dịch vụ của PTSC. Đẩy mạnh cung cấp dịch vụ cốt lõi đảm bảo lợi thế cạnh tranh của PTSC cho các khách hàng ngoài ngành, ngoài nước. Tập trung nghiên cứu, tham gia vào các chuỗi giá trị, chuỗi liên kết của Tập đoàn để phát huy thế mạnh của đơn vị trong ngành phù hợp với thế mạnh của PTSC.
- 2 Quản lý chặt chẽ công tác đầu tư theo kế hoạch được phê duyệt, đầu tư có trọng điểm tập trung vào các lĩnh vực cốt lõi. Rà soát và đánh giá kỹ nhu cầu thị trường, của khách hàng, bám sát thực tế bảo đảm hiệu quả và khả năng thực hiện để nâng cao năng lực cạnh tranh. Tập trung thực hiện quyết toán các dự án theo đúng thời hạn quy định.
- 3 Tiếp tục xây dựng kế hoạch tái cơ cấu tổng thể PTSC phù hợp với điều kiện thực tế và bảo đảm sự phát triển bền vững của PTSC. Hoàn thành các thủ tục giải thể CGGV, chủ động xử lý các vấn đề tài chính, thanh toán từng phần trách nhiệm tài chính của PTSC tại CGGV.
- 4 Duy trì công tác đào tạo nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao theo mục tiêu định hướng chiến lược phát triển của PTSC.
- 5 Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát nâng cao trách nhiệm đối với Người đại diện vốn của Tổng công ty tại các đơn vị thành viên, đảm bảo hiệu quả, bảo toàn và phát triển vốn của PTSC đầu tư tại doanh nghiệp khác. Tiếp tục đẩy mạnh công tác kiểm soát nội bộ, triệt để tiết kiệm trong quản lý, giảm chi phí, giảm giá thành dịch vụ, nâng cao sức cạnh tranh. Giám sát tài chính với các đơn vị có hoạt động sản xuất kinh doanh thua lỗ, có giải pháp hỗ trợ để từng bước khắc phục khó khăn ổn định tình hình tài chính trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- 6 Triển khai xây dựng hệ thống quản trị rủi ro, duy trì và phát triển việc áp dụng các hệ thống quản lý chất lượng, an toàn sức khỏe và môi trường trong toàn Tổng công ty. Đẩy mạnh hoạt động nghiên cứu khoa học, cải tiến phát huy sáng kiến trong sản xuất. Nâng cấp, mở rộng khai thác hiệu quả phần mềm ứng dụng công nghệ thông tin hiện đại vào quản lý điều hành sản xuất kinh doanh.

CỤ THỂ

- 7 Thường xuyên tổ chức triển khai công tác an toàn, phòng chống cháy nổ, trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân, đảm bảo môi trường lao động, tuyên truyền giáo dục công tác an toàn vệ sinh lao động theo quy định của pháp luật và yêu cầu nhiệm vụ sản xuất kinh doanh.
- 8 Thực hiện chuyển đổi số và đầu tư hệ thống ERP, đảm bảo tính thống nhất, đồng bộ công tác triển khai chuyển đổi số và ERP của Tập đoàn.
- 9 Chuẩn bị tốt các điều kiện, sẵn sàng triển khai cung cấp dịch vụ tháo dỡ giàn khai thác/ đường ống và dịch vụ xây lắp dự án điện gió.
- 10 Tăng cường công tác đào tạo, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực để đáp ứng kịp thời yêu cầu phát triển dịch vụ dầu khí kỹ thuật cao theo mục tiêu định hướng chiến lược phát triển của PTSC.
- 11 Tiếp tục triển khai kế hoạch An sinh xã hội, thực hiện tiết kiệm tiết giảm chi phí hàng năm. Duy trì và bảo đảm sự phát triển bền vững của đơn vị, gắn hoạt động sản xuất kinh doanh với bảo vệ chủ quyền an ninh Quốc gia, bảo vệ môi trường.
- 12 Tiếp tục xây dựng các giải pháp phòng, chống dịch bệnh Covid-19, đảm bảo an toàn sức khỏe cho người lao động, duy trì ổn định hoạt động SXKD trong toàn tổng công ty.
- 13 Tiếp tục xử lý các khoản nợ tồn đọng, quá hạn; Cân đối dòng tiền, đảm bảo khả năng thanh toán trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- 14 Thực hiện các nhiệm vụ khác do Tập đoàn Dầu khí Việt Nam giao.





Thù lao và các lợi ích khác của HĐQT

| STT | Họ và tên | Chức danh | Ngày bắt đầu | Ngày kết thúc | Tiền lương (VNĐ) | Thù lao (VNĐ) | Thưởng Ban ĐH 2020 (VNĐ) | Các khoản lợi ích khác bằng tiền (VNĐ) | Tổng thu nhập và lợi ích khác (trước thuế) - VNĐ |
|-----|-------------------------|--------------------------------|--------------|---------------|------------------|---------------|--------------------------|--|--|
| 1 | Phan Thanh Tùng | Chủ tịch Hội đồng quản trị | 01/01/2021 | 31/12/2021 | 1.648.994.000 | - | 232.825.000 | 407.024.000 | 2.288.843.000 |
| 2 | Lê Mạnh Cường | Thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc | 01/01/2021 | 31/12/2021 | 1.517.075.000 | 120.000.000 | 214.200.000 | 517.130.000 | 2.368.405.000 |
| 3 | Đỗ Quốc Hoàn | Thành viên Hội đồng quản trị | 01/01/2021 | 31/12/2021 | 1.371.964.000 | - | 161.426.000 | 313.900.000 | 1.847.290.000 |
| 4 | Nguyễn Xuân Ngọc | Thành viên Hội đồng quản trị | 01/01/2021 | 31/12/2021 | 1.266.428.000 | - | 149.009.000 | 270.477.000 | 1.685.914.000 |
| 5 | Lưu Đức Hoàng | Thành viên Hội đồng quản trị | 01/01/2021 | 31/12/2021 | 974.662.000 | - | 149.009.000 | 252.245.000 | 1.375.916.000 |

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Đánh giá hoạt động của HĐQT

Sự bùng phát của Đại dịch Covid-19 lần thứ 4 ở nhiều địa phương cùng với áp dụng biện pháp phòng, chống Dịch chưa có tiền lệ, mạnh mẽ và quyết liệt của Thủ tướng Chính phủ, Bộ ngành, Cơ quan chức năng, địa phương trong Năm 2021; cùng với đó, tình hình thế giới, khu vực tiếp tục có những diễn biến rất nhanh, phức tạp, yếu tố thuận lợi và khó khăn đan xen; bảo hộ thương mại gia tăng, cạnh tranh giữa các nước lớn và xung đột ở nhiều nơi gay gắt; cạnh tranh địa chính trị diễn ra rất phức tạp; ngành năng lượng toàn cầu lâm vào tình trạng khó khăn trong bối cảnh khủng hoảng năng lượng đẩy giá khí đốt tự nhiên và giá than cao kỷ lục, đe dọa các chuỗi cung ứng vốn đã bị co thắt đứt gãy thêm trầm trọng, và khuấy động căng thẳng địa chính trị... đã gây tác động bất lợi khiến các dự án, công việc phải giãn, dừng triển khai, giảm sản xuất,

kinh doanh, ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh (SXKD) của Tổng công ty và các Đơn vị thành viên, trực thuộc. Tuy nhiên, HĐQT đã tổ chức, triển khai và thực hiện các hoạt động theo đúng nội dung đã được quy định tại Điều lệ, Quy chế Nội bộ về Quản trị Doanh nghiệp, Quy chế hoạt động của HĐQT một cách thức tuân thủ, phù hợp và hiệu quả nhất.

Trong năm 2021, HĐQT đã nỗ lực cùng Ban điều hành lãnh đạo Tổng công ty PTSC chỉ đạo quyết liệt, tổ chức, xây dựng Chương trình hành động, triển khai và thực hiện các hoạt động SXKD, công việc, giải pháp, nhóm giải pháp linh hoạt ứng phó với những biến đổi liên tục, các thành viên HĐQT đã thực hiện nhiệm vụ đầy đủ, kịp thời qua những hoạt động chính sau:

Về Nguyên tắc hoạt động

HĐQT làm việc theo nguyên tắc tập thể lãnh đạo thể hiện qua các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Các thành viên của HĐQT chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình theo Phân công nhiệm vụ trong HĐQT và cùng chịu trách nhiệm trước ĐHĐCĐ, trước pháp luật về các nghị quyết, quyết định của HĐQT đối với sự phát triển của công ty. HĐQT giao trách nhiệm cho Tổng giám đốc tổ chức điều hành thực hiện các nghị quyết, quyết định của HĐQT.

Về nội dung, kết quả các cuộc họp

HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ vào tháng đầu tiên mỗi quý và 68 phiên họp, thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết của Thành viên HĐQT bằng văn bản để thống nhất, quyết định các vấn đề thuộc thẩm quyền; , cụ thể như sau:

| Stt | Thành viên HĐQT | Cuộc họp/lấy ý kiến | Tỷ lệ tham dự | Lý do |
|-----|----------------------|---------------------|---------------|-------------|
| 1 | Ông Phan Thanh Tùng | 72/72 | 100% | |
| 2 | Ông Lê Mạnh Cường | 71/72 | 98,6% | Đi công tác |
| 3 | Ông Đỗ Quốc Hoan | 72/72 | 100% | |
| 4 | Ông Nguyễn Xuân Ngọc | 72/72 | 100% | |
| 5 | Ông Lưu Đức Hoàng | 72/72 | 100% | |

HĐQT sử dụng hiệu quả, thường xuyên hệ thống công nghệ thông tin trong các hoạt động, hạn chế tác động tiêu cực từ Dịch bệnh Covid-19.

Các quyết định của HĐQT phù hợp quy định và thực tế tình hình SXKD, định hướng quan trọng hỗ trợ Ban Tổng Giám đốc trong quá trình điều hành, phối hợp tốt và tạo điều kiện thuận lợi cho các tổ chức, đoàn thể hoạt động.

Tổng cộng 264 văn bản trong đó có 90 Nghị quyết, Quyết định và 174 văn bản khác để quản lý các hoạt động, công việc của Tổng công ty do HĐQT ban hành.

Về công tác đào tạo

Các Thành viên HĐQT Tổng công ty tham gia đầy đủ các chương trình đào tạo về quản trị do UBCKNN và các cơ quan liên quan tổ chức và các khóa đào tạo về "Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt nhất", "Bài học kinh nghiệm quốc tế cho khối doanh nghiệp nhà nước", "Chuyển đổi số trong doanh nghiệp dầu khí", "Nhà lãnh đạo dẫn dắt trong thế giới biến động", "Tài chính Kế toán trong ngành công nghiệp Dầu khí, dành cho cán bộ không chuyên về tài chính",...do Tập đoàn DKVN, các Đơn vị đào tạo liên quan tổ chức.

Về công tác tái cấu trúc

PTSC tiếp tục triển khai công tác tái cấu trúc doanh nghiệp theo kế hoạch được phê duyệt để tinh gọn bộ máy tổ chức, hoạt động hiệu quả. Đồng thời, căn cứ nhu cầu và tình hình thị trường mới, PTSC tiếp tục rà soát, đánh giá nhằm điều chỉnh phương án tái cấu trúc theo định hướng chiến lược của PTSC trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả, tăng cường vai trò đầu mối (hoàn thành việc kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ thuộc Ban chức năng, Đơn vị) để có thể phát huy tối đa nguồn lực phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh của các đơn vị thành viên và phát triển bền vững.

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Đánh giá hoạt động của các Thành viên HĐQT

HĐQT PTSC luôn tuân thủ các chính sách, quy định, luật pháp nhằm đảm bảo minh bạch, công bằng trên cơ sở thực hiện theo quy định tại Điều lệ và Quy chế Quản trị nội bộ Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và luật doanh nghiệp với trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cần trọng vì lợi ích của các cổ đông và sự phát triển của Tổng Công ty.

Các thành viên HĐQT được phân công cụ thể để thực hiện các nội dung thuộc thẩm quyền của HĐQT và đưa ra các Nghị quyết/Quyết định đồng thời giám sát, chỉ đạo đơn đốc triển khai. Các thành viên HĐQT đã chủ động trao đổi, thảo luận và triển khai theo đúng kế hoạch năm với kết quả sau:

- » Chỉ đạo tổ chức và chủ trì các cuộc họp, thảo luận, lấy ý kiến bằng văn bản, ban hành các Nghị quyết, Quyết định và các văn bản khác của HĐQT; chỉ đạo giám sát Ban Tổng Giám đốc thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của ĐHĐCĐ, HĐQT; chỉ đạo, hỗ trợ, đôn đốc việc thực hiện nhiệm vụ được phân công của các Thành viên HĐQT.
- » Thành viên HĐQT thực hiện tốt các trách nhiệm liên quan đến công tác quản trị, điều hành Tổng công ty; triển khai kế hoạch SXKD, giải pháp phát triển thị trường, tiếp thị và công nghệ, góp phần quan trọng vào việc hoàn thành vượt Kế hoạch SXKD hợp nhất năm 2021.
- » Các Thành viên HĐQT chuyên trách đã có những đóng góp tích cực trong quá trình xây dựng và hoàn thiện Điều lệ, các Quy chế quản lý nội bộ chung; theo dõi, giám sát việc thực hiện, tuân thủ các chuẩn mực quản trị doanh nghiệp; giám sát, đánh giá công tác cải tiến hệ thống quản lý, công tác giao dịch, quan hệ với các cổ đông, nhà đầu tư và các bên liên quan; phê duyệt, giám sát các hợp đồng, giao dịch với người liên quan theo quy định.

Đánh giá hoạt động của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng giám đốc đã đoàn kết, quyết tâm, năng động và sáng tạo, phát huy cao nhất năng lực và tinh thần trách nhiệm để vượt qua những khó khăn và thách thức biến động của ngành Dầu khí và dịch Covid-19 để điều hành Tổng công ty theo đúng định hướng, chỉ đạo của HĐQT và đạt được kết quả như sau:

- » Chỉ đạo kịp thời và đồng bộ, vừa thực hiện tốt các giải pháp phòng chống Covid-19, đảm bảo an toàn và duy trì sự ổn định hoạt động SXKD, hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu chính của Kế hoạch SXKD năm 2021 đã được ĐHĐCĐ và HĐQT phê duyệt;
- » Chủ động xây dựng và đề xuất các phương án xử lý vấn đề khó khăn, tồn tại của các Dự án, Đơn vị thuộc thẩm quyền HĐQT quyết định, góp phần giảm thiểu rủi ro, đảm bảo quyền và lợi ích của Tổng công ty.
- » Sử dụng hiệu quả và cân đối hợp lý nguồn lực hiện có; quyết liệt cắt giảm chi phí để giảm giá thành đi đôi với duy trì chất lượng sản phẩm dịch vụ ổn định, nâng cao sức cạnh tranh, giữ thị phần và đồng thời đảm bảo các lợi ích lâu dài của Tổng công ty.
- » Công tác hạch toán kế toán và quản lý tài chính phù hợp chuẩn mực, minh bạch theo quy định pháp luật;
- » Tiếp tục triển khai tốt phong trào sáng kiến cải tiến, nâng cấp hệ thống quản lý, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh, ứng dụng hiệu quả công nghệ thông tin, khoa học kỹ thuật vào trong quản lý, SXKD; thực hiện phương án tái cơ cấu Tổng công ty đã đề ra, khẳng định được vai trò chủ đạo, trực tiếp thực hiện SXKD của Công ty mẹ đối với toàn Tổng công ty
- » Chủ động thực hiện công tác mở rộng thị trường, phát triển sản phẩm dịch vụ mới, đã phát triển, thực hiện các Dự án EPC, công nghiệp, ngoài ngành, tăng cường tham gia công tác vận hành khai thác, bảo dưỡng, sửa chữa FSO, FPSO, nhà máy, liên kết chuỗi các cảng dịch vụ...v.v. Đẩy mạnh công tác quản trị rủi ro trong công việc, dự án và doanh nghiệp.
- » Thực hiện công tác an sinh xã hội, ủng hộ Quỹ vắc-xin của Chính phủ, địa phương và ủng hộ, đóng góp cho công tác phòng chống Dịch bệnh Covid-19 tại các địa phương, bệnh viện trong năm 2021 là 78 tỷ VNĐ.



BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)

Dự báo kinh tế toàn cầu năm 2022 tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường, đặc biệt là Dịch Covid-19 với những biến chủng mới đã và đang diễn biến phức tạp, có thể còn kéo dài và cần nhiều thời gian để nền kinh tế toàn cầu phục hồi trở lại. Tình hình thế giới đầy những biến động phức tạp, cạnh tranh giữa các nước sản xuất và tiêu thụ dầu khí lớn tiếp tục gia tăng, sự biến động liên tục, bất thường của giá dầu trong thời gian vừa qua và dự báo những năm sắp tới sẽ tiếp tục làm tăng nguy cơ rủi ro và ảnh hưởng trực tiếp đến sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp dầu khí nói chung và của PTSC nói riêng.

Trong bối cảnh dự báo Tổng công ty tiếp tục đối diện với nhiều khó khăn thách thức, đối diện giải quyết các vấn đề về cạnh tranh khốc liệt đối với dịch vụ kỹ thuật dầu khí, dự án, công việc trong và ngoài nước, nguy cơ thị trường dịch vụ, việc làm giảm sút, tác động của Dịch bệnh Covid-19,

biến động giá dầu liên tục; xu thế chuyển dịch sử dụng các nguồn năng lượng sạch thay thế như điện gió, điện mặt trời, điện sinh khối... sẽ dần thu hẹp thị phần và làm chậm đà khai thác, phát triển của các dự án thuộc các nguồn năng lượng truyền thống, đặc biệt là năng lượng có nguồn gốc hóa thạch; lĩnh vực dịch vụ dầu khí hiện nay có nhiều đối thủ cạnh tranh là các công ty tư nhân có nhiều lợi thế cạnh tranh riêng, đặc biệt là vấn đề bản chất chủ sở hữu, môi trường pháp lý, sự linh hoạt trong công tác đầu tư, quyết sách và các loại giải pháp; công tác phát triển dịch vụ ra nước ngoài gặp khó khăn, do khối lượng công việc dịch vụ trong khu vực ngày càng ít, sự bảo hộ cho các doanh nghiệp tại các nước sở tại ngày càng gia tăng..., để hoàn thành nhiệm vụ, kế hoạch SXKD năm 2022, ngoài việc kiểm tra giám sát thường xuyên theo chức trách nhiệm vụ, trong thời gian tới HĐQT Tổng công ty tập trung chỉ đạo thực hiện các công việc sau:

1. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện linh hoạt, hiệu quả các biện pháp phòng, chống Dịch Covid-19, bảo vệ sức khỏe CBNV, Người lao động toàn Tổng công ty và nỗ lực phấn đấu với quyết tâm cao, thực hiện thành công, toàn diện mục tiêu, nhiệm vụ Kế hoạch SXKD năm 2022, tạo nền tảng vững chắc để phát triển Tổng công ty bền vững.
2. Thực hiện tốt công tác pháp chế, pháp lý bao gồm không giới hạn việc cập nhật, lưu trữ, thông tin, sử dụng, đào tạo, áp dụng. Trên cơ sở đó, đảm bảo toàn bộ các công việc, hoạt động của Tổng công ty tuân thủ, phù hợp Quy định hiện hành; phối hợp, xử lý, thực hiện tốt công tác thanh - kiểm tra, kiểm toán, giám sát, kiểm soát; xử lý tốt, hài hòa tranh chấp, khiếu nại, tố cáo, bất đồng kinh tế, dân sự (nếu có).

3. Thực hiện tốt công tác tài chính, kế toán, thanh toán, thu hồi nợ, đảm bảo tình hình tài chính, vốn, dòng tiền tốt, ổn định, lành mạnh; sử dụng hiệu quả nguồn vốn, bảo toàn và phát triển vốn của Tổng công ty.
4. Đẩy mạnh công tác phát triển kinh doanh, phát triển thị trường trong và ngoài nước, thị trường ngoài dầu khí, phát triển sản phẩm mới, tăng trưởng doanh thu; thực hiện tốt công tác hợp tác, phát triển uy tín, thương hiệu.
5. Chỉ đạo, giám sát thực hiện các Dự án, công việc, hoạt động đã, đang, sẽ thực hiện đảm bảo an toàn tuyệt đối, bảo vệ môi trường, sức khỏe nghề nghiệp, chất lượng, tiến độ, hiệu quả, các Dự án, công việc thành công, đạt mức cao nhất; trên cơ sở đó, thực hiện thành công, cao nhất Kế hoạch sản xuất kinh doanh Năm 2022 (Phụ lục 1), các chỉ tiêu, nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, các hoạt động đề ra, được duyệt.
6. Đẩy mạnh triển khai, áp dụng hệ thống, tổng hợp các giải pháp, liên tục cải tiến, nâng cấp, nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh.
7. Xây dựng và cải tiến, nâng cấp, hoàn thiện hệ thống quản trị rủi ro trong công việc, các hoạt động, quản trị rủi ro doanh nghiệp.
8. Thực hiện tốt, phù hợp Quy định hiện hành về chế độ, chính sách, chăm sóc, đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với Người lao động, quyền và lợi ích của các Cổ đông, Chủ sở hữu Tổng công ty. Đồng thời, phối hợp thực hiện tốt công tác của các Tổ chức đoàn thể, chính trị-xã hội, Công đoàn, Đoàn thanh niên, Hội CCB, công tác thi đua và phát huy hiệu quả vào các hoạt động của tổ chức.
9. Ứng dụng công nghệ thông tin, khoa học, kỹ thuật, công nghệ, quản lý tiên tiến, hiện đại vào các lĩnh vực hoạt động, liên tục cải tiến, phát huy sáng kiến, sáng chế.
10. Quyết liệt thực hiện công tác tái cấu trúc liên tục, trung và dài hạn; rà soát, đánh giá, điều chỉnh, sắp xếp nguồn lực, tổ chức, nhân sự phù hợp, hiệu quả; áp dụng các loại hình đào tạo, liên tục nâng cấp nguồn nhân lực;

KẾ HOẠCH

HOẠT ĐỘNG 2022



Thù lao và các lợi ích khác của Ban Kiểm Soát

| STT | Họ và tên | Chức danh | Ngày bắt đầu | Ngày kết thúc | Tiền lương (VNĐ) | Thù lao (VNĐ) | Thưởng Ban ĐH 2020 (VNĐ) | Các khoản lợi ích khác bằng tiền (VNĐ) | Tổng thu nhập và lợi ích khác (trước thuế) - VNĐ |
|-----|---------------------------|----------------------|--------------|---------------|------------------|---------------|--------------------------|--|--|
| 1 | Bùi Thu Hà | Trưởng Ban Kiểm soát | 01/01/2021 | 31/12/2021 | 1.088.336.000 | - | 112.533.000 | 261.884.000 | 1.462.753.000 |
| 2 | Hồ Thị Oanh | Kiểm soát viên | 01/01/2021 | 28/04/2021 | - | - | 135.039.000 | | 135.039.000 |
| 3 | Bùi Hữu Việt Cường | Kiểm soát viên | 01/01/2021 | 31/12/2021 | 903.649.000 | - | 106.324.000 | 188.117.000 | 1.198.090.000 |
| 4 | Phạm Văn Tiến | Kiểm soát viên | 28/04/2021 | 31/12/2021 | 635.702.000 | - | - | 24.917.000 | 660.619.000 |

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)



Với chức năng, nhiệm vụ của Ban Kiểm soát là đảm bảo lợi ích hợp pháp của các cổ đông, nhà đầu tư và Tổng công ty PTSC, BKS đã nỗ lực triển khai kế hoạch kiểm tra, giám sát đã được ĐHĐCĐ thông qua năm 2021 đảm bảo tiến độ, đạo đức và tuân thủ pháp luật.

Đánh giá hoạt động của BKS

Năm 2021, BKS đã triển khai các hoạt động kiểm tra, giám sát với tinh thần trách nhiệm cao, theo nguyên tắc độc lập và cân trọng, tuân thủ đúng Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty, các quy định của pháp luật có liên quan và Nghị quyết của ĐHĐCĐ cụ thể như sau:

- » Thực hiện nhiệm vụ kiểm tra giám sát các hoạt động điều hành, quản lý kinh doanh theo chức năng, nhiệm vụ quy định của Luật Doanh nghiệp và Điều lệ của Tổng công ty;
- » Giám sát việc chấp hành các quy định của Pháp luật, Điều lệ tổ chức hoạt động, tình hình thực hiện các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định của Đại hội đồng cổ đông và Hội đồng quản trị Tổng công ty;
- » Kiểm tra, giám sát tình hình triển khai công tác sản xuất kinh doanh; tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư, công tác đấu thầu, mua sắm của Tổng công ty;
- » Kiểm tra, giám sát việc xây dựng các định mức kinh tế kỹ thuật và các biện pháp tiết giảm chi phí quản lý, giám giá thành sản phẩm;
- » Thẩm định báo cáo tài chính quý, năm. Đánh giá hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn, bảo toàn và phát triển vốn chủ sở hữu;
- » Giám sát việc cân đối vốn và quản lý dòng tiền; Giám sát việc huy động, sử dụng vốn và đánh

giá hiệu quả sử dụng vốn của Tổng công ty.

- » Giám sát việc thực hiện Phương án tái cơ cấu Tổng công ty;
- » Đánh giá hoạt động của hệ thống kiểm toán nội bộ và đề xuất, kiến nghị (nếu có) nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm toán nội bộ;
- » Giám sát, đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty, công ty con, công ty do Tổng công ty nắm quyền kiểm soát trên 50% trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty và những người có liên quan của đối tượng đó; đánh giá về giao dịch giữa Tổng công ty và công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người điều hành khác của Tổng công ty là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý doanh nghiệp trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
- » Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của cổ đông lớn, của Tổng công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động sản xuất kinh doanh tại các đơn vị, giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán;
- » Thực hiện các công tác khác của Ban Kiểm soát theo kế hoạch hoạt động năm 2021. Định kỳ hàng quý, tổng kết, lập báo cáo kiểm tra giám

sát đánh giá việc tuân thủ Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và việc chấp hành các quy định của Pháp luật Nhà nước.

Công tác kiểm tra, giám sát của BKS được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời

Kết quả hoạt động của BKS

Trên cơ sở quyền hạn, nhiệm vụ và kế hoạch hoạt động năm 2021, hoạt động của BKS đã đạt được các kết quả sau:

Công tác quản lý, đầu tư tài sản cố định và xây dựng cơ bản

Công tác đầu tư của Tổng công ty PTSC đã được triển khai đúng các Quy định hiện hành của Nhà nước và quy định nội bộ Tổng công ty. Các dự án đầu tư xây dựng cơ bản, mua sắm tài sản cố định sau khi hoàn thành bàn giao đã được đưa vào sử dụng, quản lý, phân loại, trích khấu hao tài sản cố định theo quy định của Bộ Tài chính, việc sử dụng khai thác đã mang lại hiệu quả kinh tế thiết thực thông qua kết quả kinh doanh hàng năm của Tổng công ty.

Công ty mẹ - Tổng công ty PTSC đã thực hiện các công tác chuẩn bị và triển khai thủ tục đầu tư các Dự án theo đúng kế hoạch đầu tư được phê duyệt. Kết quả thực hiện giải ngân đầu tư trong năm 2021 của Công ty mẹ - Tổng công ty PTSC là 14,2 tỷ VNĐ, đạt 4,93% kế hoạch đầu tư. Nguyên nhân kết quả thực hiện đầu tư đạt thấp so với kế hoạch là do diễn biến phức tạp của dịch bệnh Covid-19, việc thực hiện các thủ tục đầu tư, triển khai đầu tư gặp nhiều khó khăn. Bên cạnh đó, công tác đầu tư các tàu dịch vụ chuyển tiếp từ năm 2020 vẫn chưa thể triển khai ký kết, đàm phán hợp đồng do hạn chế đi lại nên PTSC chưa thể tổ chức kiểm tra tàu thực tế.

Công tác tái cấu trúc, quản lý tài chính và đầu tư vốn vào doanh nghiệp khác

Tính đến 31/12/2021, tổng số vốn Tổng công ty PTSC thực hiện đầu tư vào các doanh nghiệp là 4.793 tỷ VNĐ. Trong đó đầu tư vào các công ty con là 3.187 tỷ VNĐ, các công ty liên doanh liên kết là 1.603 tỷ VNĐ, đầu tư dài hạn khác là 3 tỷ VNĐ. Trích lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính là 977 tỷ VNĐ.

Giá trị cổ tức, lợi nhuận được chia về Công ty mẹ - PTSC ghi nhận trong năm 2021 là 868,39 tỷ

thực trạng, hiệu quả hoạt động của Tổng công ty, các đơn vị thành viên/ trực thuộc, để giúp Tổng công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành hoạt động và hệ thống kiểm soát nội bộ.

VNĐ, bằng 18,12% giá trị các khoản đầu tư, trong đó:

- » Lợi nhuận, cổ tức được chia từ các Công ty con là 324,27 tỷ VNĐ, bằng 10,17% giá trị các khoản đầu tư vào Công ty con;
- » Lợi nhuận, cổ tức được chia từ các Công ty liên doanh, liên kết là 544,13 tỷ VNĐ, bằng 33,94% giá trị các khoản đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết.

Trong năm 2021, Tổng công ty triển khai thành lập Văn phòng Điều hành Dự án FSO Golden Star của Công ty Liên doanh Malaysia Vietnam Offshore Terminal (L) Ltd. tại Việt Nam; Kiện toàn chức năng, nhiệm vụ và cơ cấu tổ chức của các Ban chức năng Tổng công ty; Tái cấu trúc và kiện toàn cơ cấu tổ chức của 5 đơn vị thành viên/ trực thuộc; Đang tiến hành các thủ tục pháp lý chấm dứt Hợp đồng Liên doanh và giải thể Công ty TNHH Khảo sát địa vật lý PTSC CGGV; tiếp tục theo dõi thị trường để có các giải pháp thoái vốn của Tổng Công ty tại Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa tàu dầu khí Nhơn Trạch, Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí.

Thực hiện kế hoạch chi trả cổ tức năm 2020

Thực hiện nội dung của Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2021, ngày 13/9/2021 Hội đồng quản trị PTSC đã ban hành Nghị quyết số 246/NQ-PTSC-HĐQT về việc Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền. Tổng công ty PTSC đã hoàn thành chi trả cổ tức 2020 với tỷ lệ chi trả 10%/Vốn điều lệ bằng tiền mặt theo đúng tinh thần Nghị quyết của ĐHĐCĐ.

Kết quả giám sát công tác quản trị của HĐQT

Trong năm 2021, công tác quản trị Tổng công ty của HĐQT tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, Nghị quyết của ĐHĐCĐ và các quy định pháp luật có liên quan.

HĐQT đã tổ chức 04 cuộc họp thường kỳ và 68

BÁO CÁO CỦA BAN KIỂM SOÁT (tiếp theo)

phiên họp, thảo luận, lấy ý kiến biểu quyết bằng văn bản; ban hành tổng cộng 264 văn bản trong đó có 90 Nghị quyết/Quyết định và 174 văn bản khác để quản lý các hoạt động của Tổng công ty. HĐQT thường xuyên theo dõi hoạt động và tình hình thực hiện các Nghị quyết, Quyết định đã ban hành, giám sát tình hình hoạt động của các Đơn vị thông qua các báo cáo định kỳ của Người đại diện và các buổi làm việc trực tiếp của HĐQT với Đơn vị.

HĐQT đã thực hiện đầy đủ quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm trong quản lý Tổng công ty, tích cực chỉ đạo, hỗ trợ và tạo điều kiện thuận lợi để TGD, BKS và các tổ chức chính trị-xã hội của Tổng công ty PTSC thực hiện các chức năng, nhiệm vụ theo quy định.

Trong năm 2021, HĐQT đã sửa đổi, ban hành Điều lệ Tổng công ty PTSC, Quy chế Quản trị nội bộ, Quy chế Hoạt động của HĐQT, Quy chế Kiểm toán nội bộ và triển khai thực hiện việc phổ biến áp dụng Quy chế này tại Tổng công ty PTSC và các đơn vị trực thuộc.

Kết quả giám sát công tác điều hành của TGD và người điều hành khác của Tổng công ty

Trong năm 2021, TGD và người điều hành khác của Tổng công ty tuân thủ Luật Doanh nghiệp, Điều lệ Tổng công ty, Quy chế Quản trị nội bộ Tổng công ty, Nghị quyết, Quyết định, chỉ đạo của HĐQT và các quy định pháp luật có liên quan.

TGD và người điều hành khác của Tổng công ty luôn làm việc tích cực với tinh thần trách nhiệm cao: nhận diện, phân tích đánh giá kịp thời các khó khăn, thách thức; tập trung điều hành quyết liệt, linh hoạt, sâu sát mọi hoạt động của Tổng công ty; chủ động nghiên cứu, thực hiện các giải pháp và triển khai kịp thời các quyết sách để tháo gỡ khó khăn; tổ chức triển khai nhiều chương trình hành động, phát động nhiều phong trào thi đua, huy động và nâng cao hiệu quả sử dụng mọi nguồn lực, tối ưu hóa quy trình hoạt động SXKD; đẩy mạnh áp dụng công nghệ hiện đại vào quản lý, điều hành nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả của bộ máy quản lý, giúp tiết giảm, tiết kiệm chi phí; lãnh đạo Tổng công ty duy trì và đạt kết quả hoạt động SXKD năm 2021 hoàn thành vượt mức các chỉ tiêu kế hoạch năm.

Kết quả thẩm định Báo cáo tài chính, Báo cáo tình hình hoạt động SXKD

Năm 2021, BKS đã làm việc với các bộ phận liên quan để thẩm định Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021. Qua thẩm định Báo cáo tài chính được kiểm toán bởi Công ty TNHH PWC (Việt Nam), BKS nhận thấy:

- » Báo cáo tài chính năm 2021 đã được thực hiện kiểm toán theo quy định tại Điều lệ Tổng công ty và Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2021.
- » Báo cáo tài chính năm 2021 đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty mẹ, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31/12/2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.
- » BKS nhất trí với Báo cáo tài chính riêng, Báo cáo tài chính hợp nhất đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2021 của Tổng công ty.

Đánh giá sự phối hợp giữa BKS với HĐQT, TGD và Cổ đông

BKS đã phối hợp với HĐQT, TGD trên cơ sở đảm bảo lợi ích hợp pháp cho Tổng công ty PTSC, Cổ đông theo đúng Điều lệ của Tổng công ty PTSC và quy định của pháp luật.

BKS đã phối hợp chặt chẽ với HĐQT, TGD trong việc thực hiện chức năng nhiệm vụ được giao. HĐQT và TGD đã tạo điều kiện thuận lợi để BKS thực hiện nhiệm vụ; cung cấp đến BKS đầy đủ các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của Tổng công ty; mời BKS tham gia đầy đủ các cuộc họp của HĐQT, họp giao ban của Tổng công ty và các cuộc họp khác.

Năm 2021, BKS không nhận được đơn thư yêu cầu hay khiếu nại, đề nghị của Cổ đông hoặc nhóm Cổ đông có tỷ lệ sở hữu 5% tổng số cổ phần phổ thông trở lên.

Kế hoạch công tác năm 2022



Kế hoạch công tác năm 2022 của BKS tập trung vào các công việc chủ yếu sau:

1. Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và tuân thủ Điều lệ Tổng công ty PTSC, Luật doanh nghiệp, pháp luật nhà nước; tình hình thực hiện và tuân thủ các Quy chế, Nghị quyết, Quyết định, Chỉ thị của ĐHĐCĐ và HĐQT;
 2. Kiểm tra/giám sát, đánh giá tình hình thực hiện Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên 2022; tình hình tài chính, cân đối vốn và quản lý dòng tiền, hiệu quả hoạt động và khả năng thanh toán nợ, tình hình quản lý và sử dụng vốn; bảo toàn và phát triển vốn; tình hình thực hiện kế hoạch SXKD hàng quý; kiểm tra/giám sát tình hình triển khai, tiến độ thực hiện và hiệu quả các dự án đầu tư;
 3. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của HĐQT hoặc ĐHĐCĐ; giám sát doanh nghiệp về công tác công bố thông tin về người có liên quan và giao dịch với người có liên quan;
 4. Phối hợp với các cơ quan chức năng của Nhà nước, các đoàn kiểm tra, kiểm toán nội bộ của Cổ đông lớn, của Tổng công ty trong việc kiểm tra, giám sát công tác quản lý, hoạt động SXKD tại đơn vị, giám sát việc thực hiện các kiến nghị tại Biên bản các đoàn kiểm tra, kiểm toán;
 5. Lập báo cáo hoạt động năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 của BKS trình ĐHĐCĐ thông qua và tổ chức thực hiện;
 6. Trình ĐHĐCĐ thường niên các báo cáo:
7. Thẩm định Báo cáo tài chính năm 2022, thẩm định báo cáo về hoạt động SXKD hàng năm và báo cáo đánh giá công tác quản lý năm 2022 của HĐQT Tổng công ty;
 7. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quán và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
 8. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán và tài liệu khác của Tổng công ty, công việc quản lý, điều hành hoạt động của Tổng công ty khi xét thấy cần thiết;
 9. Kiểm tra/giám sát việc thực hiện tái cấu trúc và đổi mới doanh nghiệp;
 10. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của Tổng công ty; có các kiến nghị, đề xuất nhằm hoàn thiện và nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống kiểm soát nội bộ;
 11. Thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm;
 12. Kiểm tra/giám sát tình hình thực hiện và xử lý các khuyến nghị của các đoàn kiểm tra của các cơ quan nhà nước, chức năng có thẩm quyền tại Tổng công ty;
 13. Giám sát hoạt động kiểm kê tài sản cuối năm tại Tổng công ty;
 14. Thực hiện các công việc khác của BKS theo yêu cầu của ĐHĐCĐ và các quy định hiện hành.

03

QUẢN TRỊ DOANH NGHIỆP

90 Tổng quan về hệ thống quản trị của PTSC

- » Mối quan hệ và cơ chế hoạt động giữa Công ty mẹ-Công ty con
- » Hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp
- » Công tác nhân sự năm 2021
- » Thành viên và cơ cấu HĐQT

92 Quản trị Nhân lực

- » Rủi ro thị trường
- » Rủi ro về chính sách
- » Rủi ro dịch bệnh, an toàn, chất lượng và môi trường
- » Rủi ro tín dụng, lãi suất và tỷ giá hối đoái



TỔNG QUAN VỀ HỆ THỐNG QUẢN TRỊ CỦA PTSC

Một trong những yếu tố then chốt trong chiến lược phát triển dài hạn của PTSC trong suốt hơn 29 năm xây dựng và phát triển là việc chú trọng xây dựng hệ thống quản trị doanh nghiệp nhằm phát huy cao nhất nội lực để tối ưu hóa nguồn lực, đảm bảo hiệu quả trong sản xuất kinh doanh, gia tăng giá trị thương hiệu, mang lại niềm tin và tối đa hóa lợi ích cho các cổ đông, nhà đầu tư, từ đó đóng góp vào sự phát triển chung của cộng đồng và xã hội. Trong quá trình 16 năm hoạt động theo mô hình quản trị Công

ty Mẹ-Công ty con, PTSC không ngừng rà soát, hoàn thiện hệ thống quản trị trong toàn Tổng công ty dựa trên những thông lệ quản trị quốc tế, song song với việc tuân thủ chặt chẽ quy định của pháp luật Việt Nam, trong đó quy định rõ quyền và trách nhiệm giữa Công ty Mẹ và các đơn vị thành viên, quyền và trách nhiệm giữa Hội đồng quản trị và Ban điều hành trong Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ Tổng công ty và Quy chế hoạt động của HĐQT

Mối quan hệ và cơ chế hoạt động giữa Công ty mẹ - Công ty con

Mối quan hệ của Công ty Mẹ và các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết chặt chẽ, hỗ trợ nhau trong hoạt động cung cấp dịch vụ cốt lõi của PTSC. Mỗi đơn vị thành viên trong Tổng công ty thực hiện chính một loại hình dịch vụ chính trong chuỗi các loại hình dịch vụ trên

cơ sở Công ty Mẹ định hướng, chính sách điều phối, đặc biệt là chính sách ưu tiên sử dụng dịch vụ nội bộ nhưng vẫn đảm bảo nguyên tắc bình đẳng giữa các đơn vị đảm bảo hiệu quả hoạt động ở mức cao nhất và đem lại ưu thế cạnh tranh.

Hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp

PTSC không ngừng xây dựng, áp dụng mô hình quản trị tiên tiến trên thế giới và trong khu vực. Trong năm 2021, PTSC đã nỗ lực xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp từ Công ty Mẹ đến các Công ty con, Công ty liên doanh, liên kết để nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh trên thị trường dịch vụ kỹ thuật, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin, áp dụng chuyển đổi số trong việc xây dựng hệ thống quản trị doanh

nghiệp tiếp cận với những chuẩn mực tốt nhất trong khu vực, cụ thể:

1. Hoàn tất việc xây dựng, cập nhật sửa đổi Điều lệ, Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và Ban KS phù hợp, tuân thủ Quy định hiện hành.

2. Hoàn thiện việc bổ sung ngành nghề kinh doanh: sản xuất điện; truyền tải và phân phối điện; xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng (xây dựng công trình công nghiệp-năng lượng tái tạo, xây dựng công trình khác không phải nhà) nhằm mở rộng cơ hội kinh doanh phù hợp với xu hướng chuyển dịch năng lượng của thế giới, góp phần gia tăng hiệu quả SXKD.
3. Tiếp tục nâng cấp và áp dụng hệ thống phần mềm phục vụ công tác quản lý: Hệ thống quản trị nhân sự (HRM); Quản lý tài chính kế toán; Quản lý thông tin công việc; Quản lý vật tư tài sản.
4. Triệt để thực hiện tái cấu trúc doanh nghiệp theo kế hoạch của Tập đoàn DKVN để phát triển mạnh hơn, tập trung vào ngành nghề kinh doanh chính, nâng cao hiệu quả, sức mạnh cạnh tranh và phát triển bền vững trên cơ sở giữ vững chiến lược phát triển được Tập đoàn phê duyệt. Tăng cường sự phối hợp giữa Tổng công ty với các Đơn vị và giữa các Đơn vị với nhau; tận dụng/tối ưu hóa nguồn lực trong việc tiếp cận các thị trường, dịch vụ mới.
5. Ổn định tổ chức hoạt động của Tổng công ty, cải tiến và hoàn thiện lại các quy định, quy chế hiện có để hoàn chỉnh bổ sung cho phù hợp với tình hình thực tế và tiêu chuẩn hóa theo hướng chuẩn quốc tế các lĩnh vực quản lý, thực hiện phân cấp tổ chức quản lý SXKD và đầu tư theo nguyên tắc đảm bảo phát huy tính chủ động sáng tạo tại các đơn vị, đồng thời đảm bảo khả năng quản lý và tập trung được nguồn

lực để thực hiện được các nhiệm vụ chiến lược của Tổng công ty

6. Hoàn thiện, nâng cao tổ chức công tác kiểm tra, kiểm soát nội bộ coi đây là công cụ trọng yếu trong công tác quản lý điều hành của mô hình Công ty mẹ - Công ty con của Tổng công ty.
7. Củng cố, hoàn thiện và phổ biến văn hóa PTSC "Đoàn kết, năng động, sáng tạo và chuyên nghiệp" tới từng vị trí công tác, từng người lao động, tạo động lực cho người lao động phát huy tối đa khả năng của mình
8. Xây dựng phương thức quản lý, điều hành, tổ chức SXKD cấp cơ sở phù hợp với từng loại hình dịch vụ, tăng tính chủ động cho các cán bộ quản lý các cấp, gắn quyền lợi với trách nhiệm và hiệu quả công việc của người lao động.
9. Duy trì, cải tiến và áp dụng có hiệu quả các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế vào hoạt động SXKD nhằm phát huy tối đa tác dụng của các hệ thống quản lý này đối với hiệu quả tổ chức SXKD của Tổng công ty và các Đơn vị thành viên.
10. Rà soát, xây dựng hoàn chỉnh hệ thống định mức kinh tế kỹ thuật trong toàn Tổng công ty, cải tiến quá trình làm việc để giảm chi phí quản lý, tinh giảm đội ngũ quản lý theo hướng gọn nhẹ, phù hợp với yêu cầu của công việc.



Công tác nhân sự năm 2021



Tổng số lao động của Tổng công ty PTSC tính đến thời điểm 31/12/2021 là **7.115** người

Xác định nguồn nhân lực luôn đóng vai trò quan trọng, là yếu tố không thể thiếu và là nguồn lực lớn tạo nên thành công và mang lại lợi nhuận cho doanh nghiệp, chính vì vậy trong những năm qua PTSC thường xuyên tiêu chuẩn hóa hoạt động quản lý, nâng cao năng lực và phát triển nguồn nhân lực đạt chuẩn quốc tế.

Biến động nhân sự năm 2021

Trong bối cảnh cạnh tranh toàn cầu và sự phát triển vượt bậc của công nghệ thông tin dẫn đến sự gia tăng biến động nhân sự trong doanh nghiệp và ảnh hưởng không nhỏ đến công tác quản lý, điều hành của mỗi doanh nghiệp. Trong năm 2021, tỷ lệ nhân sự biến động nhân sự của Tổng công ty là khoảng 12% ((lao động nghỉ việc (900 người)/ lao động bình quân năm 2021 (7.300 người)), cao hơn so với tỷ lệ nhân sự nghỉ việc ổn định trong doanh nghiệp giao động trong khoảng từ 4%-6%. Nguyên nhân biến động của Tổng công ty:

(i) Hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty là đa ngành nghề, chủ yếu là dịch vụ phục vụ khách hàng, đối tác nên việc biến động nhân sự là công việc thường xuyên;

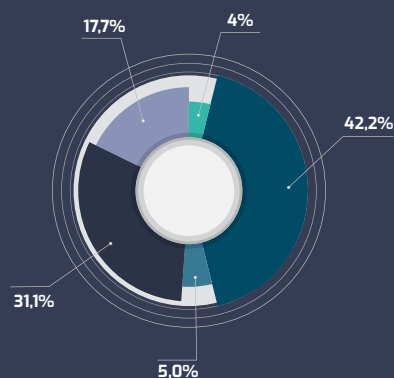
(ii) Khối lượng công việc, dự án trong lĩnh vực hoạt động của PTSC tiếp tục khan hiếm, giá dịch vụ duy trì mức thấp và cạnh tranh vô cùng khốc liệt, dẫn đến tiền lương, thu nhập trả cho NLĐ chưa đủ cạnh tranh, thu hút;

(iii) Thực hiện công tác tái cơ cấu trong Tổng công ty giúp các Đơn vị tinh gọn, hoạt động hiệu quả;

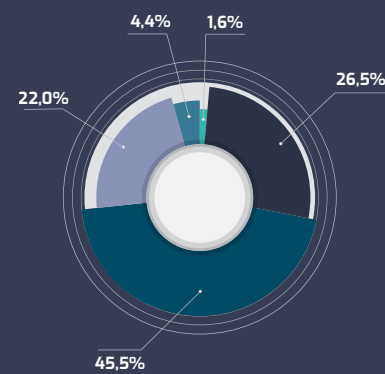
(iv) Dịch bệnh Covid-19 diễn biến phức tạp đã ảnh hưởng, gây gián đoạn chuỗi cung ứng, làm đình trệ các hoạt động sản xuất kinh doanh dịch vụ của Tổng công ty.

Sơ đồ thống kê nguồn nhân lực

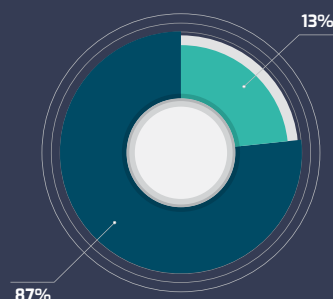
Theo trình độ học vấn



Theo nhóm độ tuổi



Theo giới tính



- Trên đại học
- Đại học
- Cao đẳng
- Công nhân kỹ thuật và tương đương
- Lao động phổ thông qua đào tạo

- Dưới 25 tuổi
- Từ 25 tuổi đến 35 tuổi
- Từ 35 tuổi đến 45 tuổi
- Từ 45 tuổi đến 55 tuổi
- Trên 55 tuổi

- Nam
- Nữ



PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC

Trước sự biến động nhân sự trong năm 2021, những khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 và dự báo năm 2022 thị trường dầu khí tiếp tục gặp khó khăn do dịch bệnh còn tiếp diễn và sự biến động của giá dầu, PTSC đã tập trung tổ chức đào tạo cho các nhân sự trọng yếu, khối trực tiếp kinh doanh, thương mại, dự án về các chủ đề: Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt, Lãnh đạo dẫn dắt trong thế giới biến động, Chuyển dịch năng lượng, Chuyển đổi số, cập nhật các Luật/Bộ luật mới; Phân tích gốc vấn đề cho quản lý vận hành kho nổi, An toàn tàu chứa, tàu LNG, quản trị hệ thống công nghệ thông tin...., đồng thời chú trọng vào các hoạt động xây dựng hệ thống, tăng cường trao đổi, đào tạo nội bộ như tổ chức các hội thảo trao đổi kinh nghiệm trong quá trình chuẩn bị và thực hiện dự án onshore/offshore của Tổng công ty PTSC, thường xuyên đúc rút và phổ biến bài học kinh nghiệm thực hiện dự án. Bên cạnh đó, Tổng công ty tổ chức đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác, cho các nhân sự khối hỗ trợ; các nhân sự tham gia dự án được chú trọng đào tạo về an toàn, môi trường, sức khỏe, chất lượng.

Song song với công tác đào tạo, phát triển năng lực nguồn nhân lực, PTSC đã rà soát, cải tiến, tái cấu trúc hệ thống quản lý, bộ máy tổ chức phù hợp với điều kiện, tình hình thực tế trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả, tăng cường vai trò đầu mối (hoàn thành việc kiện toàn cơ cấu tổ chức, chức năng nhiệm vụ thuộc Ban chức năng, Đơn vị như: kiện toàn lại chức năng nhiệm vụ của Ban Thương mại, Ban Công nghiệp; điều chỉnh cơ cấu tổ chức tại PTSC Marine, PTSC Long Phú, PTSC Quảng Bình, PTSC M&C, PTSC G&S, PPS, POS, PTSC Thanh Hóa);

Tổng kinh phí PTSC dành cho công tác đào tạo năm 2021 là 22,1 tỷ VNĐ cho công tác đào tạo và đào tạo được 11.400 lượt người. Bên cạnh đó, Tổng công ty tổ chức đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác, cho các nhân sự khối hỗ trợ; các nhân sự tham gia dự án được chú trọng đào tạo về an toàn, môi trường, sức khỏe, chất lượng.

THÀNH VIÊN VÀ CƠ CẤU HĐQT

Hội đồng quản trị Tổng công ty gồm năm (05) thành viên, trong đó 04 Thành viên chuyên trách, 01 Thành viên kiêm Tổng Giám đốc. Trong năm 2021, Hội đồng quản trị Tổng công ty có 01 Thành viên độc lập.

Thông tin về Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty, số cổ phần PVS nắm giữ của Thành viên Hội đồng quản trị Tổng công ty tính đến 31/12/2021 như bảng sau:

| STT | Danh sách thành viên HĐQT | Chức danh | Số lượng chức danh thành viên HĐQT do từng thành viên HĐQT nắm giữ tại công ty khác | Số cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Công ty phát hành | Tỉ lệ số cổ phần đại diện cho Công ty mẹ - Tập đoàn DKVN | Ghi chú |
|-----|---------------------------|--|---|---|--|--------------|
| 1 | Phan Thanh Tùng | Chủ tịch HĐQT (Bắt đầu từ 25/5/2018) | 0 | 48.551 (0,0102%) | 26,38% | Chuyên trách |
| 2 | Lê Mạnh Cường | Thành viên HĐQT/Tổng Giám đốc (bắt đầu từ 25/5/2018) | 0 | 55.424 (0,0116%) | 15,00% | Kiểm nhiệm |
| 3 | Đỗ Quốc Hoan | Thành viên HĐQT (từ 08/11/2016 đến nay) | 0 | 11.427 (0,0024%) | 0 | Chuyên trách |
| 4 | Nguyễn Xuân Ngọc | Thành viên HĐQT (từ 25/5/2018 đến nay) | 0 | 0 | 10,00% | Chuyên trách |
| 5 | Lưu Đức Hoàng | Thành viên HĐQT (từ 25/5/2018 đến ngày 04/01/2022) | 0 | 0 | 0 | TV ĐL.HĐQT |



PTSC xây dựng, triển khai, hệ thống hóa công tác quản trị rủi ro trong suốt quá trình phát triển hướng đến Thông lệ và chuẩn mực quốc tế theo tiêu chuẩn ISO 31000:2018, nhưng đảm bảo phù hợp với mô hình quản trị doanh nghiệp và môi trường hoạt động của PTSC. Trên cơ sở đánh giá các rủi ro có ảnh hưởng đến hoạt động chung trong năm 2021, PTSC đã nhận diện các rủi ro trọng yếu sau đây đồng thời đánh giá và đưa ra các biện pháp ứng phó phù hợp.

- » **Rủi ro thị trường**
- » **Rủi ro về chính sách**
- » **Rủi ro dịch bệnh, an toàn, chất lượng và môi trường**
- » **Rủi ro tín dụng, lãi suất và tỷ giá hối đoái**

Rủi ro thị trường

Nhận diện:

- » Tác động kép của đại dịch Covid-19 và biến động giá dầu vẫn gây tác động lớn đến các nước trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng. Các dự án dầu khí trọng điểm tại Việt Nam như Block B – Ô Môn, Cá Voi Xanh tiếp tục bị giãn tiến độ.
- » Theo ước tính, tăng trưởng nhu cầu dầu toàn cầu đã phục hồi trở lại 5,7 triệu thùng/ngày vào năm 2021 so với năm ngoài. Khu vực ngoài OECD tăng 3,2 triệu thùng/ngày, trong khi OECD tăng 2,5 triệu thùng/ngày. Sự gia tăng này được thúc đẩy bởi sự phục hồi ổn định trong các hoạt động kinh tế và mức tiêu thụ nhiên liệu giao thông được cải thiện, bất chấp sự gia tăng số ca nhiễm COVID-19 và các biện pháp ngăn chặn dịch bệnh.
- » Một năm trước, ngày 4/3/2021, giá dầu thô là 63,81 USD/thùng và sau đúng một năm, vào ngày 4/3/2022 giá đã tăng gấp đôi, WTI ở mức 115 USD/thùng. Điều này đang cảnh báo cho một cuộc suy thoái kinh tế đang đến gần.
- » Bên cạnh đó, những sự kiện chính trị hiện nay đã và đang gây ra sự mất cân bằng cung cầu tổng thể trên thị trường dầu thô.

- » Việc Việt Nam tham gia vào các hiệp định như Hiệp định Đối tác Kinh tế Toàn diện Khu vực (Regional Comprehensive Economic Partnership, RCEP), Hiệp định thương mại tự do Việt Nam – EU (European-Vietnam Free Trade Agreement, EVFTA) (trong khi trước đó đã gia nhập CPTPP, đã có nhiều FTA với các đối tác quan trọng như Nhật Bản, Hàn Quốc, ...), chuẩn bị ký thêm các FTA mới (với Vương quốc Anh, Israel, ...) sẽ thu hút đầu tư, nhiều dự án đầu tư, nhiều cơ hội dịch vụ. Tuy nhiên, việc này cũng sẽ gặp sự cạnh tranh ngày càng gay gắt của các doanh nghiệp trong và ngoài nước, đặc biệt các công ty tư nhân trong nước với sự gọn nhẹ, linh hoạt và các tập đoàn lớn có tiềm lực mạnh từ nước ngoài (Hàn Quốc, Nhật Bản, Italy, Thái Lan, Singapore ...)

Biện pháp quản trị

- » Triển khai đồng bộ các giải pháp đã đề ra, tập trung tối ưu hóa nguồn lực, phát triển dịch vụ theo chuỗi giá trị dựa trên lợi thế quy mô và

đa dịch vụ của PTSC, chú trọng vào các dịch vụ cốt lõi trong hoạt động SXKD.

- » Liên tục đổi mới, cải tiến nhằm nâng cao năng lực, năng lực cạnh tranh cũng như tìm hiểu, phát triển các sản phẩm dịch vụ mới, khách hàng mới; nghiên cứu đầu tư, tham gia thực hiện các dự án trên bờ bổ sung vào các hoạt động SXKD bên cạnh các dự án ngoài khơi hiện tại.
- » Duy trì phong cách làm việc, môi trường và văn hóa chuyên nghiệp trong toàn Tổng công ty;
- » Nâng cao công tác quản trị doanh nghiệp, áp dụng các nguyên tắc và thông lệ quản trị tiên tiến trên thế giới
- » Đổi mới cơ chế tuyển dụng, đào tạo và sử dụng lao động, đặt lợi ích NLD gắn liền với sự phát triển của Tổng công ty PTSC.



Rủi ro về chính sách

Nhận diện

- » Kể từ ngày 01/01/2021, Luật Doanh nghiệp 2020 và nhiều văn bản luật khác như Luật Đầu tư 2020, Luật Đầu tư công, Luật Chứng khoán 2019, Luật Xây dựng 2020 bắt đầu có hiệu lực thi hành với nhiều điểm được sửa đổi, bổ sung, có ảnh hưởng, tác động đến hoạt động của Tổng công ty PTSC. Chính phủ và các Bộ, ngành cũng tiếp tục hoàn thiện khung pháp lý, ban hành nhiều nghị định, văn bản hướng dẫn. Các quy định mới được sửa đổi, bổ sung bao trùm nhiều lĩnh vực từ doanh nghiệp, công ty đại chúng, đầu tư đến kiểm toán, kế toán, phí và lệ phí, ngân sách nhà nước..., hướng đến cải thiện môi trường cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước và nước ngoài, giữa các doanh nghiệp có vốn nhà nước với các doanh nghiệp ngoài khu vực nhà nước... Bên cạnh đó, ảnh hưởng của các hiệp định quốc tế đến việc thực thi các chính sách vĩ mô của Nhà nước ngày càng rõ rệt hơn.
- » Mặc dù vậy, chính sách bảo hộ và ưu tiên dịch vụ dầu khí trong nước chưa được các nhà thiết kế chính sách chú trọng. Việt Nam chưa có các quy định cụ thể, rõ ràng để có thể tạo hàng rào kỹ thuật nhằm khuyến khích, gia tăng năng lực cạnh tranh đối với các doanh nghiệp dịch vụ trong nước, lao động trong nước. Hoạt động đầu tư ra nước ngoài tiếp tục gặp khó khăn do

các trình tự, thủ tục quy định của pháp luật. Các doanh nghiệp bị hạn chế cơ hội, giảm lợi thế cạnh tranh do không thể kịp thời đáp ứng tiến độ, yêu cầu của các gói thầu, các dự án. Một số dự án vẫn còn vướng mắc bởi các thủ tục, quy định, việc trì hoãn, chậm phê duyệt, chậm thanh quyết toán kéo dài dẫn đến phát sinh công nợ quá hạn lớn, gây khó khăn trong công tác tổ chức sản xuất, nảy sinh các vấn đề pháp lý, kiện tụng, trích lập dự phòng...

- » Đại dịch Covid-19, hoàn cảnh bất khả kháng, những bất ổn kinh tế, bất ổn chính trị, cấm vận, phong tỏa, cách ly, các chính sách phòng dịch, giãn cách trong suốt năm 2021 tại nhiều quốc gia đã tác động trực tiếp đến việc tham gia thị trường của doanh nghiệp dầu khí trong và ngoài nước.

Biện pháp quản trị

- » Trong quá trình hoạt động SXKD, Tổng công ty PTSC luôn đảm bảo tuân thủ các quy định pháp luật, chủ trương chính sách của Nhà nước nói chung và các quy định, định hướng, chiến lược phát triển ngành Dầu khí nói riêng.
- » Trước các thay đổi về chính sách pháp luật, PTSC đã kịp thời nghiên cứu, rà soát, tuyên truyền phổ biến trong nội bộ nhằm thích ứng với những thay đổi, đảm bảo sự tuân thủ,

phòng ngừa rủi ro pháp lý. Bên cạnh đó có kế hoạch phù hợp, tiết kiệm thời gian, chi phí quản lý và chủ động hơn, tăng cường hiệu quả trong công tác quản trị, điều hành, phát triển kinh doanh, thị trường.

- » Để triển khai công tác đảm bảo tuân thủ trong toàn hệ thống, năm 2021, Tổng công ty đã quyết liệt triển khai công tác tái cơ cấu, thành lập bộ phận pháp chế chuyên trách. Định kỳ hàng quý, Tổng công ty và các Đơn vị cùng rà soát, cập nhật và báo cáo đánh giá sự tuân thủ các quy định liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh trong toàn Tổng công ty và các Đơn vị. Đồng thời, PTSC cũng tăng cường công tác giám sát, đảm bảo tuân thủ tại tất cả các dự án, các gói thầu quan trọng.
- » Tổng công ty PTSC cũng chú trọng việc rà soát, cập nhật hệ thống các văn bản quản lý nội bộ, cải tiến hệ thống các quy định, quy trình nội bộ để đảm bảo phù hợp với các quy định của pháp luật, tạo cơ sở pháp lý vững chắc trong quản lý, điều hành. Cho đến nay, Tổng công ty PTSC được xây dựng tương đối đầy đủ, thống nhất, chặt chẽ và phát huy hiệu quả cao. Năm 2021, Tổng công ty đã tiến hành cập nhật, sửa đổi bổ sung nhiều văn bản quy định nội bộ như Điều lệ Tổng Công ty và các Quy chế quản trị nội bộ, Quy chế hoạt động của HĐQT, Quy chế hoạt động của Ban Kiểm soát, Quy chế quản lý cán bộ, Quy chế kiểm toán nội bộ, vv...

» Bên cạnh đó, PTSC cũng củng cố vững chắc các cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền, giao nhiệm vụ, tiếp tục tuyên truyền phổ biến, đào tạo pháp luật.

» Tổng công ty PTSC cũng đặc biệt chú trọng việc tham gia xây dựng pháp luật, chủ động đóng góp ý kiến đối với các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động sản xuất kinh doanh, trong đó có thể kể đến các ý kiến đóng góp đối với các văn bản pháp luật quan trọng như dự thảo Luật Dầu khí, dự thảo Nghị định quy định về đầu tư ra nước ngoài trong hoạt động dầu khí...

» Trong năm 2022, Tổng công ty PTSC sẽ tiếp tục cải tiến hệ thống các quy định nội bộ, tái cơ cấu các bộ phận chức năng, tiếp tục hoàn thiện và thiết lập vững chắc, thống nhất các cơ chế phân cấp, phân quyền, ủy quyền, giao nhiệm vụ "đúng người đúng việc"; tiếp tục tuyên truyền phổ biến pháp luật dưới nhiều hình thức, tham gia xây dựng chính sách pháp luật, chủ động đóng góp ý kiến đối với các văn bản pháp luật liên quan đến hoạt động SXKD và tiếp tục gửi các kiến nghị về cơ chế chính sách nhằm tiến tới tạo thuận lợi hơn để PTSC có thể phát triển kinh doanh mạnh mẽ hơn trong nước, ngoài nước và ngoài ngành, đồng thời tiếp tục đóng góp xây dựng pháp luật, gửi các kiến nghị đến các cấp có thẩm quyền về cơ chế đặc thù đối với dịch vụ dầu khí.



Rủi ro dịch bệnh, an toàn, chất lượng và môi trường

Nhận diện

» Đội ngũ lao động của PTSC tính đến 31/12/2021 là 7.115 người lao động với mô hình cung cấp dịch vụ đa dạng từ các hoạt động thương mại đến các hoạt động hạ nguồn, từ các hoạt động trên biển cho đến các hoạt động trên bờ nên luôn phải đối mặt với các rủi ro về tai nạn lao động, tai nạn hàng hải, sự cố cháy nổ, sự cố môi trường, thiên tai bão lụt... và trong bối cảnh từ năm 2020-2022 với đại dịch Covid-19 kéo dài, diễn biến phức tạp đã làm tăng thêm các rủi ro ảnh hưởng đến tính mạng và sức khỏe người lao động, gián đoạn quá trình sản xuất kinh doanh, tổn thất về tài sản và môi trường.

Biện pháp quản trị

» Xây dựng, duy trì áp dụng và cải tiến liên tục Hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng tích hợp theo các tiêu chuẩn quốc tế (ISO 9001:2015 – Hệ thống quản lý chất lượng; ISO 14001:2015 – Hệ thống quản lý môi trường; ISO 45001:2018 – Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp) và các hệ thống quản lý an toàn an ninh khác theo quy định quốc tế như Bộ luật Quản lý an toàn quốc tế về quản lý an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm (ISM

Code), Bộ luật Quốc tế về An ninh Tàu và Bến cảng (ISPS Code).

» Xây dựng và áp dụng hệ thống tài liệu với các chính sách, quy định, nội quy, quy trình, hướng dẫn sản xuất; tiến hành tuyển dụng, đào tạo, huấn luyện để đảm bảo nguồn nhân lực đủ năng lực đáp ứng yêu cầu công việc; đẩy mạnh đầu tư, áp dụng giải pháp kỹ thuật phòng ngừa tai nạn sự cố; quản lý theo hệ thống công tác kiểm tra, bảo dưỡng phương tiện, trang thiết bị máy móc; kiểm tra giám sát, đánh giá định kỳ, đột xuất; duy trì việc tuyên truyền, khuyến khích người lao động phát huy văn hóa lao động an toàn; chính sách mua bảo hiểm chăm sóc sức khỏe và tai nạn cho người lao động, tài sản, các hoạt động sản xuất.

» Nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của dịch bệnh, ban hành các tài liệu về quy định, hướng dẫn, quy trình liên quan đến việc phòng ngừa dịch bệnh: chỉ thị, kế hoạch ứng phó, khai báo y tế, kế hoạch làm việc từ xa; – Luôn theo dõi và cập nhật thông tin bệnh dịch đến toàn thể cán bộ và lãnh đạo các đơn vị thành viên và thường xuyên giám sát chặt chẽ việc tuân thủ quy định phòng chống dịch Covid-19 trên toàn Tổng công ty.



Rủi ro tín dụng

Nhận diện

» Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng, không thực hiện thanh toán nợ đúng hạn hoặc không có khả năng thực hiện thanh toán nợ, dẫn đến các tổn thất tài chính cho Tổng công ty PTSC.

» Tổng công ty PTSC có các khoản huy động vốn bằng nội tệ và ngoại tệ từ các Tổ chức tín dụng trong và ngoài nước để đáp ứng nhu cầu đầu tư và hoạt động sản xuất kinh doanh nên có rủi ro về lãi suất.

» Khách hàng của Tổng công ty PTSC đến từ nhiều khu vực địa lý khác nhau và hầu hết có yếu tố nước ngoài nên doanh thu bằng ngoại tệ rất lớn, ngoài ra Tổng công ty cũng có các khoản vay nợ bằng ngoại tệ nên rủi ro tỷ giá luôn hiện diện và cần được quản trị.

Biện pháp quản trị

» Đối với rủi ro tín dụng, trước khi tham gia một gói thầu hoặc thực hiện một hợp đồng bất kỳ, Tổng công ty PTSC đều thực hiện đánh giá tình hình tài chính và hoạt động các khách hàng, đối tác để đảm bảo khả năng thực hiện hợp

đồng và đưa ra một chính sách tín dụng phù hợp. Định kỳ, Tổng công ty PTSC sẽ thực hiện đối chiếu nợ, đánh giá lịch sử tín dụng và có các thư xác nhận, thông báo, nhắc nhở khách hàng và đối tác về thanh toán nợ; Đối với một số khách hàng có rủi ro tín dụng cao, Tổng công ty sẽ yêu cầu thực hiện bảo lãnh thanh toán từ Tổ chức tín dụng có uy tín.

» Đối với rủi ro lãi suất PTSC đã tiếp cận huy động vốn từ thị trường vốn trong nước và quốc tế bằng cả nội tệ và ngoại tệ để đa dạng hóa nguồn huy động, tránh bị ảnh hưởng đột biến từ một thị trường. Ngoài ra để giảm thiểu rủi ro từ việc biến động lãi suất, Tổng công ty PTSC đã thực hiện các nghiệp vụ phái sinh để cố định lãi suất, duy trì mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

» Đối với rủi ro về tỷ giá, PTSC quản trị bằng chính sách cân đối nguồn thu và chi ngoại tệ nhằm đảm bảo giảm thiểu rủi ro về tỷ giá thông qua việc ký kết hợp đồng với khách hàng theo đối ứng với khoản ngoại tệ phải trả cho nhà cung cấp. Ngoài ra, Tổng công ty PTSC luôn duy trì số dư tiền ngoại tệ tối thiểu tương đương với các nghĩa vụ nợ vay bằng ngoại tệ để tránh các rủi ro về tỷ giá và thanh khoản ngoại tệ.

04 BÁO CÁO PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

104 Tổng quan phát triển bền vững

- » Thông điệp phát triển bền vững
- » Cách thức xây dựng nội dung báo cáo
- » Mục tiêu phát triển bền vững
- » Xác định các bên liên quan
- » Sự tham gia các bên liên quan đối với hoạt động của PTSC

110 Báo cáo thực hiện mục tiêu phát triển bền vững trong năm 2021

- » Mục tiêu kinh tế
- » Mục tiêu xã hội
- » Mục tiêu môi trường



TỔNG QUAN PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Thông điệp phát triển bền vững

Nếu năm 2020 kinh tế thế giới đã trải qua một năm đen tối bao trùm bởi đại dịch Covid-19 thì năm 2021, với sự ra đời của vaccine phòng Covid-19, nền kinh tế giới nói chung và thị trường dầu khí nói riêng đã từng bước hồi phục. Đặc biệt, công tác "tái thiết" đồng loạt các ngành nghề sau đại dịch đã kéo theo nhu cầu lớn về năng lượng dẫn đến giá dầu tăng ổn định. Trong hoàn cảnh thuận lợi đó, PTSC đã hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch trước thời hạn, đồng thời, thực hiện thành công mục tiêu tăng trưởng kinh tế, tạo nền tảng vững chắc trong chiến lược phát triển bền vững, mang lại lợi ích lâu dài cho PTSC, thực hiện thành công các mục tiêu xã hội và môi trường, đảm bảo hài hòa lợi ích cho các bên liên quan.

Cách thức xây dựng nội dung báo cáo

Báo cáo phát triển bền vững của PTSC tích hợp năm 2021 dựa trên hướng dẫn tiêu chuẩn của Tổ chức Báo cáo toàn cầu (GRI); Quyết định số 622/QĐ-TTg về việc ban hành Kế hoạch hành động Quốc gia thực hiện chương trình Nghị sự 2030 vì sự phát triển bền vững, ban hành vào ngày 10/5/2017; Chiến lược phát triển bền vững kinh tế biển Việt Nam đến năm 2030, tầm nhìn đến năm 2045 được Ban Chấp Hành Trung Ương Đảng Khóa XII ban hành tại Nghị quyết 36-NQ/TW ngày 22/10/2018.

Mục tiêu phát triển bền vững

● MỤC TIÊU KINH TẾ

- » Tận dụng tối đa các nguồn lực - Phát huy cao nhất hiệu quả kinh tế

● MỤC TIÊU XÃ HỘI

- » Phát triển nguồn nhân lực
- » Chính sách lương thưởng, phúc lợi
- » Đóng góp cho phát triển cộng đồng

● MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG

- » Vận hành an toàn, bám sát và cải tiến chất lượng Hệ thống Quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng phù hợp các tiêu chuẩn quốc tế.
- » Đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn bảo vệ môi trường, kiểm soát, quản lý chặt chẽ chất thải, nguồn nguyên vật liệu.



SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA PTSC

KỶ VỌNG


Chính phủ và các Cơ quan Quản lý Nhà nước

Tuân thủ pháp luật, áp dụng, triển khai các chủ trương, chính sách, quy định của Nhà nước.

ĐÁP ỨNG KỶ VỌNG

- » Thực hiện đầy đủ nghĩa vụ và triển khai các chủ trương, chính sách của Nhà nước; Tuân thủ quy định pháp luật.
- » Nghiên cứu các vấn đề pháp lý; Tuân thủ và lấy các giấy phép về an toàn, môi trường, đảm bảo hoạt động kinh doanh an toàn, hiệu quả.

HOẠT ĐỘNG CỦA PTSC TRONG NĂM 2021

- » Nghiên cứu, cập nhật và phổ biến các quy định pháp luật mới của Nhà nước năm 2021 cụ thể: cập nhật, sửa đổi Điều lệ Tổng công ty, Quy chế quản trị nội bộ của Tổng công ty, Quy chế hoạt động của HĐQT và BKS phù hợp với việc sửa đổi Luật Lao động, Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, Luật Đầu tư và các Nghị định, Thông tư hướng dẫn ban hành và có hiệu lực từ 01/01/2021.
- » Triển khai đồng bộ Hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng trên toàn Tổng công ty theo các tiêu chuẩn quốc tế và các hệ thống quản lý an toàn an ninh khác theo quy định quốc tế như Bộ luật Quản lý an toàn quốc tế về khai thác tàu an toàn và ngăn ngừa ô nhiễm.


Người lao động

- » Đảm bảo việc làm, tăng trưởng trong thu nhập và chế độ đãi ngộ, phúc lợi tốt.
- » Được ghi nhận, đánh giá công bằng với sự cống hiến, đóng góp.
- » Đào tạo nâng cao năng lực, chuyên môn.
- » Môi trường, điều kiện làm việc đảm bảo các tiêu chuẩn ATSKMT.

- » Chính sách lương cạnh tranh theo năng lực, chất lượng công việc; thu nhập, đãi ngộ, phúc lợi tương xứng với sự cống hiến, đóng góp.
- » Quy định đánh giá mức độ hoàn thành công việc để đánh giá NLD.
- » Đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, chuẩn bị tốt lực lượng cho đội ngũ kế cận.
- » Đảm bảo môi trường lao động tốt; thực hiện đầy đủ chương trình sức khỏe và an toàn cho NLD.

- » Trong bối cảnh hồi phục của nền kinh tế sau đại dịch Covid-19, PTSC đã vận hành tốt bộ máy, tăng hiệu suất lao động dẫn đến tăng thu nhập cho NLD.
- » Liên tục cải tiến, áp dụng Quy định đánh giá mức độ hoàn thành công việc để trả lương theo năng lực, chất lượng công việc, sự cống hiến, đóng góp.
- » Triển khai các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực thiết thực, hiệu quả cao.
- » Vừa triển khai các chương trình, hành động phòng chống dịch bệnh vừa duy trì SXKD an toàn, hiệu quả trong bối cảnh đại dịch Covid-19.
- » Chăm sóc sức khỏe định kỳ cho NLD và các trường hợp phát sinh, đặc biệt đối với những trường hợp mắc Covid-19.


Cổ đông và nhà đầu tư

- » Đảm bảo hiệu quả SXKD.
- » Đảm bảo thông tin công khai, minh bạch và được cung cấp kịp thời.
- » Không ngừng nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp.
- » Đối xử bình đẳng, đảm bảo quyền lợi Cổ đông.

- » Kết quả SXKD tốt.
- » Báo cáo minh bạch thông tin.
- » Nâng cao năng lực quản trị, giá trị thương hiệu tăng.
- » Khả năng chi trả cổ tức.

- » Thực hiện vượt mức các chỉ tiêu, kế hoạch SXKD năm 2021 đã được ĐHĐCĐ thông qua.
- » Sử dụng hệ thống công bố thông tin qua IDS, CIMS, website PTSC, cập nhật và cung cấp đầy đủ nhất các thông tin về hoạt động của PTSC.
- » PTSC đã đầu tư, ứng dụng công nghệ thông tin với những chuẩn mực tốt nhất trong khu vực để xây dựng, hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, nâng cao năng lực cạnh tranh.
- » Thực hiện đúng cam kết chi trả cổ tức.

SỰ THAM GIA CỦA CÁC BÊN LIÊN QUAN ĐỐI VỚI HOẠT ĐỘNG CỦA PTSC (tiếp theo)



Khách hàng

KỶ VỌNG

- » Đảm bảo mọi hoạt động an toàn, chất lượng dịch vụ, giá cả.
- » Sự tin cậy, công nghệ tiên tiến, năng lực hoạt động.
- » Đội ngũ nhân lực chuyên nghiệp.

ĐÁP ỨNG KỶ VỌNG

- » Đầu tư hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng theo tiêu chuẩn quốc tế.
- » Chất lượng dịch vụ tốt với giá thành cạnh tranh.
- » Thực hiện dự án/dịch vụ an toàn, đúng tiến độ.
- » Duy trì và gia tăng sự tin cậy của khách hàng.
- » Dịch vụ khách hàng tốt.

HOẠT ĐỘNG CỦA PTSC TRONG NĂM 2021

- » Áp dụng đồng bộ hệ thống quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng toàn PTSC được cấp giấy chứng nhận theo tiêu chuẩn quốc tế của Tổ chức chứng nhận quốc tế BSI.
- » Đẩy mạnh phát triển năng lực thiết kế, kỹ thuật để nâng cao giá trị chất xám, giá trị gia tăng trong các sản phẩm, dịch vụ với giá cạnh tranh.
- » Triển khai tổ chức các phương án sản xuất, các giải pháp cung cấp dịch vụ, đảm bảo an toàn, chất lượng và đúng tiến độ.
- » Phát triển năng lực thực sự, tận dụng các thế mạnh của PTSC như thương hiệu, nguồn lực, hệ thống quản lý, kinh nghiệm.
- » Nâng cao năng lực đội ngũ marketing, chăm sóc khách hàng.



Đối tác

- » Minh bạch trong hệ thống quản trị doanh nghiệp; Hệ thống quản lý tài chính doanh nghiệp.
- » Hiệu quả hoạt động và sự chuyên nghiệp.
- » Hợp tác cùng phát triển.

- » Quy trình đánh giá lựa chọn đối tác, nhà cung cấp chặt chẽ, minh bạch, đảm bảo công bằng, tuân thủ pháp luật.
- » Hợp đồng được thực hiện, kiểm tra, kiểm soát đúng luật, đúng quy định.
- » Đảm bảo thanh toán.

- » Hoàn thiện hệ thống quản trị doanh nghiệp, nâng cấp và áp dụng Hệ thống quản trị nhân sự (HRM); Quản lý tài chính kế toán.
- » Liên tục cập nhật, cải tiến, triển khai quy trình mua sắm hàng hóa, đánh giá, lựa chọn nhà cung cấp đảm bảo tuân thủ pháp luật.
- » Cập nhật, cải tiến, triển khai quy trình đánh giá đối tác. Bộ phận pháp chế, thương mại kiểm tra các hợp đồng được ký kết đảm bảo tuân thủ pháp luật.
- » Hợp tác chặt chẽ, tiết giảm chi phí đầu vào.
- » Quan hệ hợp tác thành công các bên cùng có lợi.



Cơ quan truyền thông, báo chí

- » Đảm bảo cung cấp thông tin chính xác, kịp thời.
- » Hợp tác phát triển công tác truyền thông, quảng bá thương hiệu.

- » Tiếp cận các thông tin của PTSC kịp thời, thuận lợi.
- » Hợp tác truyền thông với cơ quan truyền thông, báo chí.

- » Thông tin về kết quả hoạt động SXKD của PTSC luôn được soát xét và đăng tải công khai, minh bạch, đúng kỳ hạn.
- » Ký kết hợp tác truyền thông với cơ quan truyền thông báo chí chính thống.
- » Hợp tác với nhiều cơ quan truyền thông hỗ trợ tổ chức chương trình từ thiện, an sinh xã hội, bảo vệ môi trường.



Cộng đồng địa phương

- » Thực hiện trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng, xã hội.

- » Cam kết hỗ trợ, đóng góp tích cực cho cộng đồng địa phương.

- » Đóng góp phát triển giáo dục, y tế, xã hội với tổng mức hỗ trợ 32,6 tỷ VNĐ.

BÁO CÁO THỰC HIỆN MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG TRONG NĂM 2021

MỤC TIÊU KINH TẾ

Vẫn chịu tác động bởi những khó khăn do đại dịch Covid-19 gây ra, tuy nhiên, cùng với sự ra đời của vaccine, nền kinh tế đã dần hồi phục, nhu cầu về năng lượng tăng cao đã kéo theo nhiều biến động tích cực về giá dầu. Trong hoàn cảnh đó, PTSC đã phát huy cao nhất hiệu quả kinh tế bằng việc hoàn thành xuất sắc, vượt mức

ấn tượng các chỉ tiêu kế hoạch SXKD năm 2021.

PTSC đã đạt doanh thu hợp nhất 14.711 tỷ VNĐ, đạt 147% Kế hoạch năm, lợi nhuận trước thuế hợp nhất trước thuế là 878 tỷ VNĐ, đạt 125% Kế hoạch năm. Nộp ngân sách Nhà nước 916 tỷ VNĐ.

MỤC TIÊU XÃ HỘI

Việc làm

PTSC bao gồm 18 đơn vị thành viên, trực thuộc, trải dài từ Bắc đến Nam (không bao gồm 05 Công ty liên doanh ở nước ngoài) và 7.015 lao động. Năm 2021 do ảnh hưởng, tác động to lớn của dịch bệnh Covid-19 đến mọi mặt của nền kinh tế-xã hội, các lĩnh vực hoạt động SXKD của Tổng công ty. Tuy nhiên, Tổng công ty vẫn đảm bảo, duy trì công ăn việc làm, thực hiện chế độ làm việc linh hoạt, thích ứng an toàn với tình hình dịch bệnh Covid-19; tiền lương, thu nhập và các chế độ phúc lợi khác cho Người lao động được đảm bảo để Người lao động tận tâm làm việc, cố gắng vượt qua những ảnh hưởng của dịch bệnh, góp phần hoàn thành Kế

hoạch sản xuất kinh doanh năm 2021.

Thu nhập bình quân năm 2021 của Người lao động toàn Tổng công ty PTSC là 23.257.000 đồng/người/tháng, bằng khoảng 88% so với thu nhập bình quân của Người lao động năm 2020.

Chính sách tiền lương liên quan đến Người lao động

Chính sách lương: Tại PTSC, Người lao động luôn được đối xử bình đẳng, không phân biệt giới tính, dân tộc, thành phần hôn nhân, tín ngưỡng. PTSC đảm bảo tuân thủ nguyên tắc bình đẳng trong tuyển dụng, bổ nhiệm và nâng lương. PTSC liên tục cải tiến, áp dụng Quy định đánh giá mức độ hoàn thành công việc để làm cơ sở trả lương cho Người lao động một cách bình đẳng, hưởng lương theo năng lực, chất lượng công việc. Ngoài ra, lấy kết quả, hiệu quả công việc của Người lao

động làm cơ sở để xét tăng lương, khen thưởng quý, khen thưởng cả năm.

Chính sách bảo hiểm, chăm sóc sức khỏe: Ngoài việc đảm bảo quyền lợi, chế độ, chính sách phúc lợi theo Luật Lao động và Thỏa ước lao động tập thể, PTSC đã triển khai đóng BHXH bắt buộc cho Người lao động theo tiền lương chức danh thực nhận hàng tháng đảm bảo chế độ, quyền lợi tốt hơn cho Người lao động khi nghỉ hưu trí, ốm đau, chấm dứt HĐLĐ theo quy định; đồng thời mua gói bảo hiểm sức khỏe chất lượng cao cho Người lao động (PVI care) và hỗ trợ gói bảo hiểm cho người thân.

Chính sách phúc lợi liên quan đến Người lao động

Người lao động được trợ cấp nhân các ngày Lễ, Tết, ngày kỷ niệm (thành lập PTSC, 8/3, 20/10) và nhân các sự kiện lớn của Tổng công ty; được trợ cấp đồng phục hàng năm, bữa ăn giữa ca cho Người lao động, trong đó xây dựng và tuân thủ quy định an toàn vệ sinh thực phẩm để Người lao động an tâm làm việc; Người lao động và con em của Người lao động được tham gia các hoạt động văn hóa, văn nghệ, thể thao nhân dịp Lễ, Tết.

Chính sách đào tạo

Năm 2021, Tổng công ty PTSC đã dành khoảng 22,1 tỷ VNĐ cho công tác đào tạo và đào tạo được 11.400 lượt người.

PTSC chú trọng tổ chức đào tạo cho các nhân sự

trọng yếu và khối trực tiếp kinh doanh (thương mại, dự án) về các chủ đề: Quản trị doanh nghiệp theo thông lệ tốt, Lãnh đạo dẫn dắt trong thế giới biến động, Chuyển dịch năng lượng, Chuyển đổi số, Cập nhật các Luật/Bộ luật mới, Phân tích gốc vấn đề cho quản lý vận hành kho nổi, An toàn tàu chứa, tàu LNG, Quản trị hệ thống công nghệ thông tin...

Tổng công ty đã tổ chức các hội thảo trao đổi kinh nghiệm trong quá trình chuẩn bị và thực hiện các dự án onshore cũng như offshore, thường xuyên đúc rút và phổ biến bài học kinh nghiệm thực hiện dự án. Bên cạnh đó, Tổng công ty tổ chức đào tạo chuyên sâu, bồi dưỡng thường xuyên cập nhật kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng công tác, cho các nhân sự khối hỗ trợ; các nhân sự tham gia dự án được chú trọng đào tạo về an toàn, môi trường, sức khỏe, chất lượng.

Quan hệ giữa Người lao động và Người sử dụng lao động

Quan điểm phát triển SXKD phải đi đôi với cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao chất lượng



cuộc sống, đảm bảo quyền và lợi ích chính đáng cho Người lao động vừa là mục tiêu, vừa là động lực của sự phát triển bền vững. Bên cạnh việc đưa ra nhiều giải pháp nhằm tăng cường các mặt quản lý, nâng cao hiệu quả SXKD, PTSC đã xây dựng môi trường làm việc công bằng, chuyên nghiệp, hài hòa quan hệ giữa người Người lao động và Người sử dụng lao động. Bên cạnh việc ký kết Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế dân chủ giữa đại diện NLD và Người sử dụng lao động, PTSC đã thiết lập mối quan hệ giữa Ban lãnh đạo và Người lao động thông qua các hoạt động sau:

- » Người lao động được trực tiếp tham gia đóng góp trong công tác xây dựng Nội quy lao động, Thỏa ước lao động tập thể, Quy chế dân chủ, Quy chế đối thoại, Quy chế khen thưởng và kỷ luật, Quy chế lương thông qua việc lấy ý kiến Người lao động do Công đoàn thực hiện. Việc thực hiện Quy chế dân chủ cơ sở, nâng cao chất lượng thương lượng, ký kết Thỏa ước lao động tập thể đã được các cấp Công đoàn Tổng công ty phối hợp triển khai hiệu quả.
- » Tổ chức đối thoại định kỳ tại nơi làm việc hàng năm nhằm thông tin kịp thời với Người lao động tình hình khó khăn, thuận lợi trong mọi hoạt động của Tổng công ty cũng như trực tiếp giải đáp các thắc mắc của Người lao động. Các thắc mắc, ý kiến của Người lao động luôn

được giải đáp công khai, hợp lý và được triển khai một cách tích cực. Trong năm 2021, PTSC không có tranh chấp giữa Người lao động và Người sử dụng lao động.

Công tác an sinh xã hội

Bên cạnh việc tập trung cải thiện, nâng cao chế độ chính sách và chăm lo đời sống tinh thần cho CBCNV, Tổng công ty cũng đã thực hiện tốt các công tác An sinh Xã hội dành cho cộng đồng, đặc biệt đối với các đối tượng đang gặp khó khăn, các địa phương nghèo trên khắp cả nước. Trong năm 2021, PTSC cũng đã ủng hộ 5 tỷ VNĐ cho Quỹ Vaccine của Chính phủ và 2,5 tỷ VNĐ hỗ trợ cho công tác phòng chống dịch Covid-19 cho các địa phương.

Ngoài ra, PTSC đã hỗ trợ trực tiếp cho công tác phòng chống dịch bệnh như: ủng hộ 5 xe cứu thương cho các tỉnh thành bị dịch covid-19 bùng phát với giá trị 5,88 tỷ VNĐ, ủng hộ Bộ Y Tế 30 máy thở dòng chức năng cao trị giá 12,6 tỷ VNĐ, ủng hộ trẻ em ghép gan tại Bệnh viện ĐHYD Tp. HCM 500 triệu đồng, ủng hộ xây nhà Đại đoàn kết cho người nghèo tỉnh Hòa Bình 500 triệu đồng.

Tổng giá trị hỗ trợ trong năm 2021 cho công tác An sinh Xã hội của Tổng công ty đạt khoảng 32,6 tỷ VNĐ.

MỤC TIÊU MÔI TRƯỜNG

Năng lượng, nước, điện, nguyên vật liệu

Là nhà thầu cung cấp các dịch vụ kỹ thuật dầu khí từ thượng nguồn đến hạ nguồn nên PTSC chủ yếu sử dụng nhân lực, phương tiện, máy móc thiết bị để tạo sản phẩm dịch vụ với đầu vào nguyên vật liệu được sử dụng chính là: sắt thép bán thành phẩm, vật liệu phục vụ hoạt động cơ khí, năng lượng và nhiên liệu các loại (điện, khí công nghiệp, xăng dầu...).

Các biện pháp hành động cụ thể

Chương trình quản lý, tiết kiệm năng lượng, nguyên vật liệu, nước sinh hoạt

Việc quản lý và sử dụng tiết kiệm, hiệu quả nguyên vật liệu, năng lượng... được kiểm soát chặt chẽ thông qua:

- » Hệ thống quản lý chất lượng nhằm sử dụng hiệu quả nguồn nguyên nhiên vật liệu đầu vào cũng như giảm thiểu phát thải tối đa các chất thải ra môi trường;
- » Thay thế hệ thống đèn chiếu sáng, hệ thống điều hòa không khí tiết kiệm năng lượng; lắp biển tràn cho hệ thống quạt, bơm công

nghiệp; lắp hệ thống năng lượng mặt trời cho hệ thống nước sinh hoạt và thay thế một phần việc sử dụng nguồn điện lưới quốc gia;

- » Do đội tàu dịch vụ dầu khí sử dụng nhiên liệu dầu DO nên Tổng công ty PTSC đã áp dụng Hệ thống quản lý hiệu quả năng lượng theo quy định Tổ chức hàng hải thế giới (IMO) và định kỳ được bên thứ ba kiểm tra để cấp giấy chứng nhận sử dụng năng lượng hiệu quả phù hợp cho từng tàu;
- » Hệ thống định mức kỹ thuật và hệ thống quản lý chất lượng được áp dụng đồng thời với việc triển khai các giải pháp kỹ thuật công nghệ tiết kiệm năng lượng hiện đại, tái sử dụng nguồn nước và vật liệu sản xuất;
- » Lắp đặt, trang bị các thiết bị sử dụng nước hiệu quả như lắp đặt thủy kế theo tiêu chuẩn của địa phương tại tất cả các Đơn vị thành viên và trực thuộc PTSC, theo dõi thống kê hàng tháng và tuyên truyền, vận động CBCNV tiết kiệm sử dụng nước trong sinh hoạt hàng ngày.



Xử lý tiếng ồn, độ rung, phát thải

Tổng công ty PTSC đã đầu tư trang bị, duy trì vận hành nghiêm chỉnh các công trình xử lý chất thải và định kỳ thực hiện đo đạc các chỉ số môi trường với tần suất 2-4 lần/năm để giám sát, đảm bảo tuân thủ các quy chuẩn bảo vệ môi trường.

Đối với hoạt động sản xuất của đội tàu dịch vụ dầu khí, việc áp dụng Hệ thống quản lý hiệu quả năng lượng được bên thứ ba kiểm tra để cấp Giấy chứng nhận phù hợp (theo quy định Tổ chức hàng hải thế giới IMO) cũng là một trong các giải pháp hữu hiệu giảm thiểu phát thải khí nhà kính đang được áp dụng.

Với nhận thức về tác hại nghiêm trọng của việc thải pin vào môi trường, theo đánh giá của Bộ Tài nguyên Môi trường về tác động của pin cho thấy, các hóa chất có trong pin như thủy ngân, chì và cadmium gây ô nhiễm môi trường và

ảnh hưởng trực tiếp tới sức khỏe con người trong quá trình sản xuất. Nhằm mục đích chung tay bảo vệ môi trường, xây dựng thói quen xanh từ những việc làm nhỏ nhất, các Đơn vị trong Tổng công ty PTSC đã lắp đặt các hộp thu gom pin đã qua sử dụng, đồng thời vận động, khuyến khích CBCNV cùng tham gia thu gom pin đã qua sử dụng và chuyển tới khu vực xử lý có cấp phép theo đúng quy định về xử lý chất thải.

Trước bối cảnh đại dịch Covid-19 diễn biến phức tạp kéo dài liên tục trong các năm từ 2020 đến năm 2022 và đặc biệt trong giai đoạn cách ly/giãn cách xã hội phòng chống đại dịch trong năm 2021, việc sử dụng hiệu quả và tiết kiệm nguyên vật liệu, năng lượng đầu vào vẫn luôn được duy trì và cải tiến liên tục kéo theo các chỉ số tiêu thụ giảm đáng kể so với năm 2020: điện giảm 20%, khí công nghiệp giảm 21%, dầu DO giảm 34%, nước giảm 18%.

CÔNG TÁC AN TOÀN SỨC KHỎE NGHỀ NGHIỆP

Tổng công ty PTSC luôn cam kết cung cấp đầy đủ nguồn lực để thực hiện Chính sách Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng đã đề ra, nhằm theo đuổi mục đích mang các giá trị cốt lõi xuyên suốt tới tất cả các hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp:

- » Ngăn ngừa không để xảy ra tai nạn sự cố, bảo vệ an toàn tính mạng và nâng cao sức khỏe người lao động;
- » Giảm thiểu tác động tiêu cực đến môi trường xung quanh; bảo vệ toàn vẹn tài sản và đảm bảo tuân thủ đầy đủ yêu cầu của pháp luật, thỏa mãn yêu cầu của khách hàng và các bên liên quan.

Để thực hiện mục tiêu trên một cách khoa học và có hệ thống, Tổng công ty PTSC đã xây dựng và không ngừng cải tiến hoàn thiện Hệ thống Quản lý Sức khỏe An toàn Môi trường Chất lượng tích hợp theo các tiêu chuẩn quốc tế, bao gồm: ISO 9001:2015 - Hệ thống quản lý chất lượng; ISO14001:2015 - Hệ thống quản lý môi trường; ISO 45001:2018 - Hệ thống quản lý an toàn sức khỏe nghề nghiệp; và định kỳ hàng năm được Tổ chức chứng nhận quốc tế BSI (Viện tiêu chuẩn Anh Quốc) đánh giá, kiểm tra tính hiệu lực, hiệu quả để duy trì công nhận phù hợp các tiêu chuẩn quốc tế trên.

Bên cạnh đó, đến thời điểm hiện tại, công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 vẫn được duy trì đảm bảo an toàn, hiệu quả trong sản xuất

kinh doanh và phù hợp với điều kiện cụ thể của doanh nghiệp. Dù gặp rất nhiều trở ngại do đại dịch trong năm 2021, Tổng công ty PTSC cũng đã đạt được một số kết quả tiêu biểu trong công tác an toàn sức khỏe môi trường như sau:

- » Không xảy ra tai nạn lao động gây thương tật mất thời gian (LTI) cho người lao động;
- » Không xảy ra sự cố thiệt hại nghiêm trọng về tài sản; không xảy ra sự cố môi trường, không bị xử phạt vi phạm hành chính về môi trường;
- » Thực hiện các dự án đạt 100% số giờ làm việc an toàn trong năm: Dự án tổ hợp hóa dầu miền Nam - Gói A1 đạt cột mốc 05 triệu giờ làm việc an toàn; Dự án LNG Thị Vải đạt cột mốc 01 triệu giờ làm việc an toàn.
- » Công tác tiêm vắc-xin cho người lao động được thực hiện đầy đủ và kịp thời, đảm bảo sức khỏe cho người lao động và là một yếu tố quan trọng góp phần vào việc hoàn thành các mục tiêu sản xuất kinh doanh của Tổng công ty PTSC.



05 CHỨNG KHOÁN PVS

- 118 Thông tin cơ bản
- 119 Cổ đông
- 122 Quan hệ Cổ đông
- 126 Đánh giá cổ phiếu PVS
- 130 Lịch sử chi trả cổ tức



THÔNG TIN CƠ BẢN

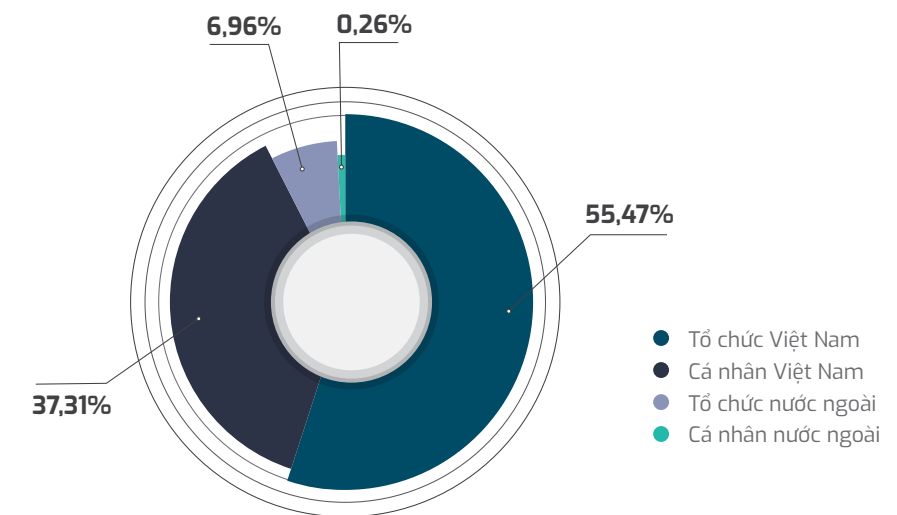
| | |
|--|-------------|
| Khối lượng cổ phiếu đang lưu hành (cổ phiếu) | 477.966.290 |
| Khối lượng cổ phiếu đang niêm yết (cổ phiếu) | 477.966.290 |
| Cổ phiếu quỹ (cổ phiếu) | 0 |
| Vốn hóa thị trường (tỷ VNĐ) | 16.633,23 |
| Room NN còn lại (%) | 40,10 (%) |
| EPS cơ bản (nghìn VNĐ) | 1,26 |
| P/E | 27,63 |
| Giá trị sổ sách/CP (nghìn VNĐ) | 24,67 |
| Giá giao dịch cao nhất trong năm 2021 (nghìn VNĐ) | 13,3 |
| Giá giao dịch thấp nhất trong năm 2021 (nghìn VNĐ) | 31,5 |

(Dữ liệu tại ngày 15/3/2022)

CỔ ĐÔNG

Cơ cấu cổ đông

Số lượng cổ phiếu được thống kê trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng 30/11/2021



Danh sách các cổ đông lớn (sở hữu trên 5%)

Số lượng cổ phiếu được thống kê trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng 30/11/2021

| STT | DANH SÁCH | SỐ CỔ PHẦN SỞ HỮU (CP) | TỶ LỆ SỞ HỮU (%) | TRONG NƯỚC/ NƯỚC NGOÀI | CÁ NHÂN/ TỔ CHỨC |
|-----|---------------------------|------------------------|------------------|------------------------|------------------|
| 1 | Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 245.565.000 | 51,38% | Trong nước | Tổ chức |

Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ, cổ đông nội bộ trong kỳ

Số lượng cổ phiếu được thống kê trên cơ sở Danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2021, ngày đăng ký cuối cùng 30/11/2021 và các báo cáo giao dịch nhận được từ Người nội bộ tính đến hết ngày 31/12/2021.

| STT | Họ tên | Chức vụ | Số lượng cổ phiếu năm giữ | Tỷ lệ | Các giao dịch Mua, Bán cổ phiếu PVS thực hiện trong năm 2021 | | Lý do | Ghi chú |
|-----|---------------------------|----------------|------------------------------|----------|---|---------------|-------|--|
| | | | | | Giao dịch Mua | Giao dịch Bán | | |
| 1 | PHAN THANH TÙNG | Chủ tịch HĐQT | 48.551 | 0,01016% | - | - | | |
| 2 | LÊ MẠNH CƯỜNG | TV.HĐQT/ TGD | 55.424 | 0,01160% | - | - | | |
| 3 | ĐỖ QUỐC HOAN | TV.HĐQT | 11.427 | 0,00239% | - | - | | |
| 4 | NGUYỄN XUÂN NGỌC | TV.HĐQT | - | 0,00000% | - | - | | |
| 5 | LƯU ĐỨC HOÀNG | TV.HĐQT | - | 0,00000% | - | - | | |
| 6 | BÙI THU HÀ | Trưởng BKS | - | 0,00000% | - | - | | |
| 7 | HỒ THỊ OANH | KSV | 93 | 0,00002% | - | - | | Miễn nhiệm Kiểm soát viên từ ngày 28/4/2021 |
| 8 | BÙI HỮU VIỆT CƯỜNG | KSV | 1.667 | 0,00035% | - | - | | |
| 9 | PHẠM VĂN TIẾN | KSV | - | - | - | - | | ĐHĐCĐ bầu là Kiểm soát viên từ ngày 28/04/2021 |
| 10 | TẠ ĐỨC TIẾN | PTGD | 1.637 | 0,00034% | - | - | | |
| 11 | NGUYỄN TRẦN TOÀN | PTGD | 3.794 | 0,00079% | - | - | | |
| 12 | NGUYỄN HỮU HẢI | PTGD | 54.643 | 0,01143% | - | - | | |
| 13 | NGUYỄN XUÂN CƯỜNG | PTGD | 5.019 | 0,00105% | - | - | | |
| 14 | TRẦN HỒ BẮC | PTGD | 2.149 | 0,00045% | - | - | | |
| 15 | TRẦN HOÀI NAM | PTGD | 01 | - | - | - | | |
| 16 | NGUYỄN VĂN BẢO | Kế toán trưởng | 79 | 0,00002% | - | - | | |
| 17 | NGUYỄN ĐỨC THÙY | NCBTT/ NPTQT | - | - | - | - | | |

QUAN HỆ CỔ ĐÔNG



PTSC luôn xác định hoạt động chuyên nghiệp của công tác Quan hệ cổ đông đóng vai trò quan trọng trong việc xây dựng hình ảnh, giá trị thương hiệu của doanh nghiệp. Với nghĩa vụ và trách nhiệm của doanh nghiệp niêm yết trên sàn chứng khoán, PTSC luôn bảo vệ quyền lợi và lợi ích hợp pháp của Cổ đông, nhà đầu tư bằng việc minh bạch hóa thông tin, cung cấp thông tin đầy đủ và kịp thời cho Cổ đông, các Nhà đầu tư và tuân thủ các quy định của pháp luật về công bố thông tin, Tổng công ty duy trì sự tương tác thường xuyên với Cổ đông. Phương châm của Tổng công ty PTSC trong công tác quan hệ Cổ đông là: tăng cường đối thoại, đảm bảo minh bạch thông tin, bảo vệ quyền lợi của các Cổ đông và đối xử bình đẳng đối với mọi Cổ đông, cụ thể:

Tăng cường đối thoại:

Quyền tiếp cận thông tin của Cổ đông

Trong năm 2021, Tổng công ty PTSC đã tổ chức gặp gỡ các Nhà đầu tư nhằm cung cấp thông tin về tình hình hoạt động SXKD hàng quý, Tổng công ty PTSC đã đón tiếp nhiều Nhà đầu tư đến từ các Công ty chứng khoán, Công ty quản lý quỹ hàng đầu Việt Nam và các Công ty quản lý quỹ nước ngoài. Trước thềm cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, Tổng công ty PTSC tổ chức buổi gặp gỡ Nhà đầu tư nhằm thông tin, giải đáp các vấn đề quan tâm của Cổ đông. Ngoài ra, các thông tin về hoạt động của Tổng công ty PTSC được công bố đầy đủ, kịp thời, đúng quy định.

Thảo luận và chất vấn tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên, ĐHĐCĐ bất thường, Gặp gỡ nhà Đầu tư

Ngay từ đầu năm 2021, PTSC đã tổ chức sự kiện "Gặp gỡ nhà đầu tư" với sự tham dự đông đủ của các nhà Đầu tư tham dự trực tiếp/gián tiếp nhằm thông tin đến các nhà Đầu tư về tình hình tài chính, kết quả SXKD, triển vọng thị trường dầu khí cũng như thị trường dịch vụ dầu khí và chiến lược phát triển của PTSC trong tương lai.

Tại cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên/bất thường và trong sự kiện "Gặp gỡ nhà đầu tư", các nhà Đầu tư, Cổ đông đã trực tiếp đặt câu hỏi chất vấn Đoàn chủ tịch, Ban điều hành PTSC. Các vấn đề các nhà Đầu tư, Cổ đông đặt ra đều được giải đáp, thông tin minh bạch, chính xác. Các nội dung góp ý, kiến nghị của nhà Đầu tư, Cổ đông đều được tiếp thu và nghiên cứu triển khai phù hợp.

Minh bạch thông tin:

Năm 2021 trong bối cảnh dịch bệnh Covid diễn biến phức tạp, PTSC hiểu rõ các Nhà đầu tư, Cổ đông càng cần những thông tin minh bạch, kịp thời về tình hình hoạt động của PTSC. PTSC đã chủ động công bố các thông tin một cách chính xác, đầy đủ, tuân thủ quy định về công bố thông tin theo thông tư số 155/2015/TT-BTC và áp dụng các giải pháp công nghệ thông tin trong việc công bố thông tin như: sử dụng hệ thống công bố thông tin qua IDS của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, CIMS của Sở giao dịch chứng

khoán; đăng tải, cập nhật các thông tin công bố trên trang website của Tổng công ty PTSC; sử dụng dịch vụ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán - Ezsearch. Đồng thời, Tổng công ty PTSC cũng kết hợp với các Công ty chứng khoán, các phương tiện truyền thông nhằm cập nhật và cung cấp đầy đủ nhất các thông tin về hoạt động Tổng công ty PTSC một cách chi tiết và rõ ràng nhất.

Bảo vệ quyền lợi Cổ đông và đối xử bình đẳng đối với mọi Cổ đông:

Để thực hiện đúng mục tiêu "Bảo vệ tối đa quyền

lợi Cổ đông, đối xử bình đẳng giữa Cổ đông thiểu số - đa số, giữa Cổ đông trong nước - nước ngoài, giữa Cổ đông nội bộ - bên ngoài" của Tổng công ty PTSC, Bộ phận quan hệ Cổ đông của Tổng công ty PTSC luôn làm việc với tinh thần trách nhiệm cao nhất, đáp ứng các điều kiện tốt nhất, xử lý linh hoạt và nhanh chóng tất cả các yêu cầu từ Cổ đông về việc thực hiện các quyền của Cổ đông như: đăng ký quyền sở hữu, chuyển nhượng cổ phần, mua cổ phiếu phát hành thêm, tiếp cận các thông tin liên quan đến hoạt động Tổng công ty PTSC, tham gia và biểu quyết tại ĐHĐCĐ, ủy quyền thực hiện quyền của Cổ đông, nhận cổ tức từ Tổng công ty PTSC...

Thông tin công bố trong năm 2021

| STT | Ngày Công bố thông tin | Trích yếu nội dung công bố thông tin |
|-----|------------------------|---|
| 1 | 29/01/2021 | Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2020 so với Quý 4/2019 |
| 2 | 29/01/2021 | Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 4/2020 so với Quý 4/2019 |
| 3 | 29/01/2021 | Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 4/2020 |
| 4 | 29/01/2021 | Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 4/2020 |
| 5 | 17/11/2021 | Thông báo về ngày đăng ký cuối cùng và xác nhận danh sách người sở hữu chứng khoán |
| 6 | 01/02/2021 | Báo cáo tình hình quản trị Công ty năm 2020 |
| 7 | 04/03/2021 | Công bố Nghị quyết Thông qua việc lập danh sách cổ đông tham dự Hội đồng Cổ đông thường niên 2021 |
| 8 | 04/03/2021 | Thông báo về Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự cuộc Hội đồng Cổ đông thường niên 2021 |
| 9 | 16/03/2021 | Công bố Quyết định về Công tác cán bộ |
| 10 | 26/03/2021 | Giải trình chênh lệch số liệu của Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2020 so năm 2019 |
| 11 | 26/03/2021 | Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ năm 2020 đã kiểm toán |
| 12 | 30/03/2021 | Giải trình chênh lệch số liệu của Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2020 so với năm 2019 |
| 13 | 30/03/2021 | Về việc Công bố Báo cáo tài chính Hợp nhất năm 2020 đã kiểm toán |
| 14 | 07/04/2021 | Công bố nội dung Triệu tập Hội đồng và dự thảo tài liệu Hội đồng Cổ đông thường niên 2021 |
| 15 | 07/04/2021 | Thông báo về việc Hội đồng Cổ đông thường niên 2021 |
| 16 | 19/04/2021 | Công bố Báo cáo thường niên 2020 |

CHỨNG KHOẢN PVS (tiếp theo)

| STT | Ngày Công bố thông tin | Trích yếu nội dung công bố thông tin |
|-----|------------------------|--|
| 17 | 26/04/2021 | Mời tham dự Đại hội cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam |
| 18 | 26/04/2021 | Công bố Nghị quyết Phê duyệt Nội dung và Tài liệu trình ĐHĐCĐ tại cuộc Họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 của Tổng công ty |
| 19 | 29/04/2021 | Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 1/2021 so với Quý 1/2020 |
| 20 | 29/04/2021 | Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1/2021 so với Quý 1/2020 |
| 21 | 29/04/2021 | Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 1/2021 |
| 22 | 29/04/2021 | Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 1/2021 |
| 23 | 29/04/2021 | Công bố Biên bản, Nghị quyết cuộc họp ĐHĐCĐ thường niên 2021 |
| 24 | 13/05/2021 | Công bố Nghị quyết bầu Trưởng Ban Kiểm soát Tổng công ty |
| 25 | 14/05/2021 | Công bố Điều lệ Tổng công ty, các Quy chế quản lý nội bộ của Tổng công ty |
| 26 | 11/06/2021 | Về việc Ký hợp đồng kiểm toán và soát xét Báo cáo tài chính lập theo Chuẩn mực Kế toán Việt Nam cho năm 2021 |
| 27 | 28/07/2021 | Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 2/2021 |
| 28 | 28/07/2021 | Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 2/2021 so với Quý 2/2020 |
| 29 | 28/07/2021 | Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 2/2021 |
| 30 | 28/07/2021 | Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Hợp nhất Quý 2/2021 so với Quý 2/2020 |
| 31 | 29/07/2021 | Báo cáo tình hình quản trị công ty (6 tháng đầu năm 2021) |

| STT | Ngày Công bố thông tin | Trích yếu nội dung công bố thông tin |
|-----|------------------------|--|
| 32 | 25/08/2021 | Công bố Báo cáo tài chính Công ty Mẹ 06 tháng năm 2021 đã được soát xét |
| 33 | 26/08/2021 | Giải trình chênh lệch số liệu BCTC hợp nhất 6 tháng ĐN 2021 |
| 34 | 26/08/2021 | Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng năm 2021 được soát xét |
| 35 | 31/08/2021 | Tạm hoãn gửi bản in Báo cáo tài chính bán niên 2021 sau soát xét |
| 36 | 13/09/2021 | Công bố Nghị quyết Chi trả cổ tức năm 2020 bằng tiền |
| 37 | 15/09/2021 | Thông báo về việc Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền nhận cổ tức năm 2020 bằng tiền |
| 38 | 29/10/2021 | Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 3/2021 so với Quý 3/2020 |
| 39 | 29/10/2021 | Công bố Báo cáo tài chính Công ty mẹ Quý 3/2021 |
| 40 | 29/10/2021 | Giải trình chênh lệch số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2021 so với Quý 3/2020 |
| 41 | 29/10/2021 | Công bố Báo cáo tài chính hợp nhất Quý 3/2021 |
| 42 | 10/11/2021 | Công bố Nghị quyết Triệu tập và thông qua việc lập danh sách cổ đông tham dự họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2021 của Tổng công ty |
| 43 | 15/11/2021 | Ngày đăng ký cuối cùng để thực hiện quyền tham dự họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 |
| 44 | 16/11/2021 | Công bố Quyết định bổ nhiệm Phó Tổng Giám đốc Tổng công ty |
| 45 | 08/12/2021 | Thông báo về việc Họp Đại hội đồng Cổ đông bất thường năm 2021 |
| 46 | 30/12/2021 | Công bố Biên bản, Nghị quyết Họp ĐHĐCĐ bất thường năm 2021 |





ĐÁNH GIÁ CỔ PHIẾU PVS

Năm 2021 cổ phiếu Dầu khí thăng hoa cùng Thị trường chứng khoán

Kinh tế Việt Nam chịu tác động lớn từ làn sóng dịch Covid-19 bùng phát lần thứ 4. Tính chung cả năm 2021, GDP Việt Nam chỉ tăng 2,58%, thấp hơn mức 2,91% của năm 2020, cũng là mức tăng thấp nhất trong 10 năm gần đây. Giãn cách xã hội kéo dài tại nhiều địa phương khiến khu vực dịch vụ tăng trưởng âm; hoạt động bán buôn, bán lẻ giảm 0,2% so với năm trước; vận tải, kho bãi giảm hơn 5%; dịch vụ lưu trú và ăn uống giảm 20,8%,...

Trước trạng thái đứt gãy, gián đoạn của thị trường hàng hóa, dịch vụ, thị trường chứng khoán trở thành kênh thu hút sự quan tâm lớn từ nhà đầu tư. Trong năm 2021, nhà đầu tư trong nước mở

mới hơn 1,5 triệu tài khoản chứng khoán, lớn hơn tổng số tài khoản mở mới trong 4 năm 2017, 2018, 2019 và 2020 cộng lại (1,04 triệu tài khoản). Chỉ số VN-Index liên tiếp chinh phục những đỉnh mới. Tại ngày 31/12/2021, VN-Index tăng 394,41 điểm, tương ứng tăng 35,73% so với đầu năm. Vốn hóa thị trường chứng khoán đạt 7,77 triệu tỷ VNĐ, tương ứng 123% GDP. Hòa cùng đà thăng hoa của thị trường chứng khoán và sự hồi phục của thị trường dầu thô, giá các cổ phiếu dầu khí như: GAS, PVD, PVS, DPM, DCM, BSR... đã có sự tăng trưởng khá tốt, đáp ứng được sự kỳ vọng của đa số nhà đầu tư.

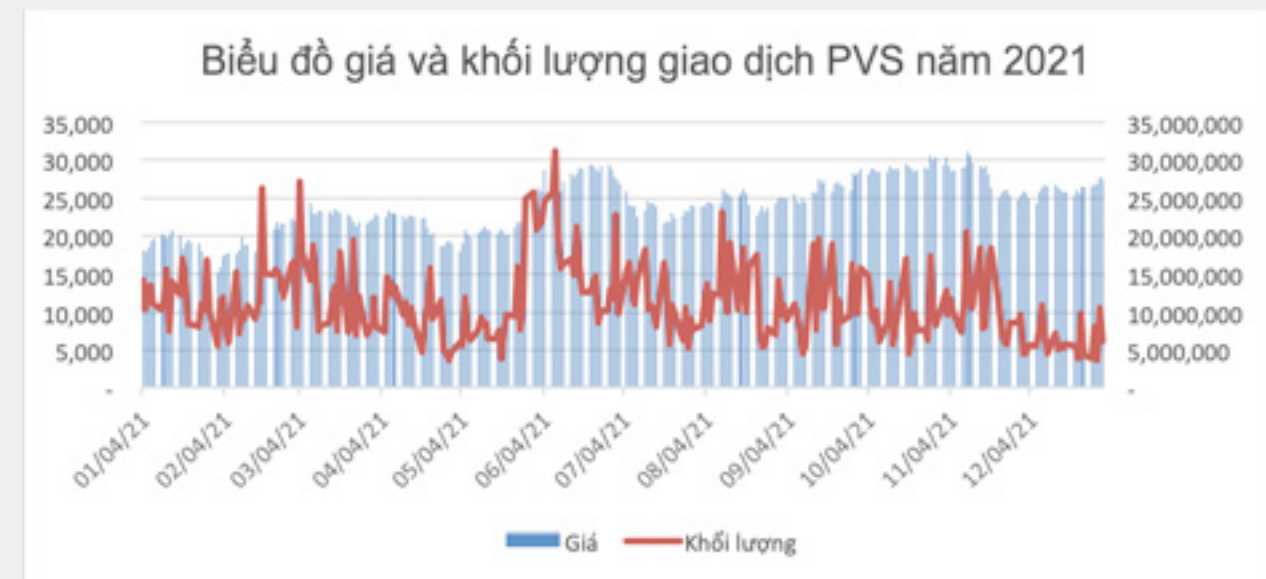
Biểu đồ giá dầu thô năm 2020

Nguồn: Bloomberg



Biểu đồ giá trị, khối lượng giao dịch cổ phiếu PVS năm 2021

Nguồn: Bloomberg





ĐÁNH GIÁ CỔ PHIẾU PVS

Ngành Dầu khí năm 2022:

Cổ phiếu Dầu khí, sóng tăng nổi dài

Giá dầu trong những tháng đầu năm 2022 ghi nhận đà tăng ấn tượng trong bối cảnh chiến dịch chống Covid-19 đạt được những bước tiến tích cực, các biện pháp hạn chế dần được dỡ bỏ đi cùng hoạt động kinh tế - xã hội nhanh chóng được khôi phục ở đa số các nền kinh tế lớn khiến nhu cầu tiêu thụ năng lượng tăng nhanh. Bên cạnh đó, bất ổn chính trị liên quan đến Nga và Ukraine cùng với đầu tư cho hoạt động khai thác dầu khí suy giảm trong những năm qua làm đẩy lên mới lo ngại về việc thiếu hụt nguồn cung, thêm động lực đẩy giá dầu thô có thời điểm chạm mức 140 Đô la Mỹ/thùng. Theo OPEC, tổng số giàn khoan đang hoạt động trong 2021 đã vượt năm 2020 nhưng vẫn thấp hơn so với năm 2019, do một phần hoạt động đầu tư đã chuyển hướng sang nhiên liệu xanh, đầu tư vào nhiều liệu hóa thạch đã giảm trong những năm gần đây. Tác động từ sự kiện Nga và Ukraine với hàng loạt các biện pháp trừng phạt kinh tế lẫn nhau, phá vỡ các cấu trúc quan hệ cũ, ảnh hưởng lớn đến nguồn cung dầu thô được dự báo khó cân

bằng trở lại trong ngắn hạn. Vì lẽ đó, giá dầu năm 2022 nhiều khả năng tiếp tục biến động và duy trì ở mức cao.

Đối với ngành Dầu khí Việt Nam, giá dầu trên 60-65 USD/thùng sẽ thúc đẩy hoạt động E&P trong dài hạn. Cùng với việc neo cao và ổn định trong thời gian dài của giá dầu, các dự án trọng điểm của ngành Dầu khí như Lô B Ô Môn, Sư Tử Trắng - giai đoạn 2B, Lạc Đà Vàng, Đại Hùng Phase 3,... nhiều khả năng sẽ được triển khai ngay trong năm 2022, điều này sẽ tạo ra khối lượng công việc lớn, đây là cơ hội cho các doanh nghiệp dầu khí có hoạt động ở khâu thượng nguồn như GAS, PVD, PVS,... Ngoài ra, quá trình chuyển đổi năng lượng đang được thúc đẩy mạnh mẽ tại Việt Nam, việc xây dựng cơ sở hạ tầng cho điện khí, điện gió ngoài khơi,... sẽ mở ra những cơ hội phát triển rõ hơn cho PVS khi tham gia trực tiếp từ đầu tư đến cung cấp các dịch vụ liên quan với sở trường là nhà cung cấp dịch vụ hàng đầu về công trình công nghiệp - biển tại Việt Nam.

LỊCH SỬ TĂNG VỐN ĐIỀU LỆ CỦA TỔNG CÔNG TY

| Năm | Phương thức | Số lượng phát hành (cổ phần) | Vốn điều lệ (tỷ VNĐ) |
|------|--|------------------------------|----------------------|
| 2006 | Chào bán lần đầu ra công chúng (IPO) | 100.000.000 | 1.000,00 |
| 2008 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu | 73.803.431 | 1.738,03 |
| 2009 | Chào bán riêng lẻ cho cổ đông chiến lược | 25.000.000 | 1.988,03 |
| 2010 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu | 98.998.663 | 2.978,02 |
| 2012 | Phát hành cho cổ đông hiện hữu | 148.898.327 | 4.467,00 |
| 2018 | Chia cổ tức bằng CP cho cổ đông hiện hữu | 31.269.002 | 4.779,66 |



LỊCH SỬ CHI TRẢ CỔ TỨC

| STT | Năm | Ngày chốt danh sách | Vốn điều lệ | Tỷ lệ chi trả (%) | Tổng tiền chi trả (nghìn VNĐ) |
|------------------|----------------|---------------------|---------------|-------------------|-------------------------------|
| 1 | 2007 | 14/3/2008 | 1.000.000.000 | 14% | 140.000.000 |
| 2 | 2008 (đợt 1) | 20/11/2008 | 1.000.000.000 | 10% | 100.000.000 |
| 3 | 2008 (đợt 2) | 25/6/2009 | 1.738.034.310 | 5% | 86.901.715 |
| 4 | 2009 | 12/5/2010 | 1.988.034.310 | 20% | 397.606.862 |
| 5 | 2010 | 13/12/2010 | 1.988.034.310 | 15% | 298.205.146 |
| 6 | 2011 | 25/5/2012 | 2.978.020.940 | 20% | 595.604.188 |
| 7 | 2012 (đợt 1) | 17/01/2013 | 2.978.020.940 | 10% | 297.802.094 |
| 8 | 2012 (đợt 2) | 5/9/2013 | 4.467.004.210 | 5% | 223.350.210 |
| 9 | 2013 | 28/7/2014 | 4.467.004.210 | 12% | 536.040.505 |
| 10 | 2014 | 31/7/2015 | 4.467.004.210 | 12% | 536.040.505 |
| 11 | 2015 | 22/7/2016 | 4.467.004.210 | 12% | 536.040.505 |
| 12 | 2016 (đợt 1) | 07/12/2016 | 4.467.004.210 | 5% | 223.350.210 |
| 13 | 2016 (đợt 2) | 29/9/2017 | 4.467.004.210 | 5% | 223.350.210 |
| 14 | 2017 (đợt 1) | 26/02/2018 | 4.467.004.210 | 5% | 223.350.210 |
| 15 | 2017 (đợt 2) | 31/10/2018 | 4.467.004.210 | 5% | 223.350.210 |
| 16 | 2017 (bằng CP) | 31/10/2018 | 4.467.004.210 | 100:7 | 312.690.295 |
| 17 | 2018 | 30/9/2019 | 4.779.662.900 | 7% | 334.576.403 |
| 18 | 2019 | 23/11/2020 | 4.779.662.900 | 10% | 477.966.290 |
| | 2020 | 28/9/2021 | 4.779.662.900 | 10% | 477.966.290 |
| Tổng cộng | | | | | 6.244.191.848 |

06

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

134 Báo cáo tài chính



THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP

Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp

Số 0103015198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 10, số 0100150577, do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Hội đồng quản trị

| | |
|----------------------|---|
| Ông Phan Thanh Tùng | Chủ tịch |
| Ông Lê Mạnh Cường | Thành viên |
| Ông Đỗ Quốc Hoan | Thành viên |
| Ông Lưu Đức Hoàng | Thành viên (miễn nhiệm ngày 4 tháng 1 năm 2022) |
| Ông Nguyễn Xuân Ngọc | Thành viên |
| Ông Trần Ngọc Chương | Thành viên (bầu ngày 4 tháng 1 năm 2022) |

Ban Kiểm soát

| | |
|------------------------|--|
| Bà Bùi Thu Hà | 1 Trưởng ban |
| Ông Bùi Hữu Việt Cường | Thành viên |
| Ông Phạm Văn Tiến | Thành viên (bầu ngày 28 tháng 4 năm 2021) |
| Bà Hồ Thị Oanh | Thành viên (miễn nhiệm ngày 28 tháng 4 năm 2021) |

Ban Tổng Giám đốc

| | |
|-----------------------|--|
| Ông Lê Mạnh Cường | Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Trần Toàn | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Hữu Hải | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Tạ Đức Tiến | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Nguyễn Xuân Cường | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Hồ Bắc | Phó Tổng Giám đốc |
| Ông Trần Hoài Nam | Phó Tổng Giám đốc (bổ nhiệm ngày 16 tháng 11 năm 2021) |

Người đại diện theo pháp luật

| | |
|-------------------|---------------|
| Ông Lê Mạnh Cường | Tổng Giám đốc |
|-------------------|---------------|

Trụ sở chính

Lầu 5, Tòa nhà Petro Vietnam Tower, Số 1-5 Lê Duẩn, Phường Bến Nghé, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam

Công ty kiểm toán

Công ty TNHH PwC (Việt Nam)

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Công ty mẹ") chịu trách nhiệm lập báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty mẹ và các công ty con (gọi chung là "Tổng công ty") thể hiện trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất của năm tài chính kết thúc vào ngày nêu trên. Trong việc lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- » Chọn lựa các chính sách kế toán phù hợp và áp dụng một cách nhất quán;
- » Thực hiện các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng; và
- » Lập báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở đơn vị hoạt động liên tục trừ khi giả định Tổng công ty hoạt động liên tục là không phù hợp.

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm bảo đảm rằng các sổ sách kế toán đúng đắn đã được thiết lập và duy trì để thể hiện tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty với độ chính xác hợp lý tại mọi thời điểm và để làm cơ sở lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo chế độ kế toán được trình bày ở Thuyết minh 2 của báo cáo tài chính hợp nhất. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty cũng chịu trách nhiệm đối với việc bảo vệ các tài sản của Tổng công ty và thực hiện các biện pháp hợp lý để ngăn ngừa và phát hiện các gian lận hoặc nhầm lẫn.

PHÊ CHUẨN BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Theo đây, chúng tôi phê chuẩn báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm từ trang 5 đến trang 83. Báo cáo tài chính hợp nhất này phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc



Lê Mạnh Cường
Tổng Giám đốc

TP. Hồ Chí Minh, nước CHXHCN Việt Nam
Ngày 29 tháng 3 năm 2022

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

GỬI CÁC CỔ ĐÔNG CỦA TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN DỊCH VỤ KỸ THUẬT DẦU KHÍ VIỆT NAM

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Công ty mẹ") và các công ty con (gọi chung là "Tổng công ty") được lập ngày 31 tháng 12 năm 2021 và được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 28 tháng 3 năm 2022. Báo cáo tài chính hợp nhất này bao gồm: bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên, và thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm các chính sách kế toán chủ yếu từ trang 5 đến trang 83.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính hợp nhất này theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về hệ thống kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính hợp nhất này dựa trên kết quả cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp và lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Tổng công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất trung thực và hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Tổng công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm việc đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính hợp nhất của Tổng công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày nêu trên phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất.

Thay mặt và đại diện cho Công ty TNHH PwC (Việt Nam)



Quách Thành Châu

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

0875-2018-006-1

Chữ ký được ủy quyền

Số hiệu báo cáo kiểm toán: HCM11950

TP. Hồ Chí Minh, ngày 29 tháng 3 năm 2022

Nguyễn Vũ Anh Tuấn

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán:

3631-2021-006-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

MẪU số B 01-DN/HN

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Tại ngày | |
|------------|--|--------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | 31.12.2021 | 31.12.2020 |
| | | | VND | VND |
| 100 | TÀI SẢN NGẮN HẠN | | 15.378.378.675.062 | 16.603.118.184.269 |
| 110 | Tiền và các khoản tương đương tiền | 3 | 5.747.277.411.831 | 5.212.155.694.269 |
| 111 | Tiền | | 3.483.868.789.231 | 3.387.221.129.416 |
| 112 | Các khoản tương đương tiền | | 2.263.408.622.600 | 1.824.934.564.853 |
| 120 | Đầu tư tài chính ngắn hạn | | 2.676.700.567.303 | 3.310.783.914.291 |
| 123 | Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn | 4(a) | 2.676.700.567.303 | 3.310.783.914.291 |
| 130 | Các khoản phải thu ngắn hạn | | 4.642.453.246.540 | 5.662.418.361.322 |
| 131 | Phải thu ngắn hạn của khách hàng | 5 | 4.005.773.767.806 | 5.073.158.592.886 |
| 132 | Trả trước cho người bán ngắn hạn | 6(a) | 291.253.241.235 | 372.545.963.728 |
| 134 | Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 7 | 79.509.916.775 | 85.720.543.145 |
| 136 | Phải thu ngắn hạn khác | 8(a) | 435.483.138.153 | 265.280.299.858 |
| 137 | Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi | 9 | (169.566.817.429) | (134.287.038.295) |
| 140 | Hàng tồn kho | 10(a) | 2.086.094.175.564 | 2.111.275.628.447 |
| 141 | Hàng tồn kho | | 2.088.285.341.725 | 2.173.327.952.701 |
| 149 | Dự phòng giảm giá hàng tồn kho | | (2.191.166.161) | (62.052.324.254) |
| 150 | Tài sản ngắn hạn khác | | 225.853.273.824 | 306.484.585.940 |
| 151 | Chi phí trả trước ngắn hạn | 11(a) | 38.205.702.547 | 31.676.397.728 |
| 152 | Thuế Giá trị Gia tăng ("GTGT") được khấu trừ | | 153.427.456.145 | 199.858.428.385 |
| 153 | Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước | 19(a) | 8.606.598.768 | 49.336.243.463 |
| 155 | Tài sản ngắn hạn khác | 12 | 25.613.516.364 | 25.613.516.364 |
| 200 | TÀI SẢN DÀI HẠN | | 9.466.598.388.289 | 9.676.158.942.668 |
| 210 | Các khoản phải thu dài hạn | | 175.179.801.036 | 153.709.968.223 |
| 212 | Trả trước cho người bán dài hạn | 6(b) | 22.898.287.338 | 62.278.452.310 |

Các thuyết minh từ trang 149 đến trang 226 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU số B 01-DN/HN

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Tại ngày | |
|------------|--|-------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | 31.12.2021 | 31.12.2020 |
| | | | VND | VND |
| 216 | Phải thu dài hạn khác | 8(b) | 152.281.513.698 | 91.431.515.913 |
| 220 | Tài sản cố định | | 2.981.748.785.565 | 3.135.205.849.581 |
| 221 | Tài sản cố định hữu hình | 13(a) | 2.968.414.845.549 | 3.113.723.499.166 |
| 222 | Nguyên giá | | 12.118.345.721.437 | 11.840.246.850.059 |
| 223 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (9.149.930.875.888) | (8.726.523.350.893) |
| 227 | Tài sản cố định vô hình | 13(b) | 13.333.940.016 | 21.482.350.415 |
| 228 | Nguyên giá | | 127.255.860.720 | 136.664.574.783 |
| 229 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (113.921.920.704) | (115.182.224.368) |
| 230 | Bất động sản đầu tư | 14 | 173.865.504.627 | 178.600.776.483 |
| 231 | Nguyên giá | | 229.280.786.454 | 229.280.786.454 |
| 232 | Giá trị khấu hao lũy kế | | (55.415.281.827) | (50.680.009.971) |
| 240 | Tài sản dở dang dài hạn | | 183.770.310.336 | 235.819.369.525 |
| 241 | Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn | 15(a) | 69.815.950.708 | 69.815.950.708 |
| 242 | Chi phí xây dựng cơ bản dở dang | 15(b) | 113.954.359.628 | 166.003.418.817 |
| 250 | Đầu tư tài chính dài hạn | | 4.841.227.023.772 | 4.960.766.192.708 |
| 252 | Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết | 4(b) | 4.824.330.619.445 | 4.941.851.498.906 |
| 253 | Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác | 4(b) | 41.655.000.000 | 41.655.000.000 |
| 254 | Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn | 4(b) | (24.758.595.673) | (22.740.306.198) |
| 260 | Tài sản dài hạn khác | | 1.110.806.962.953 | 1.012.056.786.148 |
| 261 | Chi phí trả trước dài hạn | 11(b) | 610.779.207.619 | 647.959.290.807 |
| 262 | Tài sản thuế thu nhập hoãn lại | 16 | 477.030.804.692 | 337.988.470.122 |
| 263 | Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn | 10(b) | 22.996.950.642 | 26.109.025.219 |
| 270 | TỔNG TÀI SẢN | | 24.844.977.063.351 | 26.279.277.126.937 |

Các thuyết minh từ trang 149 đến trang 226 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU số B 01-DN/HN

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Tại ngày | |
|------------|--|-------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | 31.12.2021 | 31.12.2020 |
| | | | VND | VND |
| 300 | NỢ PHẢI TRẢ | | 12.310.655.145.782 | 13.395.159.975.310 |
| 310 | Nợ ngắn hạn | | 8.735.376.980.582 | 9.802.865.550.700 |
| 311 | Phải trả người bán ngắn hạn | 17 | 4.281.695.231.480 | 6.177.990.507.244 |
| 312 | Người mua trả tiền trước ngắn hạn | 18(a) | 221.767.130.827 | 437.994.312.232 |
| 313 | Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước | 19(b) | 184.438.171.379 | 103.970.046.811 |
| 314 | Phải trả người lao động | | 577.014.632.663 | 603.839.251.744 |
| 315 | Chi phí phải trả ngắn hạn | 20 | 1.211.808.399.603 | 449.917.173.426 |
| 317 | Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 7 | 292.132.423.826 | 63.945.055.438 |
| 318 | Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn | 21(a) | 57.765.278.437 | 46.175.228.624 |
| 319 | Phải trả ngắn hạn khác | 22(a) | 586.729.643.125 | 630.736.118.353 |
| 320 | Vay ngắn hạn | 23(a) | 711.101.884.029 | 734.645.866.948 |
| 321 | Dự phòng phải trả ngắn hạn | 24(a) | 49.547.606.070 | 193.714.837.216 |
| 322 | Quỹ khen thưởng, phúc lợi | 25 | 561.376.579.143 | 359.937.152.664 |
| 330 | Nợ dài hạn | | 3.575.278.165.200 | 3.592.294.424.610 |
| 332 | Người mua trả tiền trước dài hạn | 18(b) | 854.528.821.993 | 927.215.112.203 |
| 333 | Chi phí phải trả dài hạn | | 143.375.872 | 127.030.620 |
| 336 | Doanh thu chưa thực hiện dài hạn | 21(b) | 187.553.913.712 | 222.072.690.757 |
| 337 | Phải trả dài hạn khác | 22(b) | 69.697.498.385 | 155.419.885 |
| 338 | Vay dài hạn | 23(b) | 534.043.674.869 | 473.725.620.270 |
| 341 | Thuế thu nhập hoãn lại phải trả | 16 | 832.810.743.790 | 804.489.461.046 |
| 342 | Dự phòng phải trả dài hạn | 24(b) | 1.088.089.864.739 | 1.125.912.729.833 |

Các thuyết minh từ trang 149 đến trang 226 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (tiếp theo)

MẪU số B 01-DN/HN

| Mã số | TÀI SẢN | Thuyết minh | Tại ngày | |
|------------|--|-------------|---------------------------|---------------------------|
| | | | 31.12.2021 | 31.12.2020 |
| | | | VND | VND |
| 343 | Quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 26 | 8.410.271.840 | 38.596.359.996 |
| 400 | VỐN CHỦ SỞ HỮU | | 12.534.321.917.569 | 12.884.117.151.627 |
| 410 | Vốn chủ sở hữu | | 12.534.321.917.569 | 12.884.117.151.627 |
| 411 | Vốn góp của chủ sở hữu | 27, 28 | 4.779.662.900.000 | 4.779.662.900.000 |
| 411a | - Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết | | 4.779.662.900.000 | 4.779.662.900.000 |
| 412 | Thặng dư vốn cổ phần | 28 | 39.617.060.000 | 39.617.060.000 |
| 417 | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | 28 | 284.397.049.341 | 360.314.913.497 |
| 418 | Quỹ đầu tư phát triển | 28 | 3.081.668.462.592 | 2.995.104.942.632 |
| 421 | Lợi nhuận sau thuế ("LNST") chưa phân phối | 28 | 3.620.836.912.033 | 3.970.850.786.921 |
| 421a | - LNST chưa phân phối lũy kế của các năm trước | | 3.035.884.533.418 | 3.379.724.046.817 |
| 421b | - LNST chưa phân phối của năm nay | | 584.952.378.615 | 591.126.740.104 |
| 429 | Lợi ích cổ đông không kiểm soát | 28, 29 | 728.139.533.603 | 738.566.548.577 |
| 440 | TỔNG NGUỒN VỐN | | 24.844.977.063.351 | 26.279.277.126.937 |

Dương Thị Ngọc Quý
Người lập

Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng



Lê Mạnh Cường
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 149 đến trang 226 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Mẫu số B 02 – DN/HN

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | |
|-------------|---|---|----------------------|
| | | 2021 | 2020 |
| | | VND | VND |
| 01 | Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | 14.215.477.732.078 | 20.179.913.749.667 |
| 02 | Các khoản giảm trừ doanh thu | (17.036.288.370) | - |
| 10 | Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 14.198.441.443.708 | 20.179.913.749.667 |
| 11 | Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp | (13.422.789.092.617) | (19.401.747.769.545) |
| 20 | Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ | 775.652.351.091 | 778.165.980.122 |
| 21 | Doanh thu hoạt động tài chính | 277.549.431.638 | 399.913.306.190 |
| 22 | Chi phí tài chính | (94.374.867.465) | (142.818.222.582) |
| 23 | - Trong đó: Chi phí lãi vay | (45.619.511.092) | (55.755.530.102) |
| 24 | Phần lãi trong công ty liên doanh, liên kết | 506.796.118.343 | 190.645.361.065 |
| 25 | Chi phí bán hàng | (89.440.083.792) | (118.646.294.100) |
| 26 | Chi phí quản lý doanh nghiệp | (712.481.910.717) | (797.515.784.603) |
| 30 | Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh | 663.701.039.098 | 309.744.346.092 |
| 31 | Thu nhập khác | 234.883.459.609 | 732.982.368.598 |
| 32 | Chi phí khác | (20.975.713.140) | (18.194.821.894) |
| 40 | Lợi nhuận khác | 213.907.746.469 | 714.787.546.704 |
| 50 | Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế | 877.608.785.567 | 1.024.531.892.796 |
| 51 | Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp ("TNDN") hiện hành | (311.065.619.548) | (140.634.037.204) |
| 52 | Thu nhập/(chi phí) thuế TNDN hoãn lại | 110.721.051.886 | (173.998.846.299) |
| 60 | Lợi nhuận sau thuế TNDN | 677.264.217.905 | 709.899.009.293 |
| Phân bổ cho | | | |
| 61 | Chủ sở hữu của Công ty mẹ | 601.160.329.023 | 623.996.082.965 |
| 62 | Cổ đông không kiểm soát | 76.103.888.882 | 85.902.926.328 |
| 70 | Lãi cơ bản trên cổ phiếu | 911 | 824 |
| 71 | Lãi suy giảm trên cổ phiếu | 911 | 824 |

Dương Thị Ngọc Quý
Người lập

Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng

Lê Mạnh Cường
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Các thuyết minh từ trang 149 đến trang 226 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Mẫu số B 03a – DN/HN

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | |
|---|---|---|---------------------|
| | | 2021 | 2020 |
| | | VND | VND |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH | | | |
| 01 | Lợi nhuận kế toán trước thuế | 877.608.785.567 | 1.024.531.892.796 |
| Điều chỉnh cho các khoản: | | | |
| 02 | Khấu hao tài sản cố định ("TSCĐ") và bất động sản đầu tư | 500.368.315.798 | 538.662.164.792 |
| 03 | Hoàn nhập các khoản dự phòng | (204.553.185.724) | (423.842.121.977) |
| 04 | Lỗ/(Lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ | 18.690.777.026 | (42.646.834.137) |
| 05 | Lãi từ hoạt động đầu tư | (719.915.705.425) | (460.160.812.465) |
| 06 | Chi phí lãi vay | 45.619.511.092 | 55.755.530.102 |
| 07 | Các khoản điều chỉnh khác | (26.892.519.520) | 8.310.000.000 |
| 08 | Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động | 490.925.978.814 | 700.609.819.111 |
| 09 | Giảm/(tăng) các khoản phải thu | 995.270.619.983 | (839.767.732.446) |
| 10 | Giảm/(tăng) hàng tồn kho | 88.154.685.553 | (657.550.333.992) |
| 11 | (Giảm)/tăng các khoản phải trả | (1.352.896.958.995) | 619.964.676.677 |
| 12 | Giảm/(tăng) chi phí trả trước | 30.650.778.369 | (62.962.052.028) |
| 14 | Tiền lãi vay đã trả | (45.200.893.212) | (60.618.632.183) |
| 15 | Thuế TNDN đã nộp | (155.145.199.635) | (221.031.189.145) |
| 17 | Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh | (189.737.172.438) | (158.198.117.172) |
| 20 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh | (137.978.161.561) | (679.553.561.178) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ | | | |
| 21 | Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác | (252.646.370.694) | (501.920.801.056) |
| 22 | Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ | 13.065.790.259 | 8.274.108.381 |
| 23 | Tiền chi để gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng | (4.170.534.557.415) | (3.727.696.085.455) |

Các thuyết minh từ trang 149 đến trang 226 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

| Mã số | Thuyết minh | Năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm | |
|---|---|---|----------------------------|
| | | 2021 VND | 2020 VND |
| 24 | Tiền thu hồi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn trên 3 tháng | 4.804.617.904.403 | 3.156.760.419.478 |
| 26 | Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác | - | 9.375.000.000 |
| 27 | Tiền thu lãi tiền gửi, cổ tức và lợi nhuận được chia | 767.385.371.602 | 657.419.691.956 |
| 30 | Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư | 1.161.888.138.155 | (397.787.666.696) |
| LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH | | | |
| 33 | Tiền thu từ vay ngắn hạn, dài hạn | 309.865.823.081 | 91.739.026.003 |
| 34 | Tiền chi trả nợ gốc vay | (264.564.420.982) | (238.489.371.633) |
| 36 | Tiền cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu | (554.033.686.700) | (526.178.124.864) |
| 40 | Lưu chuyển thuần từ hoạt động tài chính | (508.732.284.601) | (672.928.470.494) |
| 50 | Lưu chuyển tiền thuần trong năm | 515.177.691.993 | (1.750.269.698.368) |
| 60 | Tiền và tương đương tiền đầu năm | 5.212.155.694.269 | 6.949.116.096.040 |
| 61 | Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ | 19.944.025.569 | 13.309.296.597 |
| 70 | Tiền và tương đương tiền cuối năm | 5.747.277.411.831 | 5.212.155.694.269 |

Dương Thị Ngọc Quý
Người lập

Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng



Lê Mạnh Cường
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2022

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

Hình thức sở hữu vốn

Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam ("Công ty mẹ", Công ty mẹ và các công ty con được gọi chung là "Tổng công ty") được thành lập tại nước CHXHCN Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0103015198 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 29 tháng 12 năm 2006 và các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh sau đó số 0100150577 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp. Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh gần nhất, lần thứ 10, được cấp ngày 20 tháng 2 năm 2019.

Cổ phiếu của Công ty mẹ đã chính thức giao dịch tại Sở Giao dịch Chứng khoán Thành phố Hà Nội kể từ ngày 20 tháng 9 năm 2007 với mã chứng khoán là PVS, theo Quyết định số 242/QĐ-TTGDHN do Giám đốc Trung Tâm Giao dịch Chứng khoán Hà Nội ký ngày 12 tháng 9 năm 2007.

Cổ đông lớn nhất của Công ty mẹ là Tập đoàn Dầu khí Việt Nam (gọi tắt là "Tập đoàn"). Chi tiết về tỷ lệ phần trăm góp vốn được trình bày ở Thuyết minh 27.

Hoạt động chính

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty mẹ và các công ty con ("Tổng công ty") là kinh doanh dịch vụ kỹ thuật dầu khí.

- » Hoạt động chính của Tổng công ty bao gồm:
- » Kinh doanh dịch vụ kỹ thuật dầu khí;
- » Quản lý, kinh doanh, khai thác các tàu dịch vụ kỹ thuật dầu khí;
- » Dịch vụ quản lý, điều hành kinh doanh, khai thác cảng, căn cứ cảng dịch vụ kỹ thuật dầu khí; dịch vụ cung ứng tàu biển, dịch vụ kiểm đếm và giao nhận vận chuyển hàng hóa;
- » Dịch vụ quản lý, kinh doanh, vận hành khai thác các kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO"), kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô ("FPSO");
- » Dịch vụ phục vụ hoạt động khảo sát địa vật lý - địa chất công trình, dịch vụ lặn, dịch vụ cung cấp ROV phục vụ công tác tìm kiếm, thăm dò, khai thác dầu khí và công trình công nghiệp, dân dụng;
- » Quản lý, tổ chức thực hiện các dự án trong lĩnh vực dầu khí, công nghiệp;
- » Gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí;
- » Dịch vụ chế tạo, sửa chữa, bảo dưỡng cơ khí, vật tư, thiết bị phục vụ ngành dầu khí;
- » Sửa chữa tàu biển và các công trình dầu khí biển;
- » Bảo dưỡng, sửa chữa, đóng mới, hoán cải các phương tiện nổi;
- » Xuất nhập khẩu thiết bị và vật tư dầu khí;
- » Sản xuất, cung cấp vật tư thiết bị dầu khí;
- » Cung cấp lao động chuyên ngành dầu khí;
- » Dịch vụ vận hành và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí;
- » Kinh doanh khách sạn, nhà ở, văn phòng làm việc và dịch vụ sinh hoạt dầu khí;
- » Kinh doanh các sản phẩm dầu khí;
- » Dịch vụ đại lý tàu biển và môi giới hàng hải; và
- » Dịch vụ thuê tàu, môi giới tàu biển, lai dắt tàu biển và cứu hộ.
- » Sản xuất điện, truyền tải và phân phối điện, xây dựng công trình công nghiệp – năng lượng tái tạo.

Các thuyết minh từ trang 149 đến trang 226 là một phần cấu thành báo cáo tài chính hợp nhất này.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Tổng công ty là trong vòng 12 tháng.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng công ty có 1 văn phòng đại diện; 5 chi nhánh; 13 công ty con sở hữu trực tiếp; 6 công ty liên doanh, liên kết sở hữu trực tiếp; và 1 công ty liên kết sở hữu gián tiếp. Thông tin chi tiết được trình bày như sau:

Các chi nhánh và văn phòng đại diện

| STT | Tên đơn vị | Địa chỉ |
|-----|---|--|
| 1 | Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Tàu Dịch vụ Dầu khí | Số 73, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Việt Nam |
| 2 | Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Cảng Dịch vụ Dầu khí | Số 65A, Đường 30/4, Phường Thắng Nhất, Thành phố Vũng Tàu, Việt Nam |
| 3 | Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Công ty Dịch vụ Dầu khí Đà Nẵng | Số 11, Đường 3/2, Quận Hải Châu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam |
| 4 | Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Quảng Bình | Cảng Hòn La, Xã Quảng Đông, Huyện Quảng Trạch, Tỉnh Quảng Bình, Việt Nam |
| 5 | Chi nhánh Tổng công ty Cổ phần Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Việt Nam - Ban Dự án Nhiệt điện Long Phú | Ấp Thạnh Đức, Xã Long Đức, Huyện Long Phú, Tỉnh Sóc Trăng, Việt Nam |
| 6 | Văn phòng đại diện Tổng công ty Cổ phần Kỹ thuật Dịch vụ Dầu khí Việt Nam tại Hà Nội | Số 142, Đường Nguyễn Khuyến, Phường Văn Miếu, Quận Đống Đa, Thành phố Hà Nội, Việt Nam |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| STT | Tên | Hoạt động chính | 31.12.2021 | | 31.12.2020 | |
|-------------------------------------|--|--|----------------|--------------------|----------------|--------------------|
| | | | Quyền sở hữu % | Quyền biểu quyết % | Quyền sở hữu % | Quyền biểu quyết % |
| Công ty con sở hữu trực tiếp | | | | | | |
| 1 | Công ty TNHH Một thành viên ("MTV") Dịch vụ Cơ khí Hàng hải PTSC | Chế tạo, xây lắp công trình dầu khí, công nghiệp | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 2 | Công ty TNHH MTV Dịch vụ Khảo sát và Công trình ngầm PTSC | Vận hành các tàu địa chấn 2D, 3D; khảo sát địa chấn, địa chất, công trình, khảo sát và sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 3 | Công ty TNHH MTV Khách sạn Dầu khí PTSC | Kinh doanh du lịch và dịch vụ sinh hoạt cho các công ty dầu khí trong và ngoài nước | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 4 | Công ty TNHH Dịch vụ Kỹ thuật Dầu khí Labuan | Cung cấp tàu dịch vụ phục vụ hoạt động khai thác dầu khí | 100 | 100 | 100 | 100 |
| 5 | Công ty Cổ phần ("CP") Dịch vụ Dầu khí Quảng Ngãi PTSC | Quản lý, khai thác và cung cấp tàu dịch vụ và cảng tổng hợp; chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp | 95,19 | 95,19 | 95,19 | 95,19 |
| 6 | Công ty CP Dịch vụ Lắp đặt, Vận hành và Bảo dưỡng Công trình Dầu khí Biên PTSC | Vận chuyển, lắp đặt, đấu nối, chạy thử, vận hành, sửa chữa và bảo dưỡng, di dời, thu dọn các công trình dầu khí và công nghiệp | 84,95 | 84,95 | 84,95 | 84,95 |
| 7 | Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ | Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp | 59,61 | 59,61 | 59,61 | 59,61 |
| 8 | Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp PTSC Thanh Hóa | Quản lý, khai thác và cung cấp tàu dịch vụ và cảng tổng hợp; chế tạo, xây lắp, sửa chữa và bảo dưỡng các công trình dầu khí và công nghiệp | 54,69 | 54,69 | 54,69 | 54,69 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| STT | Tên | Hoạt động chính | Nơi thành lập, đăng ký hoạt động | 31.12.2021 | | 31.12.2020 | |
|-----|---|--|----------------------------------|----------------|--------------------|----------------|--------------------|
| | | | | Quyền sở hữu % | Quyền biểu quyết % | Quyền sở hữu % | Quyền biểu quyết % |
| 9 | Công ty CP Dịch vụ Khai thác Dầu Khí PTSC | Quản lý, khai thác, vận hành và bảo dưỡng các kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO"), kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô ("FPSO"), cung ứng lao động chuyên ngành dầu khí | Tp. Vũng Tàu, Việt Nam | 51 | 51 | 51 | 51 |
| 10 | Công ty CP Cảng Dịch vụ Dầu Khí Đình Vũ | Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp và cảng container | Tp. Hải Phòng, Việt Nam | 51 | 51 | 51 | 51 |
| 11 | Công ty CP Dịch vụ Bảo vệ An ninh Dầu khí Việt Nam | Kinh doanh dịch vụ bảo vệ | Hà Nội, Việt Nam | 51 | 51 | 51 | 51 |
| 12 | Công ty CP Đầu tư Dầu khí Sao Mai - Bến Đình | Quản lý, điều hành, kinh doanh khai thác cảng tổng hợp | Tp. Vũng Tàu, Việt Nam | 51 | 51 | 51 | 51 |
| 13 | Công ty TNHH Khảo sát Địa chất vật lý PTSC CCGV (*) | Dịch vụ thu nhận dữ liệu địa chấn, 2D, 3D | Tp. Vũng Tàu, Việt Nam | 51 | 51 | 51 | 51 |

Công ty liên doanh, liên kết sở hữu trực tiếp

| | | | | | | | |
|---|--|---|-----------|----|----|----|----|
| 1 | Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited ("VOFT") | Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô ("FPSO") | Malaysia | 60 | 50 | 60 | 50 |
| 2 | PTSC South East Asia Private Limited ("PTSC SEA") | Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO") | Singapore | 51 | 50 | 51 | 50 |
| 3 | PTSC Asia Pacific Private Limited ("PTSC AP") | Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu thô ("FPSO") | Singapore | 51 | 50 | 51 | 50 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| STT | Tên | Hoạt động chính | Nơi thành lập, đăng ký hoạt động | 31.12.2021 | | 31.12.2020 | |
|-----|--|---|----------------------------------|----------------|--------------------|----------------|--------------------|
| | | | | Quyền sở hữu % | Quyền biểu quyết % | Quyền sở hữu % | Quyền biểu quyết % |
| 4 | Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited ("MVOT") | Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO") | Malaysia | 49 | 50 | 49 | 50 |
| 5 | Rong Doi MV12 Private Limited ("MV12") | Đầu tư và cung cấp kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO") | Singapore | 33 | 33 | 33 | 33 |
| 6 | Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí ("PV Shipyard") | Đóng mới, sửa chữa, hoàn cải giàn khoan khai thác dầu khí, tàu thùy các phương tiện nổi | Tp. Vũng Tàu, Việt Nam | 28,75 | 28,75 | 28,75 | 28,75 |

Công ty liên kết sở hữu gián tiếp

| | | | | | | | |
|---|---------------------------------------|------------------------------|------------------------|-------|----|-------|----|
| 1 | Công ty Cổ phần Cảng Tổng hợp Thị Vải | Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng | Tp. Vũng Tàu, Việt Nam | 21,46 | 36 | 21,46 | 36 |
|---|---------------------------------------|------------------------------|------------------------|-------|----|-------|----|

(*) Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty đang trong quá trình làm việc với đối tác CGG Holding B.V. (trước đây là CGGVeritas Services Holding BV) về việc chấm dứt Hợp đồng liên doanh trước thời hạn và đang thực hiện các thủ tục để chấm dứt hoạt động của Công ty TNHH Khảo sát Địa Vật lý PTSC CCGV ("PTSC CCGV") theo các văn bản phê duyệt của các cơ quan có thẩm quyền và Nghị quyết của Hội đồng Quản trị Công ty mẹ.

Từ năm 2018 đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, PTSC CCGV đã dừng toàn bộ hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo đó, Ban Giám đốc của PTSC CCGV đánh giá và quyết định trình bày báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của PTSC CCGV theo cơ sở kế toán không đáp ứng giả định hoạt động liên tục phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng công ty có 7.115 nhân viên (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 7.514 nhân viên).

2. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

2.1. Cơ sở của việc lập báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được lập theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo nguyên tắc giá gốc và trên cơ sở kế toán hoạt động liên tục ngoại trừ các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết và hợp nhất kinh doanh như được trình bày tại Thuyết minh 2.5 và báo cáo tài chính của PTSC CGGV được lập trên cơ sở kế toán không đáp ứng giả định hoạt động liên tục như đã nêu tại Thuyết minh 1.

Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính hợp nhất, kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, và tình hình lưu chuyển tiền tệ hợp nhất theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán thường được chấp nhận ở các nước và các thể chế khác ngoài nước Việt Nam. Các nguyên tắc và thông lệ kế toán sử dụng tại nước Việt Nam có thể khác với các nguyên tắc và thông lệ kế toán tại các nước và các thể chế khác.

2.2. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng công ty bắt đầu từ ngày 1 tháng 1 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính từ ngày 1 tháng 1 đến ngày 31 tháng 12.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Tổng công ty sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán và trình bày trên báo cáo tài chính hợp nhất là Đồng Việt Nam ("VND" hoặc "Đồng").

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán của Tổng công ty được xác định dựa vào đơn vị tiền tệ chủ yếu sử dụng trong các giao dịch bán hàng, cung cấp dịch vụ, có ảnh hưởng lớn đến giá bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; đơn vị tiền tệ dùng để niêm yết giá bán và nhận thanh toán; đơn vị tiền tệ sử dụng chủ yếu trong việc mua hàng hóa, dịch vụ; có ảnh hưởng lớn đến chi phí nhân công, hàng hóa và các chi phí sản xuất, kinh doanh khác, và thông thường dùng để thanh toán cho các chi phí đó.

Ngoài ra, Tổng công ty còn sử dụng đơn vị tiền tệ trong kế toán để huy động các nguồn lực tài chính

và/hoặc thường xuyên thu được đơn vị tiền tệ này từ các hoạt động kinh doanh và tích trữ lại.

Khi hợp nhất báo cáo tài chính, nếu báo cáo tài chính của các công ty được lập bằng đồng tiền khác với đồng tiền trên báo cáo tài chính của Công ty mẹ, Tổng công ty phải chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty này sang đồng tiền báo cáo của Tổng công ty theo nguyên tắc sau:

- » Tài sản và nợ phải trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế cuối kỳ hoặc cuối năm;
- » Vốn góp của chủ sở hữu được quy đổi theo tỷ giá tại ngày góp vốn;
- » Giá trị tài sản thuần của các công ty này do Công ty mẹ nắm giữ tại ngày mua được quy đổi theo tỷ giá ghi sổ tại ngày mua;
- » LNST chưa phân phối phát sinh sau ngày mua các công ty này được quy đổi bằng cách tính toán theo các khoản mục doanh thu, chi phí của Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh;
- » Cổ tức, lợi nhuận đã trả được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế tại ngày trả cổ tức;
- » Các khoản mục thuộc Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và Báo cáo lưu chuyển tiền tệ được quy đổi theo tỷ giá bình quân do tỷ giá bình quân của kỳ hoặc năm báo cáo xấp xỉ tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch;
- » Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh khi chuyển đổi báo cáo tài chính được phản ánh lũy kế trong phần vốn chủ sở hữu của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Đối với công ty con, phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho Tổng công ty được trình bày tại chỉ tiêu "Chênh lệch tỷ giá hối đoái" và phần chênh lệch tỷ giá hối đoái phân bổ cho cổ đông không kiểm soát được trình bày trong chỉ tiêu "Lợi ích cổ đông không kiểm soát"; và
- » Khi thanh lý các công ty này, toàn bộ số chênh lệch tỷ giá hối đoái lũy kế trên phần vốn chủ sở hữu của Bảng cân đối kế toán hợp nhất do chuyển đổi báo cáo tài chính của các công ty sẽ được ghi nhận vào doanh thu tài chính hoặc chi phí tài chính cùng kỳ hoặc năm thanh lý các công ty đó.

2.4. Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch thực tế áp dụng tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ các nghiệp vụ này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Tài sản và nợ phải trả bằng tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất lần lượt được quy đổi theo tỷ giá mua và tỷ giá bán ngoại tệ của ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty thường xuyên có giao dịch áp dụng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Các khoản ngoại tệ gửi ngân hàng tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất được quy đổi theo tỷ giá mua của chính ngân hàng thương mại nơi Tổng công ty mở tài khoản ngoại tệ. Chênh lệch tỷ giá phát sinh từ việc quy đổi này được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

2.5. Cơ sở hợp nhất báo cáo tài chính

Công ty con

Công ty con là những doanh nghiệp mà Tổng công ty có quyền chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó, thường đi kèm là việc nắm giữ hơn một nửa quyền biểu quyết. Sự tồn tại và tính hữu hiệu của quyền biểu quyết tiềm tàng đang được thực thi hoặc được chuyển đổi sẽ được xem xét khi đánh giá liệu Tổng công ty có quyền kiểm soát doanh nghiệp hay không. Công ty con được hợp nhất toàn bộ kể từ ngày quyền kiểm soát đã chuyển giao cho Tổng công ty. Việc hợp nhất chấm dứt kể từ lúc quyền kiểm soát không còn.

Phương pháp kế toán mua được Tổng công ty sử dụng để hạch toán việc mua công ty con. Chi phí mua được ghi nhận theo giá trị hợp lý của các tài sản đem trao đổi, công cụ vốn được phát hành và các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận tại ngày diễn ra việc trao đổi, cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc mua. Các tài sản xác định được, nợ phải trả và những khoản nợ tiềm tàng đã được thừa nhận khi hợp nhất kinh doanh được xác định trước hết theo giá trị hợp lý tại ngày mua không kể đến lợi ích của cổ đông không kiểm soát. Khoản vượt trội giữa chi phí mua so với phần

sở hữu của bên mua trong giá trị tài sản thuần được xem là lợi thế thương mại. Nếu phần sở hữu bên mua trong giá trị hợp lý tài sản thuần lớn hơn chi phí mua, phần chênh lệch được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất.

Giao dịch, công nợ và các khoản lãi, các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh trong nội bộ các công ty thành viên được loại trừ khi hợp nhất.

Trong giao dịch hợp nhất kinh doanh qua nhiều giai đoạn, khi xác định lợi thế thương mại hoặc lãi từ giao dịch mua giá rẻ, giá phí khoản đầu tư vào công ty con được tính là tổng của giá phí tại ngày đạt được quyền kiểm soát công ty con cộng với giá phí của những lần trao đổi trước đã được đánh giá lại theo giá trị hợp lý tại ngày công ty mẹ kiểm soát công ty con.

Chính sách kế toán của công ty con cũng thay đổi nếu cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán đang được Tổng công ty áp dụng.

Báo cáo tài chính của các công ty trong Tổng công ty sử dụng để hợp nhất phải được lập cho cùng một kỳ kế toán. Nếu ngày kết thúc kỳ kế toán khác nhau, thời gian chênh lệch không vượt quá 3 tháng. Báo cáo tài chính sử dụng để hợp nhất phải được điều chỉnh cho ảnh hưởng của những giao dịch và sự kiện quan trọng xảy ra giữa ngày kết thúc kỳ kế toán của các công ty và ngày kết thúc kỳ kế toán của Tổng công ty. Độ dài của kỳ báo cáo và sự khác nhau về thời điểm lập báo cáo tài chính phải được thống nhất qua các kỳ.

Nghiệp vụ và lợi ích của cổ đông không kiểm soát

Tổng công ty áp dụng chính sách cho các nghiệp vụ đối với cổ đông không kiểm soát giống như nghiệp vụ với các bên không thuộc Tổng công ty.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được xác định theo tỷ lệ phần sở hữu của cổ đông không kiểm soát trong tài sản thuần của đơn vị bị mua lại tại ngày mua.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty trong công ty con mà không dẫn đến mất quyền kiểm soát được kế toán tương tự như các giao dịch vốn chủ sở hữu. Chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ

việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào LNST hoặc lỗ lũy kế chưa phân phối thuộc vốn chủ sở hữu.

Những giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của Tổng công ty trong công ty con dẫn đến việc mất quyền kiểm soát đối với công ty con, thì chênh lệch giữa giá trị thay đổi phần sở hữu của Tổng công ty trong tài sản thuần của công ty con và số chi hoặc thu từ việc thoái vốn tại công ty con được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Phần sở hữu còn lại trong công ty này sẽ được hạch toán như một khoản đầu tư tài chính thông thường hoặc kế toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu kể từ khi công ty mẹ không còn nắm quyền kiểm soát công ty con.

Công ty liên doanh, liên kết

Các khoản góp vốn liên doanh là thỏa thuận trên cơ sở ký kết hợp đồng mà theo đó Tổng công ty và các bên tham gia thực hiện hoạt động kinh tế trên cơ sở đồng kiểm soát. Cơ sở đồng kiểm soát được hiểu là việc đưa ra các quyết định mang tính chiến lược liên quan đến các chính sách hoạt động và tài chính của đơn vị liên doanh phải có sự đồng thuận của các bên đồng kiểm soát. Các thỏa thuận góp vốn liên doanh liên quan đến việc thành lập một cơ sở kinh doanh độc lập trong đó có các bên tham gia góp vốn liên doanh được gọi là cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát.

Công ty liên kết là tất cả các công ty trong đó Tổng công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải kiểm soát, thường được thể hiện thông qua việc nắm giữ từ 20% đến 50% quyền biểu quyết ở công ty đó hoặc ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Các khoản đầu tư vào liên doanh và các công ty liên kết được hạch toán theo phương pháp vốn chủ sở hữu và được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Khoản đầu tư của Tổng công ty vào công ty liên doanh, liên kết bao gồm lợi thế thương mại phát sinh khi đầu tư, trừ đi những khoản giảm giá tài sản lũy kế.

Lợi nhuận của Tổng công ty được chia sau khi đầu

tư vào công ty liên doanh, liên kết sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất. Các khoản thay đổi lũy kế sau khi đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được điều chỉnh vào giá trị ghi sổ của khoản đầu tư. Khi phần lỗ trong công ty liên doanh, liên kết bằng hoặc vượt quá lợi ích của Tổng công ty trong công ty liên doanh, liên kết, Tổng công ty sẽ không ghi nhận khoản lỗ vượt đó trừ khi đã phát sinh nghĩa vụ hoặc đã thanh toán hộ cho công ty liên doanh, liên kết.

Các chính sách kế toán của công ty liên doanh, liên kết được thay đổi khi cần thiết để đảm bảo sự nhất quán với chính sách kế toán mà Tổng công ty áp dụng.

Các khoản lãi hay lỗ chưa thực hiện từ các giao dịch nội bộ giữa Tổng công ty với các công ty liên doanh, liên kết sẽ được loại trừ tới mức tương ứng với phần lợi ích của Tổng công ty trong các công ty liên doanh, liên kết theo quy định kế toán hiện hành.

2.6. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn, tiền đang chuyển, và các khoản đầu tư ngắn hạn khác có thời hạn thu hồi không quá ba tháng kể từ ngày đầu tư, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định, và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất.

2.7. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu thể hiện giá trị ghi sổ của các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ; và các khoản phải thu khác không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch bán hàng hóa và cung cấp dịch vụ. Dự phòng các khoản phải thu khó đòi được lập cho từng khoản phải thu căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc các khoản phải thu chưa đến hạn thanh toán nhưng có khả năng không thu hồi được đúng hạn theo quy định. Các khoản phải thu được xóa sổ theo hướng dẫn của các quy định hiện hành và quy chế quản lý tài chính của Tổng công ty.

Các khoản phải thu được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất tới ngày đến hạn thu hồi.

2.8. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được thể hiện theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc được xác định trên cơ sở bình quân gia quyền và bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp, chi phí sản xuất chung, chi phí mua, và các chi phí khác, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được do Tổng công ty tự xác định là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ như chi phí tiếp thị, chi phí bán hàng và chi phí phân phối.

Tổng công ty áp dụng phương pháp kê khai thường xuyên để hạch toán hàng tồn kho.

Dự phòng được lập, theo các quy định kế toán hiện hành, cho hàng tồn kho bị lỗi thời, kém chất lượng, chậm lưu chuyển và bị hỏng. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải lập ở cuối năm tài chính này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất, kinh doanh giá vốn hàng bán trong kỳ.

Hàng tồn kho được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ vào kế hoạch sử dụng trong hoạt động sản xuất, kinh doanh của Tổng công ty tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.9. Đầu tư tài chính

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là các khoản đầu tư mà Tổng công ty có ý định và có khả năng giữ đến ngày đáo hạn.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác. Các khoản đầu tư này ban đầu được ghi nhận theo

giá gốc từ ngày mua và được xác định theo giá mua và các chi phí liên quan đến giao dịch mua. Thu nhập lãi từ các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn sau ngày mua được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trên cơ sở dự thu. Lãi được hưởng trước khi Tổng công ty nắm giữ được ghi giảm trừ vào giá gốc tại thời điểm mua.

Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán theo quy định (nếu có). Dự phòng giảm giá đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được lập trên cơ sở có bằng chứng chắc chắn cho thấy một phần hoặc toàn bộ khoản đầu tư có thể không thu hồi được. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối kỳ kế toán trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn của các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày đáo hạn.

(b) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác nhưng không có quyền kiểm soát hoặc đồng kiểm soát, không có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư. Các khoản đầu tư này được ghi nhận ban đầu theo giá gốc. Sau đó, Ban Tổng Giám đốc thực hiện việc rà soát đối với tất cả các khoản đầu tư để ghi nhận dự phòng vào cuối kỳ kế toán.

Dự phòng giảm giá đầu tư vào đơn vị khác được lập theo quy định kế toán và chính sách kế toán hiện hành vào cuối kỳ kế toán khi có sự giảm giá trị của các khoản đầu tư. Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định một cách đáng tin cậy mà Tổng công ty nắm giữ lâu dài, dự phòng được lập khi giá gốc cao hơn giá trị dự kiến có thể thu hồi. Đối với các khoản đầu tư khác, dự phòng giảm giá đầu tư được lập khi công ty nhận đầu tư bị lỗ, ngoại trừ khoản lỗ mà Tổng công ty đã dự đoán từ khi đầu tư. Chênh lệch giữa khoản dự phòng lập ở cuối kỳ

kế toán này và khoản dự phòng đã lập ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí tài chính trong kỳ. Khoản dự phòng được hoàn nhập không vượt quá giá trị ghi sổ ban đầu.

2.10. Hợp đồng xây dựng

Hợp đồng xây dựng là một hợp đồng được thỏa thuận để xây dựng một tài sản hoặc tổ hợp các tài sản có liên quan chặt chẽ hay phụ thuộc lẫn nhau về mặt thiết kế, công nghệ, chức năng hoặc mục đích sử dụng cơ bản của chúng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng có thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng xây dựng được ghi nhận tương ứng trong kỳ là doanh thu và chi phí. Tổng công ty sử dụng phương pháp tỷ lệ phần trăm hoàn thành để xác định khoản doanh thu và chi phí phù hợp để ghi nhận trong kỳ kế toán. Tỷ lệ phần trăm hoàn thành được xác định bằng cách tham chiếu đến tỷ lệ của các chi phí đã phát sinh của phần công việc đã hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán và tổng chi phí dự toán của từng hợp đồng xây dựng, ngoại trừ trường hợp chi phí này không tương đương với phần khối lượng xây lắp đã hoàn thành. Khoản chi phí này có thể bao gồm các chi phí phụ thêm, các khoản bồi thường và chi thường thực hiện hợp đồng theo thỏa thuận với khách hàng.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng không thể ước tính một cách đáng tin cậy thì doanh thu của hợp đồng chỉ được ghi nhận tương đương với các chi phí của hợp đồng đã phát sinh mà việc thu hồi là tương đối chắc chắn. Chi phí của hợp đồng chỉ được ghi nhận là chi phí trong kỳ khi các chi phí này đã phát sinh.

Trường hợp hợp đồng xây dựng quy định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong kỳ được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Tổng số chi phí phát sinh và lợi nhuận hoặc lỗ ghi nhận của mỗi hợp đồng được so sánh với tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành tính đến cuối kỳ. Khi chi phí phát sinh và lợi nhuận ghi nhận (trừ

đi lỗ ghi nhận) vượt quá tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành, số dư được trình bày là khoản phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng. Khi tổng số tiền ghi trên hóa đơn đã phát hành vượt quá chi phí cộng với lợi nhuận ghi nhận (trừ đi lỗ ghi nhận), số dư được trình bày là khoản phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng.

2.11. Tài sản cố định (“TSCĐ”)

TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình

TSCĐ được phản ánh theo nguyên giá trừ khấu hao lũy kế. Nguyên giá bao gồm các chi phí liên quan trực tiếp đến việc có được TSCĐ ở trạng thái sẵn sàng sử dụng, trong đó nguyên giá TSCĐ hình thành do mua sắm bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Đối với TSCĐ hình thành do đầu tư xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu hoặc tự xây dựng và sản xuất, nguyên giá là giá quyết toán công trình xây dựng theo quy chế quản lý đầu tư và xây dựng hiện hành, các chi phí khác có liên quan trực tiếp và lệ phí trước bạ (nếu có). Trường hợp dự án đã hoàn thành và đưa vào sử dụng nhưng quyết toán chưa được phê duyệt, nguyên giá TSCĐ được ghi nhận theo giá tạm tính trên cơ sở chi phí thực tế đã bỏ ra để có được TSCĐ. Nguyên giá tạm tính sẽ được điều chỉnh theo giá quyết toán được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá TSCĐ nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

TSCĐ được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá TSCĐ trong suốt thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của các nhóm tài sản như sau:

| | |
|------------------------|------------|
| Nhà cửa, vật kiến trúc | 3 – 45 năm |
| Máy móc thiết bị | 3 - 7 năm |
| Phương tiện vận tải | 6 - 12 năm |

| | |
|--------------------|-----------|
| Thiết bị quản lý | 3 - 5 năm |
| TSCĐ hữu hình khác | 3 năm |
| Phần mềm máy tính | 3 năm |
| Quyền sử dụng đất | 50 năm |

Quyền sử dụng đất bao gồm quyền sử dụng đất có thời hạn được ghi nhận căn cứ trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 29 tháng 12 năm 2006, được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 50 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ phát sinh do thanh lý, nhượng bán TSCĐ được xác định bằng số chênh lệch giữa số tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của TSCĐ và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang thể hiện giá trị của các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác, được ghi nhận theo giá gốc, bao gồm toàn bộ chi phí cần thiết để xây dựng mới hoặc sửa chữa, cải tạo, mở rộng, hay trang bị lại kỹ thuật công trình như chi phí xây dựng, chi phí thiết bị, chi phí tư vấn đầu tư xây dựng, và chi phí vay được vốn hóa đối với tài sản đủ điều kiện phù hợp với chính sách kế toán của Tổng công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang nguyên giá TSCĐ theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng. Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản dở dang hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng của các công trình xây dựng cơ bản dở dang có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

Khấu hao của những tài sản này, cũng giống như các loại TSCĐ khác, sẽ bắt đầu được trích khi tài sản đã sẵn sàng cho mục đích sử dụng.

2.12. Thuê hoạt động

Thuê hoạt động là loại hình thuê tài sản mà phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản thuộc về bên cho thuê. Khoản thanh toán dưới hình thức thuê hoạt động được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời hạn thuê hoạt động.

2.13. Bất động sản đầu tư

Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí (tiền hoặc tương đương tiền) mà Tổng công ty bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản khác đưa ra trao đổi để có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành bất động sản đầu tư đó. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá bất động sản đầu tư nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

Khấu hao

Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng để giảm dần nguyên giá tài sản trong thời gian sử dụng ước tính. Thời gian hữu dụng ước tính của bất động sản đầu tư như sau:

| | |
|---------------|-------------|
| Cơ sở hạ tầng | 48 – 49 năm |
|---------------|-------------|

Thanh lý

Lãi hoặc lỗ do thanh lý bất động sản đầu tư được xác định bằng số chênh lệch giữa tiền thu thuần do thanh lý với giá trị còn lại của bất động sản đầu tư và được ghi nhận là thu nhập hoặc chi phí trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất .

2.14. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất . Chi phí này được ghi nhận theo giá gốc và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính.

Ngoài ra, tiền thuê đất trả trước cho các hợp đồng

(tiếp theo)

thuê đất có hiệu lực sau năm 2003 cũng được ghi nhận là chi phí trả trước theo quy định của Thông tư số 45/2013/TT-BTC do Bộ Tài chính ban hành vào ngày 25 tháng 4 năm 2013 và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng phù hợp với giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

2.15. Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được phân loại dựa vào tính chất bao gồm:

- » Phải trả người bán gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ; và
- » Phải trả khác gồm các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ.

Các khoản nợ phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản nợ phải trả tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán.

2.16. Vay

Vay bao gồm các khoản tiền vay từ các ngân hàng, bên liên quan, và bên thứ ba.

Các khoản vay được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo kỳ hạn còn lại của các khoản vay tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất đến ngày tới hạn thanh toán.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đối với hoạt động xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn sẽ được vốn hóa trong thời gian mà các tài sản này được hoàn thành và chuẩn bị đưa vào sử dụng. Đối với các khoản vay chung trong đó có sử dụng vốn cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất bất kỳ tài sản đủ tiêu chuẩn thì Tổng công ty xác định chi phí đi vay được vốn hóa theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đủ tiêu chuẩn đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong năm, trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể. Việc vốn hóa chi phí đi vay sẽ được

tạm ngừng trong các giai đoạn mà quá trình đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang bị gián đoạn, trừ khi sự gián đoạn đó là cần thiết. Chi phí đi vay khác được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

2.17. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả bao gồm các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ kế toán nhưng thực tế chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kế toán. Việc ghi nhận chi phí phải trả được xác định trên cơ sở đã xác định được nghĩa vụ nợ hiện tại chắc chắn về thời gian thanh toán.

2.18. Dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Tổng công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại, pháp lý hoặc liên đới do kết quả từ các sự kiện đã xảy ra; và Tổng công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Việc thanh toán nghĩa vụ nợ có thể sẽ dẫn đến sự giảm sút về những lợi ích kinh tế, và giá trị của nghĩa vụ nợ đó được ước tính một cách đáng tin cậy tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất. Dự phòng không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng được ước tính trên cơ sở khoản tiền sẽ phải chi để thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí tài chính. Chênh lệch giữa khoản dự phòng phải trả phải lập ở cuối kỳ kế toán này và khoản dự phòng phải trả đã lập chưa sử dụng ở cuối năm tài chính trước được ghi nhận tăng hoặc giảm chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ.

2.19. Doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện là khoản doanh thu nhận trước chủ yếu bao gồm số tiền của khách hàng đã trả trước cho một hoặc nhiều năm tài chính về

(tiếp theo)

cho thuê tài sản và việc cung cấp các dịch vụ liên quan đến cho thuê tài sản. Tổng công ty ghi nhận các khoản doanh thu chưa thực hiện tương ứng với phần nghĩa vụ mà Tổng công ty sẽ phải thực hiện trong tương lai. Khi các điều kiện ghi nhận doanh thu được thỏa mãn, doanh thu chưa thực hiện sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất trong kỳ tương ứng với phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu đó.

Doanh thu chưa thực hiện được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên bảng cân đối kế toán hợp nhất căn cứ theo phần thỏa mãn điều kiện ghi nhận doanh thu tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất.

2.20. Vốn chủ sở hữu**(a) Vốn góp của chủ sở hữu**

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế góp của các cổ đông và được phản ánh theo mệnh giá của cổ phiếu.

(b) Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần là khoản chênh lệch giữa vốn góp theo mệnh giá cổ phiếu với giá thực tế phát hành cổ phiếu, chênh lệch giữa giá mua lại cổ phiếu quỹ và giá tái phát hành cổ phiếu quỹ.

(c) LNST chưa phân phối

LNST chưa phân phối phản ánh kết quả kinh doanh lũy kế sau thuế TNDN của Tổng công ty tại thời điểm báo cáo.

2.21. Phân chia LNST TNDN

Phương án phân chia LNST TNDN của Tổng công ty được thực hiện theo Nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông bao gồm Nghị quyết của Công ty mẹ và các công ty con, bao gồm: chia cổ tức cho các cổ đông và trích lập các quỹ theo điều lệ của Tổng công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả trong báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ kế toán dựa vào ngày chốt danh sách cổ đông theo Nghị quyết của Hội đồng Quản trị sau khi phương án chi trả cổ tức được thông qua tại Đại hội đồng Cổ đông.

Tổng công ty trích lập các quỹ sau:

(a) Quỹ đầu tư phát triển

Quỹ đầu tư phát triển được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Quỹ đầu tư phát triển được sử dụng vào việc đầu tư mở rộng quy mô sản xuất, kinh doanh hoặc đầu tư theo chiều sâu bằng hình thức bổ sung vốn điều lệ.

(b) Quỹ khen thưởng, phúc lợi

Quỹ khen thưởng, phúc lợi được trích lập từ lợi nhuận thuần sau thuế TNDN của Tổng công ty sau khi được Đại hội đồng Cổ đông thông qua. Quỹ được trình bày là một khoản phải trả trên bảng cân đối kế toán hợp nhất và được sử dụng cho mục đích khen thưởng, phúc lợi cho người lao động và thường ban quản lý điều hành.

2.22. Ghi nhận doanh thu**(a) Doanh thu bán hàng**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- » Tổng công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- » Tổng công ty không còn nắm giữ quyền quản lý sản phẩm hoặc hàng hóa như người sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa hoặc quyền kiểm soát sản phẩm hoặc hàng hóa;
- » Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- » Tổng công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- » Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu không được ghi nhận khi có yếu tố không chắc chắn mang tính trọng yếu về khả năng thu được tiền bán hàng hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu được ghi nhận phù hợp với "bản chất hơn hình thức" và được phân bổ theo nghĩa vụ cung ứng hàng hóa.

(b) Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi dịch vụ đã được cung cấp, bằng cách tính mức độ hoàn thành của từng giao dịch, dựa trên cơ sở đánh giá tỉ lệ dịch vụ đã cung cấp so với tổng khối lượng dịch vụ phải cung cấp. Doanh thu cung cấp dịch vụ chỉ được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn bốn (4) điều kiện sau:

- » Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- » Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- » Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của bảng cân đối kế toán riêng ; và
- » Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

(c) Doanh thu từ hợp đồng xây dựng

Doanh thu từ hợp đồng xây dựng bao gồm doanh thu ban đầu được ghi trong hợp đồng xây dựng; các khoản tăng, giảm khi thực hiện hợp đồng; các khoản tiền thưởng; các khoản thanh toán khác mà Tổng công ty thu được từ khách hàng hay một bên khác để bù đắp cho các chi phí không bao gồm trong giá hợp đồng, các khoản thanh toán mà khách hàng sẽ chấp thuận bồi thường, và các khoản thanh toán khác nếu có khả năng làm thay đổi doanh thu, và có thể xác định được một cách đáng tin cậy. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu từ hợp đồng xây dựng được trình bày tại Thuyết minh 2.10.

(d) Doanh thu cho thuê hoạt động

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời hạn cho thuê.

(e) Thu nhập lãi

Thu nhập lãi được ghi nhận khi được hưởng.

(f) Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia

Thu nhập từ cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi

nhận khi Tổng công ty xác lập quyền nhận cổ tức và lợi nhuận được chia từ các đơn vị đầu tư.

2.23. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp

Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp là tổng chi phí phát sinh của hàng hóa xuất bán và dịch vụ cung cấp cho khách hàng trong kỳ, được ghi nhận theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu và nguyên tắc thận trọng.

2.24. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí hoạt động tài chính phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm các khoản chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính; chi phí đi vay vốn; dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác; khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ; và lỗ tỷ giá hối đoái.

2.25. Chi phí bán hàng

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán hàng hóa, cung cấp dịch vụ, bao gồm: chi phí quảng bá thương hiệu, giới thiệu sản phẩm, quảng cáo sản phẩm, hoa hồng bán hàng và các chi phí bán hàng khác.

2.26. Chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của Tổng công ty bao gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế, kinh phí công đoàn, bảo hiểm thất nghiệp của nhân viên quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu văn phòng; công cụ lao động; khấu hao TSCĐ dùng cho quản lý doanh nghiệp; tiền thuê đất; thuế môn bài; khoản lập dự phòng phải thu khó đòi; dịch vụ mua ngoài; và các chi phí khác.

2.27. Thuế TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại

Thuế TNDN bao gồm toàn bộ số thuế thu nhập tính trên thu nhập chịu thuế TNDN. Chi phí thuế TNDN bao gồm chi phí thuế TNDN hiện hành và chi phí thuế TNDN hoãn lại.

Thuế TNDN hiện hành là số thuế TNDN phải nộp hoặc thu hồi được tính trên thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN của năm hiện hành. Thuế

TNDN hiện hành và thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận là thu nhập hay chi phí khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của kỳ phát sinh, ngoại trừ trường hợp thuế thu nhập phát sinh từ một giao dịch hoặc sự kiện được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu trong cùng kỳ hay một kỳ khác.

Thuế TNDN hoãn lại được tính đầy đủ, sử dụng phương thức công nợ, tính trên các khoản chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên báo cáo tài chính hợp nhất và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục này. Thuế TNDN hoãn lại không được ghi nhận khi nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ ghi nhận ban đầu của một tài sản hay nợ phải trả của một giao dịch mà giao dịch này không phải là giao dịch sáp nhập doanh nghiệp, không có ảnh hưởng đến lợi nhuận kế toán hoặc lợi nhuận/lỗ tính thuế thu nhập tại thời điểm phát sinh giao dịch. Thuế TNDN hoãn lại được tính theo thuế suất dự tính được áp dụng trong niên độ mà tài sản được thu hồi hoặc khoản nợ phải trả được thanh toán dựa trên thuế suất đã ban hành hoặc xem như có hiệu lực tại ngày của bảng cân đối kế toán hợp nhất .

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận khi có khả năng sẽ có lợi nhuận tính thuế trong tương lai để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại và nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả được bù trừ khi Tổng công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế TNDN hiện hành với thuế TNDN hiện hành phải nộp và khi thuế TNDN hoãn lại có liên quan đến cùng một cơ quan thuế và Tổng công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Chi phí thuế TNDN của Tổng công ty được ước tính dựa vào các quy định hiện hành về thuế và có thể có những điều chỉnh tùy thuộc vào sự kiểm tra của cơ quan thuế và sự thay đổi của những quy định về thuế.

2.28. Các bên liên quan

Các bên được coi là bên liên quan của Tổng công ty nếu một bên có khả năng, trực tiếp hoặc gián tiếp, kiểm soát bên kia hoặc gây ảnh hưởng đáng kể tới bên kia trong việc ra các quyết định tài chính và hoạt động, hoặc khi Tổng công ty và bên kia

cùng chịu sự kiểm soát chung hoặc ảnh hưởng đáng kể chung. Các bên liên quan có thể là các công ty hoặc các cá nhân, bao gồm cả các thành viên gia đình thân cận của các cá nhân cũng được coi là liên quan.

Trong việc xem xét từng mối quan hệ của các bên liên quan, Tổng công ty căn cứ vào bản chất của mối quan hệ chứ không chỉ hình thức pháp lý của các quan hệ đó.

2.29. Báo cáo bộ phận

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt của Tổng công ty tham gia vào việc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ liên quan ("bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh"), hoặc bán hàng hoặc cung cấp dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể ("bộ phận chia theo khu vực địa lý"). Mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Mẫu báo cáo bộ phận cơ bản của Tổng công ty là dựa theo bộ phận chia theo hoạt động kinh doanh.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty nhằm mục đích để giúp người sử dụng báo cáo tài chính hiểu rõ và đánh giá được tình hình hoạt động của Tổng công ty một cách toàn diện.

2.30. Ước tính kế toán quan trọng

Việc lập báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu về công nợ, tài sản; việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc kỳ kế toán; cũng như các số liệu về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán.

Các ước tính và giả định thường xuyên được đánh giá dựa trên kinh nghiệm trong quá khứ và các yếu tố khác, bao gồm các giả định trong tương lai có ảnh hưởng trọng yếu tới báo cáo tài chính hợp nhất của Tổng công ty và được Ban Tổng Giám đốc đánh giá là hợp lý.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

3. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

| | 2021 | 2020 |
|---------------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Tiền mặt | 8.081.845.815 | 10.492.190.937 |
| Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn | 3.475.359.795.561 | 3.376.348.015.847 |
| Tiền đang chuyển | 427.147.855 | 380.922.632 |
| Các khoản tương đương tiền (*) | 2.263.408.622.600 | 1.824.934.564.853 |
| | 5.747.277.411.831 | 5.212.155.694.269 |

(*) Các khoản tương đương tiền thể hiện giá trị của các khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn gốc không quá 3 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất bình quân từ 2% đến 4,6%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2,9% đến 4,25%/năm).

4. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH

(a) Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn ngắn hạn

| | 2021 | | 2020 | |
|--------------------|-------------------|-------------------|-------------------|-------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Tiền gửi có kỳ hạn | 2.676.700.567.303 | 2.676.700.567.303 | 3.310.783.914.291 | 3.310.783.914.291 |

Tiền gửi có kỳ hạn thể hiện giá trị của khoản tiền gửi bằng VND có kỳ hạn còn lại không quá 12 tháng tại ngân hàng thương mại với lãi suất là 2,8% đến 6,55%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 3,3% đến 6,7%/năm).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Đầu tư tài chính dài hạn

| | 2021 | | 2020 | |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá gốc | Giá trị ghi sổ | Giá gốc | Giá trị ghi sổ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết (i) | 1.624.677.039.235 | 4.824.330.619.445 | 1.624.677.039.235 | 4.941.851.498.906 |
| Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác (ii) | 41.655.000.000 | 41.655.000.000 | 41.655.000.000 | (22.740.306.198) |
| | 1.666.332.039.235 | 4.865.985.619.445 | 1.666.332.039.235 | 4.983.506.498.906 |
| | | | | (22.740.306.198) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(i) Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết

Chi tiết của khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết được trình bày như sau:

| STT | Tên công ty | 2021 | | 2020 | |
|-----|--|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | | Giá gốc VND | Giá trị ghi sổ VND | Giá gốc VND | Giá trị hợp lý VND |
| 1 | Rong Doi MV12 Private Limited (i) | 106.022.400 | - (*) | 106.022.400 | - (*) |
| 2 | Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (ii) | 292.324.455.887 | 1.716.765.047.707 | 292.324.455.887 | 1.582.850.858.101 |
| 3 | Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (iii) | 156.473.118.448 | 1.068.022.437.067 | 156.473.118.448 | 932.977.757.965 |
| 4 | PTSC South East Asia Private Limited (iv) | 340.800.232.500 | 1.059.534.498.178 | 340.800.232.500 | 1.214.342.524.496 |
| 5 | PTSC Asia Pacific Private Limited (v) | 641.415.780.000 | 937.065.686.889 | 641.415.780.000 | 1.175.123.060.234 |
| 6 | Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí (vi) | 171.957.430.000 | - (*) | 171.957.430.000 | - (*) |
| 7 | Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải (vii) | 21.600.000.000 | 42.942.949.604 | 21.600.000.000 | 36.557.298.110 |
| | | 1.624.677.039.235 | 4.824.330.619.445 | 1.624.677.039.235 | 4.941.851.498.906 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Biến động của đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết trong năm được trình bày như sau:

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--|--------------------------|--------------------------|
| Giá trị khoản đầu tư gốc | 1.624.677.039.235 | 1.624.677.039.235 |
| Kết quả kinh doanh thuần từ các công ty liên doanh, liên kết: | | |
| Số dư đầu năm | 3.317.174.459.671 | 3.555.692.688.555 |
| Lợi nhuận từ các công ty liên doanh, liên kết trong năm (*) | 506.796.118.343 | 190.645.361.065 |
| Cổ tức được chia | (548.447.100.000) | (380.154.000.000) |
| Điều chỉnh chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính trong năm | (75.869.897.804) | (49.009.589.949) |
| Số dư cuối năm | 4.824.330.619.445 | 4.941.851.498.906 |

(*) Trong đó, chi tiết lợi nhuận/(lỗ) từ các công ty liên doanh, liên kết trong năm như sau:

| | 2021 VND | 2020 VND |
|--|------------------------|------------------------|
| Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited (iii) | 417.834.486.284 | 436.725.789.824 |
| Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited (ii) | 165.778.622.729 | 140.222.538.542 |
| PTSC Asia Pacific Private Limited (v) | (50.059.813.719) | (238.961.037.002) |
| Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải (vi) | 10.705.651.494 | 6.011.703.543 |
| PTSC South East Asia Private Limited (iv) | (37.462.828.445) | (28.799.894.978) |
| Rong Doi MV12 Private Limited (i) | - | (124.553.738.864) |
| | 506.796.118.343 | 190.645.361.065 |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, đây là các khoản đầu tư tài chính dài hạn nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(i) Rong Doi MV12 Private Limited là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và các đối tác Modec, Inc., và Mitsui & Co., Ltd (Modec, Inc., và Mitsui & Co., Ltd được thành lập tại Nhật) vào năm 2006 để đầu tư kho nổi FSO "MV12" với sức chứa 300.000 thùng dầu cho Công ty Korea National Oil Corporation ("KNOC") thuê từ năm 2007 để phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại mỏ Rồng Đồi. Thời hạn cho thuê là 07 năm cố định và được gia hạn từng năm cho đến khi hết thời hạn sử dụng của FSO. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn góp của Tổng công ty tại Rong Doi MV12 Private Limited là 6.600 USD, tương đương 106.022.400 Đồng.

(ii) Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited ("MVOT") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác Malaysia International Shipping Corporation Berhad ("MISC") từ năm 2009 để:

- » đầu tư kho chứa nổi FSO "Orkid" sức chứa 650.000 thùng dầu cho khách hàng thuê để phục vụ khai thác dầu ngoài khơi tại khu vực chông lãn thương mại PM-3 giữa Việt Nam và Malaysia từ năm 2009 đến hết ngày 31 tháng 12 năm 2027; và
- » đầu tư kho chứa nổi FSO Golden Star sức chứa 654.717 thùng dầu phục vụ khai thác tại Mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt ngoài khơi Việt Nam với thời hạn hợp đồng trong vòng 7 năm từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 11 năm 2027 và có thể gia hạn thêm 8 năm.
- » Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn góp của Tổng công ty tại MVOT là 17.258.911 USD, tương đương 292.324.455.887 Đồng.

(iii) Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited ("VOFT") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập bởi Tổng công ty và đối tác MISC từ năm 2009, trong đó Tổng công ty chiếm 60% vốn để sở hữu, quản lý, và khai thác kho nổi chứa dầu FPSO "Ruby II" phục vụ hoạt động thăm dò khai thác dầu khí của Công ty Petronas Carigali Vietnam Limited đến ngày 9 tháng 9 năm 2017. Từ ngày 10 tháng 9 năm 2017, Tập đoàn Dầu khí Việt Nam thay thế, tiếp nhận quyền lợi và nghĩa vụ của Petronas Carigali Vietnam Limited, thực hiện hợp đồng với VOLT theo thỏa thuận giữa Tập đoàn Dầu khí Việt Nam với Petronas Carigali

Vietnam Limited. Từ tháng 6 năm 2010, kho nổi FPSO "Ruby II" đã bắt đầu hoạt động và đưa vào vận hành khai thác. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn góp của Tổng công ty tại VOLT là 8.784.000 USD, tương đương 156.473.118.448 Đồng.

(iv) PTSC South East Asia Private Limited ("PTSC SEA") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong tháng 9 năm 2011 bởi Tổng công ty cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 474/BKHĐT- ĐTRNN ngày 31 tháng 10 năm 2011 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp để đầu tư đóng mới và cho thuê kho nổi chứa, xuất dầu ("FSO") cho Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông ("BDPOC") thuê phục vụ khai thác dầu thô tại Lô 05.2 và Lô 05.3 ngoài khơi Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 149.318.329 USD, tương đương 3.071.478.027.530 Đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 37.329.582 USD chiếm 25% vốn đầu tư, còn lại là vốn vay. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn góp của Tổng công ty tại PTSC SEA là 16.320.000 USD, tương đương 340.800.232.500 Đồng.

(v) PTSC Asia Pacific Private Limited ("PTSC AP") là liên doanh đồng kiểm soát, được thành lập trong năm 2012 bởi Tổng công ty cùng đối tác Yinson Holding Berhad theo Giấy chứng nhận đầu tư ra nước ngoài số 561/BKHĐT- ĐTRNN ngày 19 tháng 10 năm 2012 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp để góp vốn đầu tư kinh doanh kho nổi chứa, xuất và xử lý dầu ("FPSO") cho Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí thuê phục vụ phát triển Lô 01/97 và Lô 02/97 thuộc vùng trũng Cửu Long tại vùng biển Việt Nam. Dự án có tổng vốn đầu tư là 429.977.481 USD, tương đương 9.113.372.709.795 Đồng, trong đó, vốn góp của các bên là 119.996.426 USD chiếm 27,9% vốn đầu tư, và Tổng công ty đăng ký góp vốn là 61.198.177 USD, tương đương 1.272.922.081.600 Đồng, chiếm 51% vốn điều lệ, còn lại là vốn vay. Tổng công ty đã thực hiện góp vốn vào PTSC AP là 51.000.000 USD, tương đương 1.069.026.300.000 Đồng. Trong năm 2018, hai bên góp vốn của PTSC AP đã đồng ý thực hiện giảm vốn góp từ 100.000.000 USD xuống còn 60.000.000 USD tương ứng với tỷ lệ góp vốn của các chủ sở hữu và PTSC AP đã thực hiện thanh toán tiền giảm vốn góp cho các chủ sở hữu. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, vốn góp của Tổng công ty tại PTSC AP là 30.600.000 USD, tương đương 641.415.780.000 Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(vi) Công ty Cổ phần Chế tạo Giàn khoan Dầu khí là một công ty có phần được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 3500806844 ngày 9 tháng 7 năm 2007 do Sở Kế hoạch Đầu tư Tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu cấp với số vốn điều lệ đăng ký là 60.000.000.000 Đồng. Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh của Cảng Thị Vải, Công ty Cổ phần Cảng Dịch vụ Dầu khí Tổng hợp Phú Mỹ, công ty con của Tổng công ty, nắm giữ 36% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Theo đó, Tổng công ty gián tiếp sở hữu 21,46% vốn điều lệ của Cảng Thị Vải. Do đó, Cảng Thị Vải là công ty liên kết của Tổng công ty theo quy định kế toán hiện hành.

(vii) Công ty CP Cảng Tổng hợp Thị Vải ("Cảng Thị Vải") là một công ty chi tiết của đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày như sau:

(ii) Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Chi tiết của đầu tư góp vốn vào đơn vị khác được trình bày như sau:

| STT | Tên công ty | 2021 | | 2020 | |
|-----|--|-----------------------|-------------------------|-----------------------|-------------------------|
| | | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | | VND | VND | VND | VND |
| 1 | Công ty CP Đóng mới và Sửa chữa Tàu Dầu khí Nhơn Trạch | 3.000.000.000 | (810.237.811) | 3.000.000.000 | (799.729.584) |
| 2 | Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải | 28.125.000.000 | (13.418.357.862) | 28.125.000.000 | (11.410.576.614) |
| 3 | Công ty CP Đầu tư Bê tông Công nghệ cao | 10.530.000.000 | (10.530.000.000) | 10.530.000.000 | (10.530.000.000) |
| | | 41.655.000.000 | (24.758.595.673) | 41.655.000.000 | (22.740.306.198) |

(*) Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, đây là các khoản đầu tư tài chính dài hạn nên giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này có thể khác với giá trị ghi sổ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Biến động trong năm của khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

| | 2021 | 2020 |
|--|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 22.740.306.198 | 23.759.623.481 |
| Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) (Thuyết minh 35) | 2.018.289.475 | (1.019.317.283) |
| Số dư cuối năm | 24.758.595.673 | 22.740.306.198 |

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

Biến động trong năm của khoản dự phòng đầu tư tài chính dài hạn như sau:

| | 2021 | 2020 |
|--|-----------------|-----------------|
| | VND | VND |
| Bên thứ ba | | |
| Liên danh TPSK | 297.761.391.378 | 126.303.173.163 |
| Văn phòng điều hành ("VPĐH") Idemitsu Gas Production (Vietnam) Co., Ltd. tại Thành phố Hồ Chí Minh | 252.496.624.027 | 276.393.454.606 |
| Chevron Thailand Exploration and Production Ltd., Chevron Offshore (Thailand) Ltd. | 195.017.834.095 | - |
| North Oil Company | 84.382.055.890 | 251.384.978.063 |
| Sapura Fabrication Sdn.Bhd. | 33.969.673.393 | 31.414.661.012 |
| Công ty TNHH Hệ thống điện GE Việt Nam | 32.902.457.057 | 27.552.836.256 |
| Công ty Điều hành Dầu khí Cửu Long | 24.999.950.417 | 69.058.976.793 |
| Geolantic Sdn.Bhd. | 22.064.361.020 | - |
| Công ty TNHH Thoresen Vinama Logistics | 21.000.209.718 | 818.707.051 |
| VPĐH Premier Oil Vietnam Offshore B.V. tại Thành phố Hồ Chí Minh | 18.934.669.505 | 19.744.909.233 |
| Korea National Oil Corporation | 17.799.964.620 | 16.437.116.305 |
| Công ty Cổ phần xây dựng Minh Anh | 16.669.265.711 | 16.669.265.711 |
| Marsol Offshore Construction LLC | 13.606.079.660 | 15.340.739.884 |
| Công ty CP Xi măng Công Thanh | 13.175.104.138 | 19.767.290.454 |
| VPĐH ENI Vietnam B.V tại Thành phố Hồ Chí Minh | 4.944.322.402 | 59.292.669.720 |
| Technip Geoproduction (M) Sdn Bhd | 357.961.449 | 471.868.864.531 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| | 2021 | 2020 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Công ty TNHH Dầu khí Việt Nhật | - | 24.270.049.121 |
| Bên thứ ba khác | 483.144.569.954 | 443.896.703.203 |
| | 1.533.226.494.434 | 1.870.214.395.106 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 41(b)) | 2.472.547.273.372 | 3.202.944.197.780 |
| | 4.005.773.767.806 | 5.073.158.592.886 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư của các khoản phải thu ngắn hạn của khách hàng đã quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Thuyết minh 9.

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

(a) Ngắn hạn

| | 2021 | 2020 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Bên thứ ba | | |
| Tổng công ty Lắp Máy Việt Nam | 100.613.950.134 | 100.613.950.134 |
| Công ty CP Xây dựng Số 7 | 13.812.212.195 | 19.972.677.529 |
| Công ty CP Kỹ thuật nhiệt Mèo Đen | 16.246.344.703 | 9.986.485.202 |
| Công ty CP SCI E&C | 13.728.101.409 | 22.869.818.022 |
| Gulf Agency Company Qatar W.L.L. | - | 13.728.101.409 |
| Công ty CP Tư vấn và Xây dựng Phú Xuân | - | 12.790.191.429 |
| Khác | 144.626.705.941 | 191.551.323.507 |
| | 289.027.314.382 | 371.512.547.232 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 41(b)) | 2.225.926.853 | 1.033.416.496 |
| | 291.253.241.235 | 372.545.963.728 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

(tiếp theo)

(b) Dài hạn

| | 2021 | 2020 |
|--------------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Bên thứ ba | | |
| Công ty CP Việt Xuân Mới Miền Nam | 14.526.732.593 | 34.628.991.731 |
| Công ty TNHH Xây dựng Hoàng Liên Sơn | 5.377.755.690 | 9.504.119.961 |
| Khác | 2.993.799.055 | 18.145.340.618 |
| | 22.898.287.338 | 62.278.452.310 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Công ty không có khoản trả trước cho người bán ngắn hạn và dài hạn của khách hàng nào quá hạn hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi.

7. PHẢI THU VÀ PHẢI TRẢ THEO TIẾN ĐỘ KẾ HOẠCH HỢP ĐỒNG XÂY DỰNG

| | 2021 | 2020 |
|--|--------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | 79.509.916.775 | 85.720.543.145 |
| Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng | (292.132.423.826) | (63.945.055.438) |
| | (212.622.507.051) | 21.775.487.707 |
| Trong đó: | | |
| Chi phí hợp đồng xây dựng cộng lợi nhuận đã ghi nhận trừ các khoản lỗ đã ghi nhận lũy kế | 6.108.391.833.128 | 4.561.355.289.968 |
| Số đã phát hành hóa đơn theo tiến độ | (6.321.014.340.179) | (4.539.579.802.261) |
| | (212.622.507.051) | 21.775.487.707 |

Chi tiết của phải thu/phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng theo dự án được trình bày như sau:

| | 2021 | 2020 |
|--------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Phải thu | | |
| Dự án NPK | 11.927.115.975 | 74.459.687.366 |
| Dự án NH3 | - | 10.829.184.856 |
| Dự án EPC Kho chứa LNG Thị Vải | 67.582.800.800 | 431.670.923 |
| | 79.509.916.775 | 85.720.543.145 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Mẫu số B 09 – DN/HN

(tiếp theo)

| | 2021 | 2020 |
|--|------------------------|-----------------------|
| Phải trả | | |
| Dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyện | 184.348.611.688 | 33.961.929.987 |
| Dự án Tổ hợp hoá dầu Miền Nam | 107.783.812.138 | 29.983.125.451 |
| | 292.132.423.826 | 63.945.055.438 |

8. PHẢI THU KHÁC**(a) Ngắn hạn**

| | 2021 | | 2020 | |
|--|-----------------|----------|----------------|----------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Doanh thu trích trước cho dịch vụ đã cung cấp | | | | |
| PTSC Ca Rong Do Ltd | 167.778.181.818 | - | - | - |
| Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí | 10.047.098.575 | - | 627.920.218 | - |
| Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn | 12.188.084.868 | - | 6.606.181.257 | - |
| Công ty CP LONGSBS Việt Nam | 15.352.971.376 | - | - | - |
| PTTEP International Limited | 16.498.055.302 | - | - | - |
| VPĐH Idemitsu Gas Production (Vietnam) Co., Ltd. tại Thành phố Hồ Chí Minh | - | - | 420.328.500 | - |
| Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Nước ngoài | - | - | 10.061.561.353 | - |
| Khác | 44.631.384.892 | - | 50.460.024.863 | - |
| Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng | 37.174.931.265 | - | 54.823.326.949 | - |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| | 2021 | | 2020 | |
|------------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị | Dự phòng | Giá trị | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Ký quỹ, ký cược | 33.416.954.634 | - | 18.782.979.836 | - |
| Tạm ứng | 13.955.469.103 | - | 14.059.454.917 | - |
| Thuế GTGT chưa được khấu trừ | 30.237.827.359 | - | 33.487.826.939 | - |
| Khác | 54.202.178.961 | (3.339.526.892) | 75.950.695.026 | (1.755.167.920) |
| | 435.483.138.153 | (3.339.526.892) | 265.280.299.858 | (1.755.167.920) |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, số dư của các khoản phải thu ngắn hạn khác đã quá hạn thanh toán được trích lập dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi được trình bày tại Thuyết minh 9.

(b) Dài hạn

| | 2021 | 2020 |
|--------------------|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Ký quỹ, ký cược | 72.111.794.971 | 77.906.965.640 |
| Phải thu từ chi hộ | 63.680.518.499 | - |
| Khác | 16.489.200.228 | 13.524.550.273 |
| | 152.281.513.698 | 91.431.515.913 |

Chi tiết phải thu khác theo đối tượng được trình bày như sau:

| | 2021 | 2020 |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Ngắn hạn | | |
| Bên thứ ba | 303.229.345.490 | 206.187.697.923 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 41(b)) | 132.253.792.663 | 59.092.601.935 |
| | 435.483.138.153 | 265.280.299.858 |
| Dài hạn | | |
| Bên thứ ba | 152.281.513.698 | 91.431.515.913 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

9. DỰ PHÒNG PHẢI THU NGẮN HẠN KHÓ ĐÓI

| | 2021 | | Thời gian quá hạn |
|--|------------------------|------------------------|---------------------------|
| | Giá trị gốc quá hạn | Giá trị có thể thu hồi | |
| | VND | VND | VND |
| Phải thu ngắn hạn khách hàng | | | |
| Bên thứ ba | | | |
| Marsol Offshore Construction L.L.C | 11.641.505.712 | 672.099 | Trên 1 năm - Dưới 3 năm |
| Berlanga Myanmar Private Limited | 13.606.079.660 | 6.759.006.477 | Trên 3 năm |
| Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn | 13.531.918.730 | - | Trên 3 năm |
| Khác | 112.750.975.972 | 74.944.030.837 | Trên 6 tháng - Trên 3 năm |
| | 151.530.480.074 | 81.703.709.413 | (69.826.770.661) |
| Bên liên quan | | | |
| Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | 68.416.092.099 | 35.162.060.575 | Trên 1 năm - Trên 3 năm |
| Công ty TNHH MTV Điều hành và Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước | 37.369.296.504 | 8.865.219.165 | Trên 2 năm - Trên 3 năm |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| | | 2021 | | 2020 | |
|---|---------------------------|---------------------------|--------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | Giá trị nợ quá hạn gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Giá trị nợ quá hạn gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Ban QLDA Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn | 15.098.497.832 | - | (15.098.497.832) | 15.098.497.832 | - |
| Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí | 8.060.004.136 | 20.618.966 | (8.039.385.170) | 8.060.004.136 | 20.618.966 |
| Khác | 88.864.849.954 | 77.360.321.944 | (11.504.528.011) | 88.864.849.954 | 77.360.321.944 |
| | 217.808.740.525 | 121.408.220.650 | (96.400.519.876) | 217.808.740.525 | 121.408.220.650 |
| Phải thu ngắn hạn khác | | | | | |
| Bên liên quan | | | | | |
| Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải | 3.642.003.000 | 858.674.000 | (2.783.329.000) | 3.642.003.000 | 858.674.000 |
| Khác | 971.195.501 | 414.997.609 | (556.197.892) | 971.195.501 | 414.997.609 |
| Khác | 4.613.198.501 | 1.273.671.609 | (3.339.526.892) | 4.613.198.501 | 1.273.671.609 |
| | 373.952.419.100 | 204.385.601.672 | (169.566.817.429) | 373.952.419.100 | 204.385.601.672 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| | | 2020 | | 2020 | |
|---|---------------------------|---------------------------|-------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | Giá trị nợ quá hạn gốc | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | Giá trị nợ quá hạn gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND | VND |
| Phải thu ngắn hạn khách hàng | | | | | |
| Bên thứ ba | | | | | |
| Marsol Offshore Construction L.L.C | 15.340.739.884 | 8.245.885.496 | (7.094.854.388) | 15.340.739.884 | 8.245.885.496 |
| Berlanga Myanmar Private Limited | 13.645.734.640 | 2.004.901.027 | (11.640.833.613) | 13.645.734.640 | 2.004.901.027 |
| Công ty TNHH Đóng tàu và Cơ khí Hàng hải Sài Gòn | 13.531.918.730 | - | (13.531.918.730) | 13.531.918.730 | - |
| Khác | 26.571.428.705 | 9.574.749.153 | (16.996.679.552) | 26.571.428.705 | 9.574.749.153 |
| | 69.089.821.959 | 19.825.535.676 | (49.264.286.283) | 69.089.821.959 | 19.825.535.676 |
| Bên liên quan | | | | | |
| Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | 53.338.719.355 | 39.796.924.579 | (13.541.794.776) | 53.338.719.355 | 39.796.924.579 |
| Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước | 43.311.997.427 | 15.354.802.493 | (27.957.194.934) | 43.311.997.427 | 15.354.802.493 |
| Ban QLDA công trình Liên hợp Lọc Hóa dầu Nghi Sơn | 15.098.497.832 | - | (15.098.497.832) | 15.098.497.832 | - |
| Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí | 13.887.083.418 | 299.701.973 | (13.587.381.445) | 13.887.083.418 | 299.701.973 |
| PTSC Ca Rong Do Ltd. | 9.902.752.259 | 2.970.825.678 | (6.931.926.581) | 9.902.752.259 | 2.970.825.678 |
| | 138.538.768.246 | 60.822.155.623 | (49.114.637.571) | 138.538.768.246 | 60.822.155.623 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| | 2020 | | Thời gian quá hạn |
|---|---------------------------|-----------------------|---------------------------|
| | Giá trị có thể thu hồi | Dự phòng | |
| | VND | VND | VND |
| Khác | 24.764.334.931 | 18.613.546.407 | Trên 6 tháng - Trên 3 năm |
| | 160.303.385.222 | 77.035.801.130 | (6.150.788.524) |
| | 229.393.207.181 | 96.861.336.806 | (83.267.584.092) |
| Phải thu ngắn hạn khác | | | (132.531.870.375) |
| Bên thứ ba | | | |
| Khác | 12.969.200 | 11.649.200 | Trên 1 năm - Trên 3 năm |
| | 12.969.200 | 11.649.200 | (1.320.000) |
| Bên liên quan | | | (1.320.000) |
| Công ty CP Đầu tư Xây lắp Dầu khí Duyên Hải | 3.612.011.000 | 1.870.904.500 | Trên 6 tháng - Trên 3 năm |
| Khác | 147.497.500 | 134.756.080 | Trên 6 tháng - Dưới 1 năm |
| | 3.772.477.700 | 2.017.309.780 | (1.741.106.500) |
| | 233.165.684.881 | 98.878.646.586 | (12.741.420) |
| | | | (1755.167.920) |
| | | | (134.287.038.295) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

10. HÀNG TỒN KHO

(a) Hàng tồn kho

| | 2021 | | 2020 | |
|---|--------------------------|------------------------|--------------------------|-------------------------|
| | Giá gốc | Dự phòng | Giá gốc | Dự phòng |
| | VND | VND | VND | VND |
| Hàng mua đang đi đường | 17.459.964.469 | - | 3.724.288.759 | - |
| Nguyên vật liệu | 317.084.388.344 | (2.114.802.525) | 413.216.663.457 | (2.198.714.129) |
| Công cụ, dụng cụ | 39.612.745.455 | - | 46.212.166.349 | - |
| Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang (*) | 1.710.624.217.836 | - | 1.708.281.322.513 | (59.853.610.125) |
| Hàng hóa | 3.504.025.621 | (76.363.636) | 1.893.511.623 | - |
| | 2.088.285.341.725 | (2.191.166.161) | 2.173.327.952.701 | (62.052.324.254) |

(*) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang thể hiện các khoản chi phí phát sinh liên quan đến dịch vụ, dự án sau:

| | 2021 | 2020 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt | 629.049.507.394 | 473.270.914.557 |
| Dự án Gallaf - Giai đoạn 1 | 491.631.126.125 | 1.032.257.768.113 |
| Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt | 202.475.155.036 | - |
| Dự án Tổ hợp hóa dầu Miền Nam | 153.653.341.964 | 42.339.674.713 |
| Dự án EPC Kho chứa LNG Thị Vải | 86.116.992.560 | 66.262.114.568 |
| Dự án gia công kết cấu thép cho GE | 34.975.771.970 | - |
| Dịch vụ cung cấp FPSO | 12.575.577.235 | 7.441.011.158 |
| Dự án Sửa chữa, bảo dưỡng gói STG | - | 26.956.980.263 |
| Khác | 100.146.745.552 | 59.752.859.141 |
| | 1.710.624.217.836 | 1.708.281.322.513 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Biến động về dự phòng giảm giá hàng tồn kho trong năm như sau:

| | 2021 | 2020 |
|-------------------------------|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 62.052.324.254 | 2.338.041.333 |
| (Hoàn nhập dự phòng)/dự phòng | (59.861.158.093) | 59.714.282.921 |
| Số dư cuối năm | 2.191.166.161 | 62.052.324.254 |

(b) Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn

Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn thể hiện giá trị của các loại thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế sử dụng để sửa chữa các phương tiện vận tải có kế hoạch thực hiện trên 12 tháng.

11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

| | 2021 | 2020 |
|------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí bảo hiểm | 15.374.902.246 | 9.256.596.275 |
| Công cụ, dụng cụ | 11.777.860.629 | 11.320.202.470 |
| Chi phí thuê đất và thuê bãi | 4.787.092.096 | - |
| Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng | 559.300.792 | 7.248.743.096 |
| Khác | 5.706.546.784 | 3.850.855.887 |
| | 38.205.702.547 | 31.676.397.728 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Dài hạn

| | 2021 | 2020 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Trả trước tiền thuê văn phòng tại Trụ sở chính Số 1-5 Lê Duẩn | 270.158.138.070 | 277.130.295.474 |
| Trả trước tiền thuê đất tại Cảng Đình Vũ | 107.720.312.129 | 98.921.421.059 |
| Trả trước tiền giải phóng mặt bằng tại Cảng Sơn Trà | 90.114.098.310 | 92.602.218.595 |
| Chi phí sửa chữa, bảo dưỡng | 84.130.616.375 | 97.303.319.783 |
| Công cụ, dụng cụ | 31.981.257.533 | 34.339.724.654 |
| Trả trước tiền thuê nhà xưởng tại Vũng Tàu | 13.522.045.426 | 21.734.547.751 |
| Khác | 13.152.739.776 | 25.927.763.491 |
| | 610.779.207.619 | 647.959.290.807 |

12. TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC

Như đã trình bày tại Thuyết minh 1, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của PTSC CGGV được lập theo cơ sở kế toán không đáp ứng giả định hoạt động liên tục, theo đó, tài sản của PTSC CGGV được đánh giá lại và ghi nhận theo giá trị thuần có thể

thực hiện được. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, giá trị thuần có thể thực hiện được của tài sản PTSC CGGV là 25.613.516.364 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 25.613.516.364 Đồng) được phân loại là tài sản ngắn hạn khác trên bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

13. TSCĐ

(a) TSCĐ hữu hình

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị quản lý | Khác | Tổng cộng |
|--|------------------------|-------------------|---------------------|------------------|-----------------|--------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 3.558.840.724.468 | 2.447.141.582.490 | 5.508.195.812.777 | 211.612.885.698 | 114.455.844.626 | 11.840.246.850.059 |
| Mua trong năm | 851.028.870 | 39.398.962.216 | 10.361.626.539 | 10.088.460.363 | 668.828.936 | 61.368.906.924 |
| Hình thành từ chi phí xây dựng cơ bản dở dang (Thuyết minh 15) | 501.281.818 | 113.883.463.375 | 166.988.195.766 | - | - | 281.372.940.959 |
| Thanh lý, nhượng bán | (3.038.547.015) | (6.174.027.838) | (36.651.451.274) | (18.566.915.359) | (55.000.000) | (64.485.941.486) |
| Khác | 645.725.416 | (3.933.387.564) | 2.408.506.303 | 1.318.321.545 | (596.200.719) | (157.035.019) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 3.557.800.213.557 | 2.590.316.592.679 | 5.651.302.690.111 | 204.452.752.247 | 114.473.472.843 | 12.118.345.721.437 |
| Khấu hao lũy kế | | | | | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| | Nhà cửa, vật kiến trúc | Máy móc, thiết bị | Phương tiện vận tải | Thiết bị quản lý | Khác | Tổng cộng |
|-------------------------------|------------------------|-------------------|---------------------|------------------|----------------|-------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 2.360.475.533.547 | 1.711.827.141.923 | 4.428.092.131.990 | 188.083.946.463 | 38.044.596.970 | 8.726.523.350.893 |
| Khấu hao trong năm | 99.007.633.132 | 161.013.383.752 | 204.681.578.530 | 15.173.146.366 | 5.285.765.175 | 485.161.506.955 |
| Thanh lý, nhượng bán | (305.715.121) | (6.174.027.838) | (36.611.190.671) | (18.566.915.359) | (55.000.000) | (61.712.848.989) |
| Khác | - | (189.552.458) | 217.696.231 | (69.276.744) | - | (41.132.971) |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 2.459.177.451.558 | 1.866.476.945.379 | 4.596.380.216.080 | 184.620.900.726 | 43.275.362.145 | 9.149.930.875.888 |
| Giá trị còn lại | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 1.198.365.190.921 | 735.314.440.567 | 1.080.103.680.787 | 23.528.939.235 | 76.411.247.656 | 3.113.723.499.166 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 1.098.622.761.999 | 723.839.647.300 | 1.054.922.474.031 | 19.831.851.521 | 71.198.110.698 | 2.968.414.845.549 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá của TSCĐ hữu hình đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng của Tổng công ty là 5.653 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 5.997 tỷ Đồng).

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Tổng công ty đã thế chấp tài sản hình thành từ vốn vay để đảm bảo cho một số khoản vay ngân hàng (Thuyết minh 23) với nguyên giá là 1.590 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 1.643 tỷ Đồng).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| | Quyền sử dụng đất | | Phần mềm | | Khác | | Tổng cộng | |
|-------------------------------|-------------------|------------------|---------------|------------------|------|-----|-----------|-----|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Nguyên giá | | | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 1.310.220.000 | 133.515.093.069 | 1.839.261.714 | 136.664.574.783 | | | | |
| Mua trong năm | - | 2.650.320.000 | - | 2.650.320.000 | | | | |
| Thanh lý, nhượng bán | (327.193.412) | (140.550.000) | - | (467.743.412) | | | | |
| Tặng/(giảm) khác (*) | 490.193.529 | (12.081.484.180) | - | (11.591.290.651) | | | | |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 1.473.220.117 | 123.943.378.889 | 1.839.261.714 | 127.255.860.720 | | | | |

Khấu hao lũy kế

| | | | | |
|-----------------------------|-------------|-----------------|---------------|-----------------|
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 379.599.850 | 112.963.362.804 | 1.839.261.714 | 115.182.224.368 |
| Khấu hao trong năm | 26.204.400 | 10.445.332.587 | - | 10.471.536.987 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| | Quyền sử dụng đất | | Phần mềm | | Khác | | Tổng cộng | |
|-------------------------------|-------------------|------------------|---------------|------------------|------|-----|-----------|-----|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Thanh lý, nhượng bán | - | (140.550.000) | - | (140.550.000) | | | | |
| Tặng/(giảm) khác (*) | - | (11.591.290.651) | - | (11.591.290.651) | | | | |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 405.804.250 | 111.676.854.740 | 1.839.261.714 | 113.921.920.704 | | | | |
| Giá trị còn lại | | | | | | | | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 930.620.150 | 20.551.730.265 | - | 21.482.350.415 | | | | |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 1.067.415.867 | 12.266.524.149 | - | 13.333.940.016 | | | | |

Nguyên giá TSCĐ vô hình của Tổng công ty đã khấu hao hết nhưng còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 103 tỷ Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 81 tỷ Đồng).

(*) Giảm khác: Tổng công ty không tiếp tục gia hạn quyền sử dụng đối với một số Bản quyền phần mềm đã hết hạn sử dụng.

14. BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

Chi tiết của bất động sản đầu tư như sau:

| | 2021 | 2020 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Bất động sản đầu tư nắm giữ để cho thuê: | | |
| Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hecta | 98.911.251.276 | 101.658.786.027 |
| Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hecta | 74.954.253.351 | 76.941.990.456 |
| | 173.865.504.627 | 178.600.776.483 |

Bất động sản đầu tư chủ yếu bao gồm:

- » Dự án Cơ sở hạ tầng - 39,8 hecta có nguyên giá là 131.881.668.267 Đồng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê là 48 năm; và
- » Dự án Cơ sở hạ tầng - 23 hecta có nguyên giá 97.399.118.187 Đồng được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê là 49 năm.

Trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, doanh thu phát sinh từ bất động sản đầu tư là 5.203.799.784 Đồng (năm 2020: 5.203.799.784 Đồng). Chi phí trực tiếp phát sinh từ hoạt động cho thuê bất động sản đầu tư trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 (bao gồm công cụ dụng cụ, chi phí điện nước, chi phí quản lý) là 4.735.271.856 Đồng (năm 2020: 4.735.271.856 Đồng).

Biến động trong năm của bất động sản đầu tư như sau:

| | Cơ sở hạ tầng |
|-------------------------------|-----------------|
| | VND |
| Nguyên giá | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 229.280.786.454 |
| và ngày 31 tháng 12 năm 2021 | |
| Khấu hao lũy kế | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 50.680.009.971 |
| Khấu hao trong năm | 4.735.271.856 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 55.415.281.827 |
| Giá trị còn lại | |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2021 | 178.600.776.483 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 173.865.504.627 |

Tổng công ty chưa thu thập đủ thông tin về các bất động sản tương tự làm cơ sở so sánh giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư này nên giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 chưa được trình bày trên báo cáo tài chính hợp

nhất. Tuy nhiên, dựa trên tỷ lệ cho thuê của các tài sản này, Ban Tổng Giám đốc của Tổng công ty tin tưởng rằng giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư lớn hơn giá trị còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

15. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

(a) Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn

Chi tiết của chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn như sau:

| | 2021 | | 2020 | |
|---|------------------------|------------------------|------------------------|------------------------|
| | Giá trị gốc | Giá trị có thể thu hồi | Giá trị gốc | Giá trị có thể thu hồi |
| | VND | VND | VND | VND |
| Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 (i) | 301.308.440.489 | - | 301.308.440.489 | - |
| Dự án Bio Ethanol (ii) | 69.815.950.708 | 69.815.950.708 | 69.815.950.708 | 69.815.950.708 |
| | 371.124.391.197 | 69.815.950.708 | 371.124.391.197 | 69.815.950.708 |

(i) Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 liên quan đến hạng mục thiết kế nước ngoài do nhà thầu Black & Veatch International thực hiện. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty và Chủ đầu tư chưa hoàn thành việc quyết toán giá trị của hạng mục này. Tổng công ty đã thực hiện đánh giá chi phí sản xuất kinh doanh dở dang này tại Biên bản đánh giá hàng tồn kho số 07/BB-PTSCLP của Hội đồng đánh giá hàng tồn kho - chi phí dở dang hạng mục chi phí tư vấn thiết kế nước ngoài được thành lập theo Quyết định số 0934/QĐ-PTSCLP ngày 21 tháng 12 năm 2017. Theo đó, Tổng công ty đã thực hiện trích dự phòng giảm giá hàng tồn kho đối với chi phí sản xuất kinh doanh dở dang nêu trên với giá trị tương ứng là 301.308.440.489 Đồng.

(ii) Dự án xây dựng Nhà máy sản xuất nhiên liệu sinh học Bio - Ethanol Dung Quất đã hoàn tất phần xây dựng cơ sở hạ tầng, bàn giao cho chủ đầu tư là Công ty CP Nhiên liệu Sinh học Dầu khí Miền Trung và đang thực hiện các thủ tục để thanh quyết toán hợp đồng. Số dư của hạng mục này tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 69.815.950.708 Đồng tương ứng với 5% giá trị của hợp đồng, sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi thực hiện xong việc quyết toán theo các điều khoản của hợp đồng và đồng thời sẽ ghi nhận doanh thu tương ứng. Theo đó, giá trị có thể thu hồi sẽ phụ thuộc vào giá trị quyết toán cuối cùng của hợp đồng. Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất này, Tổng công ty và Chủ đầu tư vẫn chưa hoàn thành việc quyết toán hợp đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Chi phí xây dựng cơ bản dở dang dài hạn

Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày như sau:

| | 2021 | 2020 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Xây dựng căn cứ cảng tại cảng Sao Mai - Bến Đình | 35.101.032.941 | 31.147.753.732 |
| Quyền sử dụng đất của Lô đất 1838,9m2 tại số 266 Lê Lợi, Thành phố Vũng Tàu | 49.463.685.500 | - |
| Dự án tôn tạo cảnh quan trước khu Dịch vụ Dầu khí tổng hợp Dung Quất | 5.880.355.437 | 5.880.355.437 |
| Tàu dịch vụ MP Maneuver | - | 119.042.319.850 |
| Khác | 23.509.285.750 | 9.932.989.798 |
| | 113.954.359.628 | 166.003.418.817 |

Chi tiết của chi phí xây dựng cơ bản dở dang được trình bày như sau:

| | 2021 | 2020 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 166.003.418.817 | 129.796.562.372 |
| Mua mới | 229.323.881.770 | 174.144.547.730 |
| Chuyển sang TSCĐ hữu hình (Thuyết minh 13(a)) | (281.372.940.959) | (137.937.691.285) |
| Số dư cuối năm | 113.954.359.628 | 166.003.418.817 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

16. THUẾ TNDN HOÃN LẠI

Chi tiết của thuế TNDN hoãn lại được trình bày như sau:

| | 2021 | 2020 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại: | | |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại được thu hồi sau 12 tháng | 477.030.804.692 | 337.988.470.122 |
| | 477.030.804.692 | 337.988.470.122 |
| Thuế TNDN hoãn lại phải trả: | | |
| Thuế TNDN hoãn lại phải trả sau 12 tháng | (749.280.589.891) | (785.723.496.716) |
| Thuế TNDN hoãn lại phải trả trong vòng 12 tháng | (83.530.153.899) | (18.765.964.330) |
| | (832.810.743.790) | (804.489.461.046) |

Biến động của thuế TNDN hoãn lại được bù trừ các số dư liên quan đến cùng một cơ quan thuế trong năm như sau:

| | 2021 | 2020 |
|--|-------------------|-------------------|
| | VND | VND |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại | 337.988.470.122 | 494.919.804.855 |
| Thuế TNDN hoãn lại phải trả | (804.489.461.046) | (787.421.949.479) |
| Số dư đầu năm | (466.500.990.924) | (292.502.144.624) |
| Ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất | 110.721.051.826 | (173.998.846.300) |
| Số dư cuối năm | (355.779.939.098) | (466.500.990.924) |
| Trong đó: | | |
| Tài sản thuế TNDN hoãn lại | 477.030.804.692 | 337.988.470.122 |
| Thuế TNDN hoãn lại phải trả | (832.810.743.790) | (804.489.461.046) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Thuế TNDN hoãn lại chủ yếu phát sinh từ chênh lệch tạm thời của các khoản mục sau:

| | 2021 | 2020 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí phải trả và các khoản dự phòng | 381.018.014.842 | 319.830.419.359 |
| Lợi nhuận từ công ty liên doanh | (554.067.854.137) | (583.216.464.535) |
| Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính | (195.212.735.754) | (198.406.939.372) |
| Chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục có gốc ngoại tệ | 9.821.024.379 | (4.333.057.037) |
| Khác | 2.661.611.572 | (374.949.339) |
| | (355.779.939.098) | (466.500.990.924) |

Thuế suất thuế TNDN sử dụng để xác định giá trị thuế TNDN hoãn lại là 20%.

Tài sản thuế TNDN hoãn lại được ghi nhận dựa trên khả năng thu được thu nhập chịu thuế trong tương lai để căn trừ các khoản chênh lệch tạm thời đã phát sinh này.

Các khoản lỗ tính thuế có thể được chuyển sang

để bù trừ với thu nhập chịu thuế trong tương lai, trong vòng 5 năm liên tiếp kể từ năm ngay sau năm phát sinh lỗ. Số lỗ thực tế được chuyển qua các năm sau cho mục đích thuế có thể chênh lệch so với số liệu được trình bày trong báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ ước tính có thể bù trừ vào thu nhập chịu thuế trong tương lai của Tổng công ty như sau:

| Năm phát sinh lỗ | Số lỗ phát sinh | Số lỗ tính thuế đã được sử dụng | Số lỗ còn được chuyển sang các kỳ tính thuế sau |
|------------------|-------------------|---------------------------------|---|
| | VND | VND | VND |
| Năm 2017 | 120.559.346.350 | - | 120.559.346.350 |
| Năm 2018 | 1.148.231.854.546 | - | 1.148.231.854.546 |
| Năm 2019 | 572.038.836.697 | - | 572.038.836.697 |
| Năm 2020 | 152.088.082.779 | - | 152.088.082.779 |
| Năm 2021 | 7.152.378.442 | - | 7.019.175.537 |

Tổng công ty không ghi nhận tài sản thuế TNDN hoãn lại đối với các khoản lỗ tính thuế trên vì Ban Tổng Giám đốc đánh giá khả năng Tổng công ty có

đủ thu nhập chịu thuế từ hoạt động sản xuất kinh doanh chính trong tương lai để bù trừ với những khoản lỗ tính thuế này là không chắc chắn.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

17. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

| Bên thứ ba | 2021 | | 2020 | |
|---|-----------------|-----------------------|-----------------|-----------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Ultra Deep Van Gogh Pte., Ltd | 121.008.007.292 | 121.008.007.292 | - | - |
| Công ty CGG Services SA | 113.731.272.637 | 113.731.272.637 | 115.195.091.374 | 115.195.091.374 |
| Công ty CGG Services (Singapore) Private Limited | 109.483.652.058 | 109.483.652.058 | 110.892.800.285 | 110.892.800.285 |
| CGG Marine B.V. | 86.070.019.205 | 86.070.019.205 | 87.177.813.955 | 87.177.813.955 |
| Shelf Subsea Solutions Pte Ltd | 70.141.248.588 | 70.141.248.588 | 116.075.000 | 116.075.000 |
| Velocity Energy Pte Ltd | 68.588.751.616 | 68.588.751.616 | 225.317.311.051 | 225.317.311.051 |
| Tổng công ty Lắp máy Việt Nam | 59.992.827.687 | 59.992.827.687 | 59.992.827.687 | 59.992.827.687 |
| Công ty CP Việt xuân mới Miền Nam | 58.549.339.456 | 58.549.339.456 | - | - |
| Technip Marine (M) Sdn Bhd | 49.444.658.196 | 49.444.658.196 | - | - |
| Công ty CP SCI E&C | 45.912.280.686 | 45.912.280.686 | 50.408.108.196 | 50.408.108.196 |
| Công ty CP Hàng hải Dầu khí Hải Dương | 44.197.707.828 | 44.197.707.828 | - | - |
| Công ty TNHH Nhà máy Sửa chữa và Đóng tàu Sài Gòn | 42.062.400.000 | 42.062.400.000 | 42.062.400.000 | 42.062.400.000 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| | 2021 | | 2020 | |
|---|--------------------------|--------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | Giá trị | Số có khả năng trả nợ | Giá trị | Số có khả năng trả nợ |
| | VND | VND | VND | VND |
| Công ty CP Đầu tư và Quản lý Tài sản Á Châu | 35.831.702.252 | 35.831.702.252 | 56.980.231.521 | 56.980.231.521 |
| Ocean Works Asia Pte Ltd | 27.668.347.860 | 27.668.347.860 | 113.759.693.066 | 113.759.693.066 |
| Công ty CP Kỹ thuật Toàn Thắng | 22.170.483.295 | 22.170.483.295 | 41.240.415.887 | 41.240.415.887 |
| Công ty CP Fecon | 33.924.635.591 | 33.924.635.591 | 34.657.770.927 | 34.657.770.927 |
| Công ty CP Dịch vụ biển Tân Cảng | 20.989.306.110 | 20.989.306.110 | 92.067.982.287 | 92.067.982.287 |
| Công ty CP Dịch vụ Hàng Hải Thiên Nam | 4.856.271.853 | 4.856.271.853 | 278.764.993.071 | 278.764.993.071 |
| Công ty TNHH Hải Dương | - | - | 234.217.190.351 | 234.217.190.351 |
| Marinia LLC | - | - | 207.006.073.775 | 207.006.073.775 |
| Khác | 1.592.811.142.690 | 1.592.811.142.690 | 2.302.638.671.079 | 2.302.638.671.079 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 41(b)) | 2.607.434.054.900 | 2.607.434.054.900 | 4.052.495.449.512 | 4.052.495.449.512 |
| | 1.674.261.176.580 | 1.674.261.176.580 | 2.125.495.057.732 | 2.125.495.057.732 |
| | 4.281.695.231.480 | 4.281.695.231.480 | 6.177.990.507.244 | 6.177.990.507.244 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và 31 tháng 12 năm 2020, Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Tổng công ty có đủ nguồn tài chính để thanh toán các khoản phải trả người bán ngắn hạn trên khi đến hạn thanh toán.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

18. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC

(a) Ngắn hạn

| | 2021 | 2020 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Bên thứ ba | | |
| North Oil Company | - | 171.463.269.795 |
| Liên danh TPSK | 54.408.599.849 | 149.587.366.234 |
| Tập đoàn Năng lượng Vân Nam Trung Quốc | 17.540.255.268 | - |
| Thầu chính THCV TK CC TBCN và TC XDCT Nhà máy Điện gió Viên An | 19.190.325.000 | - |
| Bên thứ ba khác | 44.593.366.025 | 48.711.877.673 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 41(b)) | 135.732.546.142 | 369.762.513.702 |
| | 86.034.584.685 | 68.231.798.530 |
| | 221.767.130.827 | 437.994.312.232 |

(b) Dài hạn

Người mua trả tiền trước dài hạn chủ yếu thể hiện giá trị của:

- » Khoản tiền Ban Quản lý Dự án Điện lực Dầu khí Long Phú 1 trả trước cho việc thực hiện Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 781.044.054.435 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 778.479.407.707 Đồng) (Thuyết minh 41(b)). Đến thời điểm lập báo cáo tài chính hợp nhất, Tổng công ty và chủ đầu tư chưa hoàn thành việc quyết toán giá trị phần công việc nên chưa thực hiện bù trừ công nợ thanh toán từ khoản trả trước nêu trên với chủ đầu tư; và
- » Khoản tiền Tổng công ty Khí Việt Nam trả trước cho các hợp đồng xây dựng tại Dự án EPC Kho chứa LNG Thị Vải và Dự án đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt với số dư tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 65.986.958.343 Đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 141.237.895.281 Đồng) (Thuyết minh 41(b)).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

19. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

(a) Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

| | 2021 | 2020 |
|---|----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Thuế TNDN nộp thừa | 6.114.531.893 | 48.935.885.088 |
| Thuế thu nhập cá nhân ("TNCN") nộp thừa | 2.427.238.283 | 335.529.783 |
| Thuế khác nộp thừa | 64.828.592 | 64.828.592 |
| | 8.606.598.768 | 49.336.243.463 |

(b) Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

| | 2021 | 2020 |
|-----------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Thuế GTGT | 10.545.280.024 | 33.130.342.705 |
| Thuế TNDN | 144.261.539.737 | 31.576.243.205 |
| Thuế TNCN | 9.893.805.640 | 28.424.007.490 |
| Khác | 19.737.545.978 | 10.839.453.411 |
| | 184.438.171.379 | 103.970.046.811 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Tình hình biến động của thuế và các khoản phải thu/phải nộp Nhà nước trong năm như sau:

| | Tại ngày 1.1.2021 | Phải nộp trong năm | Đã trả trong năm | Tại ngày 31.12.2021 |
|-------------------------------------|-----------------------|------------------------|--------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Thuế GTGT hàng bán nội địa | 33.130.342.705 | 127.439.261.711 | (150.024.324.394) | 10.545.280.022 |
| Thuế GTGT hàng nhập khẩu | - | 54.575.703.311 | (54.575.703.311) | - |
| Thuế nhập khẩu | - | 18.471.548.621 | (18.471.548.621) | - |
| Thuế TNDN | (17.359.641.883) | 311.065.619.548 | (155.145.199.635) | 138.560.778.030 |
| Thuế TNCN | 28.088.477.707 | 159.575.922.479 | (180.197.832.829) | 7.466.567.357 |
| Khác | 10.774.624.819 | 244.792.845.501 | (236.308.523.118) | 19.258.947.202 |
| | 54.633.803.348 | 915.920.901.171 | (794.723.131.908) | 175.831.572.611 |
| Trong đó: | | | | |
| Thuế và các khoản phải thu Nhà nước | 49.336.243.463 | | | 8.606.598.768 |
| Thuế và các khoản phải trả Nhà nước | 103.970.046.811 | | | 184.438.171.379 |

20. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

| | 2021 | 2020 |
|---|--------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí dự án Gallaf 3 - Giai đoạn 3 | 767.489.265.772 | - |
| Chi phí dự án SHWE | 72.615.143.923 | - |
| Chi phí cung cấp FSO chứa LPG lạnh tại khu vực phía Bắc | 48.325.341.906 | - |
| Chi phí Dự án thiết kế, mua sắm, chế tạo trên bờ cho gói thầu 2021-2022 SAT DSV campaign - Thai lan | 47.900.627.156 | - |
| Chi phí thuê bãi tại KCN Tàu thủy Nghi Sơn - Thanh Hóa | 40.000.000.000 | 35.000.000.000 |
| Chi phí Dự án Tổ hợp Hóa dầu Miền Nam | 38.810.450.468 | 22.671.453.058 |
| Chi phí hoạt động FSO, FPSO | 25.936.490.807 | 17.185.281.056 |
| Chi phí Dự án Bio Ethanol Dung Quất | 27.726.930.636 | 28.460.929.088 |
| Chi phí dịch vụ khảo sát địa chất và công trình ngầm | 24.791.501.909 | 16.773.121.198 |
| Chi phí Dự án thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng Đại Nguyệt | 14.259.026.057 | 61.262.011.048 |
| Chi phí Dự án PVN15 | 10.626.044.225 | 10.786.974.219 |
| Khác | 93.327.576.744 | 257.777.403.759 |
| | 1.211.808.399.603 | 449.917.173.426 |

21. DOANH THU CHƯA THỰC HIỆN

(a) Ngắn hạn

| | 2021 | 2020 |
|---|-----------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| Dịch vụ cho thuê tàu dịch vụ phục vụ gần bờ Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn (i) | 17.272.727.261 | 34.545.454.548 |
| Dự án thiết kế, mua sắm, chế tạo trên bờ cho gói thầu 2021-2022 SAT DSV campaign - Thai lan | 17.600.454.300 | - |
| Cho thuê văn phòng (iii) | 12.042.250.000 | 1.152.000.000 |
| Cho thuê cơ sở hạ tầng tại Sao Mai - Bến Đình (ii) | 5.203.799.784 | 5.203.799.784 |
| Khác | 5.646.047.092 | 5.273.974.292 |
| | 57.765.278.437 | 46.175.228.624 |

(b) Dài hạn

| | 2021 | 2020 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Cho thuê cơ sở hạ tầng tại Sao Mai - Bến Đình (ii) | 185.868.163.712 | 191.071.963.496 |
| Cho thuê văn phòng (iii) | 1.685.750.000 | 13.728.000.000 |
| Dịch vụ cho thuê tàu dịch vụ phục vụ gần bờ Nhà máy Lọc hóa dầu Nghi Sơn (i) | - | 17.272.727.261 |
| | 187.553.913.712 | 222.072.690.757 |

Trong đó:

(i) Dịch vụ cho thuê tàu dịch vụ phục vụ gần bờ Nhà máy lọc hóa dầu Nghi Sơn thể hiện giá trị của khoản thanh toán nhận trước từ Công ty TNHH Lọc hóa Dầu Nghi Sơn theo Hợp đồng số 037/2016/NSRP.OPE-PTSC ký kết ngày 7 tháng 10 năm 2016 về việc đóng mới tàu, sử dụng tàu và cung cấp các dịch vụ hàng hải có liên quan trong 15 năm kể từ năm 2019.

(ii) Cho thuê cơ sở hạ tầng tại Sao Mai - Bến Đình thể hiện giá trị của khoản thanh toán nhận trước từ việc cho thuê cơ sở hạ tầng và đất tại Cơ sở hạ tầng 39,8 ha và cơ sở hạ tầng 23 ha trực thuộc Căn cứ Dịch vụ Hàng hải Dầu khí Sao Mai - Bến Đình, Thành phố Vũng Tàu. Doanh thu chưa thực hiện này được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hàng năm tương ứng với thời gian cho thuê lần lượt là 48 năm và 49 năm.

(iii) Cho thuê văn phòng thể hiện giá trị của các khoản thanh toán nhận trước từ việc cho thuê văn phòng tại Công ty TNHH Khách sạn Dầu khí PTSC được phân bổ dần vào kết quả kinh doanh hàng năm tương ứng với thời gian cho thuê của từng hợp đồng từ 10 năm đến 15 năm.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

22. PHẢI TRẢ KHÁC

(a) Ngắn hạn

| | 2021 | 2020 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy (i) | 414.334.908.728 | 420.093.454.966 |
| Tiền lương phải trả cho người lao động | 34.297.622.077 | 94.121.183.549 |
| Phải trả cổ tức cho các cổ đông | 20.292.705.013 | 16.713.663.999 |
| Bảo hiểm bắt buộc | 11.373.787.948 | 9.018.872.992 |
| Khác | 106.430.619.359 | 90.788.942.847 |
| | 586.729.643.125 | 630.736.118.353 |

(i) Phải trả cho Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy là khoản thanh toán đợt cuối cho chi phí đóng mới kho nổi chứa dầu F505 mà Tổng công ty là chủ đầu tư và Tổng công ty Công nghiệp Tàu thủy là nhà thầu thực hiện. Tại ngày của báo cáo tài chính hợp nhất này, hai bên đang hoàn tất các thủ tục quyết toán để thanh toán cho khoản phải trả này.

Chi tiết theo đối tượng của phải trả ngắn hạn khác được trình bày như sau:

| | 2021 | 2020 |
|-----------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Bên thứ ba | 580.058.840.118 | 624.150.306.375 |
| Bên liên quan (Thuyết minh 41(b)) | 6.670.803.007 | 6.585.811.978 |
| | 586.729.643.125 | 630.736.118.353 |

(b) Dài hạn

Khoản phải trả dài hạn khác chủ yếu thể hiện khoản đặt cọc của Chi nhánh Tổng công ty Khí Việt Nam – CTCP – Công ty Kinh doanh Sản phẩm Khí về việc cung cấp tàu và dịch vụ vận hành tàu kho nổi chứa LPG lạnh trong 3 năm tại khu vực phía Bắc theo Hợp đồng số 36/HĐKN/2021/KDK-PTSC/04 ngày 31 tháng 3 năm 2021 với tổng số tiền là 69.473.052.000 Đồng.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

23. CÁC KHOẢN VAY

(a) Ngắn hạn

Chi tiết các khoản vay ngắn hạn của Tổng công ty được trình bày như sau:

| | Tại ngày 1.1.2021 | Giai ngân trong năm | Hoàn trả nợ vay trong năm | Vay dài hạn đến hạn trả | Đánh giá chênh lệch tỷ giá | Tại ngày 31.12.2021 |
|---|------------------------|------------------------|------------------------------|----------------------------|-------------------------------|------------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| (i) Vay ngân hàng | | | | | | |
| Vay ngắn hạn | - | 154.782.694.210 | (154.782.694.210) | - | - | - |
| Vay dài hạn đến hạn trả (Thuyết minh 23(b)) | 109.543.201.772 | - | (109.781.726.772) | 94.658.511.772 | (477.400.000) | 93.942.586.772 |
| (ii) Vay bên thứ ba (*) | 625.102.665.176 | - | - | - | (7.943.367.919) | 617.159.297.257 |
| | 734.645.866.948 | 154.782.694.210 | (264.564.420.982) | 94.658.511.772 | (8.420.767.919) | 711.101.884.029 |

(*) Đây là khoản vay bằng Đô la Mỹ với CGG Holding B.V. (trước đây là CGGVeritas Services Holding BV) thể hiện phần chênh lệch giữa giá trị mà CGG Holding B.V., phải góp vốn vào PTSC CGGV tương ứng với tỷ lệ 49% vốn điều lệ của PTSC CGGV và giá trị tài sản của CGG Holding B.V., đã chuyển giao cho PTSC CGGV tại thời điểm thành lập năm 2012, có thời hạn vay là 60 tháng. Các bên đã gia hạn thanh toán khoản vay này đến ngày 22 tháng 8 năm 2022. Khoản vay này không chịu lãi suất, phí thu xếp, hoa hồng, hay bất kỳ chi phí nào khác liên quan đến khoản vay. Khoản vay này được Công ty mẹ bảo lãnh cho nghĩa vụ phải trả của PTSC CGGV tương ứng với 51% giá trị số dư của khoản vay.

Như đã trình bày tại Thuyết minh 1, báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 và báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 của PTSC CGGV được lập theo cơ sở kế toán không đáp ứng giá định hoạt động liên tục, theo đó, nợ phải trả của PTSC CGGV được phân loại lại là nợ phải trả ngắn hạn trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

(b) Dài hạn

| Tại ngày 1.1.2021 | VND | Giải ngân trong năm | VND | Hoàn trả nợ vay trong năm | VND | Vay dài hạn đến hạn trả | VND | Đánh giá chênh lệch tỷ giá | VND | Tại ngày 31.12.2021 | VND |
|----------------------|------------------------|------------------------|----------|------------------------------|----------------------|----------------------------|-----|-------------------------------|-----|------------------------|-----|
| Vay ngân hàng | 473.725.620.270 | 155.083.128.871 | - | (94.658.511.772) | (106.562.500) | 534.043.674.869 | | | | | |
| (*) | | | | | | | | | | | |

(*) Các khoản vay dài hạn với ngân hàng của Tổng công ty thể hiện giá trị của 8 khoản vay với các ngân hàng thương mại có phần tại Việt Nam, trong đó:

- » Khoản vay 1 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là trên 3,6 tỷ Đồng, có thời hạn là 36 tháng tính từ năm 2020;
- » Khoản vay 2 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là trên 65 tỷ Đồng, có thời hạn là 120 tháng tính từ năm 2017;
- » Khoản vay 3 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là trên 1,5 tỷ Đồng, có thời hạn là 36 tháng tính từ năm 2020;
- » Khoản vay 4 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là trên 675 tỷ Đồng, có thời hạn đảo hạn là 120 tháng tính từ năm 2018;
- » Khoản vay 5 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là trên 25,7 tỷ Đồng, có thời hạn là 72 tháng tính từ năm 2016; và
- » Khoản vay 6 là khoản vay bằng Đô la Mỹ với số tiền được cấp tín dụng tối đa là trên 10 triệu Đô la Mỹ, có thời hạn đảo hạn là 84 tháng tính từ năm 2015.
- » Khoản vay 7 là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là trên 70 tỷ Đồng, có thời hạn đảo hạn là 84 tháng tính từ năm 2020.
- » Khoản vay 8 là là khoản vay bằng Đồng Việt Nam với số tiền được cấp tín dụng tối đa là trên 692,7 tỷ Đồng, có thời hạn đảo hạn là 96 tháng tính từ năm 2021.

Lãi suất của các khoản vay bằng Đồng Việt Nam trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là từ 2,92%/năm đến 8,1%/năm (năm 2020: từ 3%/năm đến 9,5%/năm). Lãi suất khoản vay bằng Đô la Mỹ năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 là từ 2,92%/năm đến 3,14%/năm (năm 2020: từ 3,03%/năm đến 5,02%/năm).

Tổng công ty sử dụng tài sản hình thành từ các khoản vay để làm tài sản thế chấp.

Mục đích của các khoản vay dài hạn của Tổng công ty chủ yếu là để đầu tư tài sản dài hạn như căn cứ cảng, tàu dịch vụ dầu khí, thiết bị chuyên ngành dịch vụ kỹ thuật dầu khí phục vụ hoạt động sản xuất, kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Các khoản vay của Tổng công ty được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | 2021 | 2020 |
|----------------------------|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Trong vòng 1 năm | 711.101.884.029 | 734.645.866.948 |
| Trong năm thứ 2 | 87.023.794.069 | 87.179.074.272 |
| Từ năm thứ 3 đến năm thứ 5 | 257.329.621.016 | 190.540.455.316 |
| Sau 5 năm | 189.690.259.784 | 196.006.090.682 |
| | 1.245.145.558.898 | 1.208.371.487.218 |

24. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ

(a) Ngắn hạn

Các khoản vay của Tổng công ty được hoàn trả theo lịch biểu sau:

| | 2021 | 2020 |
|--|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Dự phòng bảo hành công trình xây dựng (i) cho: | | |
| Dự án Gallaf - Giai đoạn 1 | - | 60.125.610.799 |
| Dự án GPP Cà Mau | - | 12.933.752.687 |
| Dự án khác | - | - |
| Dự phòng chi phí thực hiện dự án Gallaf - Giai đoạn 1 | - | 12.341.405.713 |
| Dự phòng chi phí vận hành bảo dưỡng tàu FPSO Lam Sơn (ii) | 41.579.866.001 | 40.741.009.201 |
| Dự phòng sửa chữa lớn hệ thống máy phát điện GTG-B trên FPSO Lam Sơn | - | 31.951.657.320 |
| Dự phòng chi phí sửa chữa lớn tàu dịch vụ (iii) | 5.298.420.000 | 27.392.086.417 |
| Khác | 2.669.320.069 | 8.229.315.079 |
| | 49.547.606.070 | 193.714.837.216 |

(b) Dài hạn

| | 2021 | 2020 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Dự phòng bảo hành công trình xây dựng (i) cho: | | |
| Dự án Sao Vàng Đại Nguyệt | 560.877.480.963 | 572.632.992.483 |
| Dự án Đường ống thu gom, vận chuyển khí mỏ Sao Vàng - Đại Nguyệt | 66.621.273.873 | - |
| Dự án Sư Tử Trắng Fullfield | 164.942.040.802 | 274.903.401.336 |
| Dự án Gallaf - Giai đoạn 1 | 251.386.169.293 | 192.603.476.923 |
| Dự án Daman | 685.800.000 | 54.625.975.610 |
| Dự án khác | 29.915.030.178 | 23.707.781.159 |
| Dự phòng chi phí sửa chữa lớn tàu dịch vụ (iii) | 13.662.069.630 | 7.439.102.322 |
| | 1.088.089.864.739 | 1.125.912.729.833 |

(i) Dự phòng bảo hành công trình được trích lập để đảm bảo việc thực hiện nghĩa vụ bảo hành công trình xây dựng theo các điều khoản của hợp đồng EPC đã ký với khách hàng, tính trên 1% - 5% giá trị hợp đồng.

(ii) Dự phòng phải trả chi phí vận hành, bảo dưỡng FPSO Lam Sơn bao gồm giá trị Tổng công ty có khả năng phải trả cho Tổng Công ty Thăm dò và Khai thác Dầu khí ("PVEP") liên quan đến Thỏa thuận chấm dứt hợp đồng đã ký giữa Tổng công ty và Công ty Điều hành chung Lam Sơn, một liên doanh giữa PVEP và Petronas.

(iii) Dự phòng chi phí sửa chữa lớn tàu dịch vụ để đảm bảo nguồn chi phí cho việc sửa chữa định kỳ tàu. Chi phí dự phòng được trích vào chi phí sản xuất, kinh doanh hàng năm cho đến năm dự kiến việc sửa chữa xảy ra. Tại năm phát sinh việc sửa chữa, nếu chi phí sửa chữa thực tế lớn hơn số trích theo dự toán hoặc ngược lại thì số chênh lệch được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất của kỳ kế toán đó.

25. QUỸ KHEN THƯỞNG, PHÚC LỢI

| | 2021 | 2020 |
|---|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 359.937.152.664 | 316.493.796.127 |
| Trích lập từ LNST chưa phân phối (Thuyết minh 28) | 396.556.328.838 | 220.531.491.010 |
| Sử dụng quỹ | (195.116.902.359) | (177.088.134.473) |
| Số dư cuối năm | 561.376.579.143 | 359.937.152.664 |

26. QUỸ PHÁT TRIỂN KHOA HỌC CÔNG NGHỆ

| | 2021 | 2020 |
|----------------|------------------|----------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 38.596.359.996 | 31.195.759.996 |
| Trích quỹ | 538.050.000 | 8.310.000.000 |
| Sử dụng quỹ | (3.728.268.636) | (909.400.000) |
| Hoàn nhập quỹ | (26.995.869.520) | - |
| Số dư cuối năm | 8.410.271.840 | 38.596.359.996 |

27. VỐN CỔ PHẦN

(a) Số lượng cổ phiếu

| | 2021 | | 2020 | |
|---------------------------------|--------------------|-----------------|--------------------|-----------------|
| | Cổ phiếu phổ thông | Cổ phiếu ưu đãi | Cổ phiếu phổ thông | Cổ phiếu ưu đãi |
| Số lượng cổ phiếu đăng ký | 477.966.290 | - | 477.966.290 | - |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 477.966.290 | - | 477.966.290 | - |
| Số lượng cổ phiếu đang lưu hành | 477.966.290 | - | 477.966.290 | - |

(b) Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

| | 2021 | | 2020 | |
|---------------------------------|-------------|-------|-------------|-------|
| | Cổ phiếu | % | Cổ phiếu | % |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 245.565.000 | 51,38 | 245.565.000 | 51,38 |
| Phần vốn của các đối tượng khác | 232.401.290 | 48,62 | 232.401.290 | 48,62 |
| Số lượng cổ phiếu đã phát hành | 477.966.290 | 100 | 477.966.290 | 100 |

(c) Tình hình biến động của vốn cổ phần

| | Số cổ phiếu | Cổ phiếu phổ thông | |
|-------------------------------|-------------|--------------------|--------------------------|
| | | VND | Tổng cộng VND |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 | 477.966.290 | 4.779.662.900.000 | 4.779.662.900.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 477.966.290 | 4.779.662.900.000 | 4.779.662.900.000 |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 477.966.290 | 4.779.662.900.000 | 4.779.662.900.000 |

Mệnh giá cổ phiếu là 10.000 Đồng/cổ phiếu. Tổng công ty không có cổ phiếu ưu đãi.

28. TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT**
(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| | Vốn góp của chủ sở hữu | | Thặng dư vốn cổ phần | | Quỹ đầu tư và phát triển | | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | LNST chưa phân phối | | Tổng cộng | | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | | Tổng cộng vốn chủ sở hữu | |
|---|------------------------|----------------|----------------------|------------------|--------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|---------------------|-----|-----------|-----|-------------------------------------|-----|--------------------------|------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tại ngày 1 tháng 1 năm 2020 | 4.779.662.900.000 | 39.617.060.000 | 2.984.495.208.487 | 409.506.565.762 | 4.039.343.483.744 | 12.252.625.217.993 | 718.121.217.616 | 12.970.746.435.609 | | | | | | | | |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 623.996.082.965 | 623.996.082.965 | 85.902.926.328 | 709.899.009.293 | | | | | | | | |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (477.966.290.000) | (477.966.290.000) | (48.838.860.000) | (526.805.150.000) | | | | | | | | |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | - | - | - | - | (203.825.169.506) | (203.825.169.506) | (16.706.321.504) | (220.531.491.010) | | | | | | | | |
| Trích quỹ đầu tư phát triển | - | - | 10.609.362.591 | - | (10.609.362.591) | - | - | - | | | | | | | | |
| Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính | - | - | - | (49.191.652.265) | - | (49.191.652.265) | - | (49.191.652.265) | | | | | | | | (49.191.652.265) |
| Khác | - | - | 371.554 | - | (87.957.691) | (87.586.137) | 87.586.137 | - | | | | | | | | - |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 | 4.779.662.900.000 | 39.617.060.000 | 2.995.104.942.632 | 360.314.913.497 | 3.970.850.786.921 | 12.145.550.603.050 | 738.566.548.577 | 12.884.117.151.627 | | | | | | | | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| | Vốn góp của chủ sở hữu | | Thặng dư vốn cổ phần | | Quỹ đầu tư và phát triển | | Chênh lệch tỷ giá hối đoái | | LNST chưa phân phối | | Tổng cộng | | Lợi ích của cổ đông không kiểm soát | | Tổng cộng vốn chủ sở hữu | |
|--|------------------------|----------------|----------------------|------------------|--------------------------|--------------------|----------------------------|--------------------|---------------------|-----|-----------|-----|-------------------------------------|-----|--------------------------|------------------|
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Lợi nhuận thuần trong năm | - | - | - | - | 601.160.329.023 | 601.160.329.023 | 76.103.888.882 | 677.264.217.905 | | | | | | | | |
| Chia cổ tức | - | - | - | - | (477.966.000.000) | (477.966.000.000) | (75.980.717.000) | (553.946.717.000) | | | | | | | | |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 25) (*) | - | - | - | - | (386.033.369.136) | (386.033.369.136) | (10.522.959.702) | (396.556.328.838) | | | | | | | | |
| Trích quỹ đầu tư phát triển (*) | - | - | 86.563.192.762 | - | (86.563.192.762) | - | - | - | | | | | | | | |
| Chênh lệch tỷ giá do chuyển đổi báo cáo tài chính | - | - | - | (75.917.864.156) | - | (75.917.864.156) | - | (75.917.864.156) | | | | | | | | (75.917.864.156) |
| Khác | - | - | 327.198 | - | (611.642.013) | (611.314.815) | (27.227.154) | (638.541.969) | | | | | | | | |
| Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 | 4.779.662.900.000 | 39.617.060.000 | 3.081.668.462.592 | 284.397.049.341 | 3.620.836.912.033 | 11.806.182.383.966 | 728.139.533.603 | 12.534.321.917.569 | | | | | | | | |

(*) Trích lập các quỹ của Công ty mẹ và các công ty con được thực hiện theo Nghị quyết số 134/NQ-DVKT-ĐHĐCĐ ngày 28 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng Cổ đông Công ty mẹ và các nghị quyết của Đại hội đồng Cổ đông các công ty con.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

29. CỔ ĐÔNG KHÔNG KIỂM SOÁT

Chi tiết của cổ đông không kiểm soát như sau:

| | 2021 | 2020 |
|------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Vốn góp của chủ sở hữu | 1.523.361.857.420 | 1.523.361.857.420 |
| Quỹ đầu tư phát triển | 133.916.447.678 | 124.433.028.882 |
| Lỗ chưa phân phối | (929.138.771.495) | (909.228.337.725) |
| | 728.139.533.603 | 738.566.548.577 |

Biến động của lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày như sau:

| | 2021 | 2020 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Số dư đầu năm | 738.566.548.577 | 718.121.217.616 |
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho cổ đông không kiểm soát (Thuyết minh 28) | 76.103.888.882 | 85.902.926.328 |
| Lợi nhuận đã chia (Thuyết minh 28) | (75.980.717.000) | (48.838.860.000) |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (Thuyết minh 28) | (10.522.959.702) | (16.706.321.504) |
| Khác | (27.227.154) | 87.586.137 |
| Số dư cuối năm | 728.139.533.603 | 738.566.548.577 |

30. LÃI CƠ BẢN VÀ LÃI SUY GIẢM TRÊN CỔ PHIẾU

(a) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng hiệu của số lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông và số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi chia cho số lượng bình quân gia quyền của số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm, không bao gồm các cổ phiếu phổ thông được Công ty mẹ mua lại và giữ làm cổ phiếu quỹ. Chi tiết như sau:

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| | 2021 | 2020 |
|--|-------------------|-------------------|
| | | (**) |
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND) | 601.160.329.023 | 623.996.082.965 |
| Trích quỹ khen thưởng và phúc lợi (VND) (*) | (166.193.204.619) | (230.363.124.219) |
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND) | 434.967.124.404 | 393.632.958.746 |
| Bình quân số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) | 477.966.290 | 477.966.290 |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND) | 911 | 824 |

(*) Số trích quỹ khen thưởng, phúc lợi dự kiến cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 căn cứ trên kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021 đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 của Tổng công ty thông qua.

(**) Lãi cơ bản trên cổ phiếu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 đã được tính lại theo số quỹ khen thưởng và phúc lợi năm 2020 thực tế trích theo Phương án phân phối lợi nhuận năm 2020 đã được Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm 2021 thông qua như sau:

| | 31.12.2020 | | |
|--|---------------------------|-------------------|-----------------------|
| | Số liệu báo cáo trước đây | Điều chỉnh | Số liệu trình bày lại |
| Lợi nhuận thuần phân bổ cho các cổ đông (VND) | 623.996.082.965 | - | 623.996.082.965 |
| Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi | (124.402.808.600) | (105.960.315.619) | (230.363.124.219) |
| | 499.593.274.365 | | 393.632.958.746 |
| Bình quân gia quyền số cổ phiếu phổ thông đang lưu hành (cổ phiếu) | 477.966.290 | | 477.966.290 |
| Lãi cơ bản trên mỗi cổ phiếu (VND) | 1.046 | | 824 |

(b) Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Công ty mẹ không có cổ phiếu phổ thông tiềm tàng có tác động suy giảm trong năm và đến ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này. Do đó, lãi suy giảm trên cổ phiếu bằng với lãi cơ bản trên cổ phiếu.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

31. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

(a) Ngoại tệ các loại

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, khoản mục tiền và các khoản tương đương tiền đã bao gồm các ngoại tệ sau:

| | 2021 | 2020 |
|-----------------------|-------------|-------------|
| Đồng Đô la Mỹ ("USD") | 115.197.762 | 111.928.757 |
| Đồng Euro ("EUR") | 1.887 | 1.912 |
| Đồng Bảng Anh ("GBP") | 244.708 | 244.715 |
| Đồng Rub Nga ("RUB") | 1.532.395 | 1.533.253 |

(b) Tài sản thuê hoạt động

Tổng số tiền thuê tối thiểu có thể trả/thu trong tương lai theo hợp đồng thuê hoạt động không hủy ngang được trình bày ở Thuyết minh 43.

32. DOANH THU THUẦN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

| | 2021 | 2020 |
|---|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu thuần về bán hàng hóa | 57.458.771.025 | 295.154.606.152 |
| Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ | 6.945.120.396.245 | 9.089.975.491.844 |
| Doanh thu thuần của các hợp đồng xây dựng (*) | 7.212.898.564.808 | 10.794.783.651.671 |
| | 14.215.477.732.078 | 20.179.913.749.667 |
| Chiết khấu thương mại | (17.036.288.370) | - |
| Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Doanh thu thuần về bán hàng hóa | 57.458.771.025 | 295.154.606.152 |
| Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ | 6.928.084.107.875 | 9.089.975.491.844 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| | 2021 | 2020 |
|---|---------------------------|---------------------------|
| Doanh thu thuần của các hợp đồng xây dựng (*) | 7.212.898.564.808 | 10.794.783.651.671 |
| | 14.198.441.443.708 | 20.179.913.749.667 |

(*) Trong đó doanh thu lũy kế của các công trình lớn:

| | 2021 | 2020 |
|--|--------------------|--------------------|
| | VND | VND |
| Doanh thu lũy kế của hợp đồng xây dựng đã hoàn thành trong năm | 46.046.697.084 | 247.764.460.449 |
| Doanh thu lũy kế từ hợp đồng xây dựng đang thực hiện trong năm | 37.247.517.427.976 | 26.954.891.713.463 |

33. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

| | 2021 | 2020 |
|---------------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Giá vốn của hàng hóa đã bán | 51.435.983.630 | 279.961.774.659 |
| Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp | 6.123.806.996.110 | 8.435.136.907.860 |
| Giá vốn của hợp đồng xây dựng | 7.247.546.112.877 | 10.686.649.087.026 |
| | 13.422.789.092.617 | 19.401.747.769.545 |

34. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

| | 2021 | 2020 |
|--------------------------------|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Lãi tiền gửi ngân hàng | 201.289.875.918 | 261.241.343.019 |
| Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 76.259.555.720 | 138.671.963.171 |
| | 277.549.431.638 | 399.913.306.190 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

35. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

| | 2021 | 2020 |
|---|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí lãi vay | 45.619.511.092 | 55.755.530.102 |
| Dự phòng/(hoàn nhập dự phòng) đầu tư tài chính dài hạn (Thuyết minh 4(b)) | 2.018.289.475 | (1.019.317.283) |
| Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái | 46.737.066.898 | 88.082.009.763 |
| | 94.374.867.465 | 142.818.222.582 |

36. CHI PHÍ BÁN HÀNG

| | 2021 | 2020 |
|-----------------------------|-----------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí quảng cáo, tiếp thị | 45.540.621.439 | 56.069.176.979 |
| Chi phí nhân viên | 19.615.812.666 | 31.282.759.985 |
| Khác | 24.283.649.687 | 31.294.357.136 |
| | 89.440.083.792 | 118.646.294.100 |

37. CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

| | 2021 | 2020 |
|--|------------------------|------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nhân viên | 409.741.595.076 | 436.157.046.945 |
| Chi phí khấu hao | 25.384.812.173 | 34.925.334.724 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 173.097.834.049 | 162.343.943.929 |
| Hoàn nhập dự phòng nợ phải thu khó đòi | (29.183.559.940) | (1.624.837.578) |
| Khác | 133.441.229.359 | 165.714.296.583 |
| | 712.481.910.717 | 797.515.784.603 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

38. THU NHẬP KHÁC VÀ CHI PHÍ KHÁC

| | 2021 | 2020 |
|---|-------------------------|-------------------------|
| | VND | VND |
| Thu nhập khác | | |
| Hoàn nhập quỹ phát triển khoa học và công nghệ | 26.995.869.520 | - |
| Hoàn nhập dự phòng bảo hành các công trình xây dựng (*) | 179.288.425.580 | 693.567.048.928 |
| Phạt vi phạm hợp đồng | 9.081.241.009 | 14.382.290.848 |
| Thu nhập từ thanh lý TSCĐ | 11.829.711.164 | 8.274.108.381 |
| Khác | 7.688.212.336 | 16.758.920.441 |
| | 234.883.459.609 | 732.982.368.598 |
| Chi phí khác | | |
| Tiền phạt, bồi thường | (13.939.665.678) | (4.027.909.460) |
| Khác | (7.036.047.462) | (14.166.912.434) |
| | (20.975.713.140) | (18.194.821.894) |
| Lợi nhuận khác | 213.907.746.469 | 714.787.546.704 |

(*) Hoàn nhập dự phòng bảo hành các công trình xây dựng thể hiện giá trị hoàn nhập số dư của khoản dự phòng bảo hành đã trích lập sau khi Tổng công ty đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ bảo hành theo phạm vi, thời gian bảo hành theo quy định của hợp đồng và đã được Chủ đầu tư xác nhận.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

39. THUẾ TNDN

Số thuế TNDN trên lợi nhuận kế toán trước thuế của Tổng công ty khác với số thuế khi được tính theo thuế suất 20% theo quy định của luật thuế hiện hành như sau:

| | 2021 | 2020 |
|--------------------------------------|---------------------|---------------------|
| | VND | VND |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế | 877.608.785.567 | 1.024.531.892.796 |
| Lợi nhuận kế toán trước thuế TNDN | 882.078.578.788 | 1.034.101.324.070 |
| Lỗ kế toán trước thuế TNDN | (4.469.793.221) | (9.569.431.274) |
| | 877.608.785.567 | 1.024.531.892.796 |
| Các điều chỉnh tăng | 2.024.236.931.260 | 1.761.035.486.260 |
| Các điều chỉnh giảm | (1.270.706.983.355) | (2.235.639.522.082) |
| Điều chuyển lỗ | (16.896.718.087) | (319.360.606) |
| Tổng thu nhập tính thuế | 1.614.242.015.385 | 549.608.496.368 |
| Trong đó: | | |
| Thu nhập tính thuế | 1.621.394.393.827 | 748.320.705.511 |
| Lỗ tính thuế | (7.152.378.442) | (198.712.209.143) |
| Thuế TNDN tại thuế suất 20% | 324.278.878.765 | 149.664.141.102 |
| Ưu đãi thuế | (8.963.427.897) | (17.719.650.522) |
| Thuế TNDN (thừa)/thiếu các năm trước | (4.249.831.320) | 8.689.546.624 |
| Thuế TNDN hiện hành | 311.065.619.548 | 140.634.037.204 |

Chi phí thuế TNDN cho năm tài chính được tạm tính căn cứ trên thu nhập chịu thuế năm tài chính 2021 và có thể được điều chỉnh khi thực hiện quyết toán thuế TNDN tại thời điểm kết thúc năm tài chính 2021.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

40. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố thể hiện các chi phí phát sinh trong năm từ hoạt động sản xuất kinh doanh của Tổng công ty, không bao gồm giá mua hàng hóa phát sinh trong hoạt động thương mại. Chi tiết được trình bày như sau:

| | 2021 | 2020 |
|---|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND |
| Chi phí nguyên vật liệu | 2.617.801.099.680 | 5.401.070.245.287 |
| Chi phí nhân viên | 2.402.673.846.697 | 2.988.922.546.879 |
| Chi phí khấu hao | 500.368.315.798 | 538.662.164.792 |
| Chi phí dịch vụ mua ngoài | 4.741.999.852.539 | 8.943.710.380.998 |
| Chi phí liên quan các hợp đồng xây dựng | 3.275.498.992.713 | 2.697.145.709.381 |
| Khác | 657.832.184.903 | 783.682.059.652 |
| | 14.196.174.292.330 | 21.353.193.106.989 |

41. THUYẾT MINH VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

PVN là cổ đông lớn nhất do sở hữu 51,38% vốn cổ phần của Tổng công ty (Thuyết minh 27).

Theo đó, PVN, các công ty thành viên cùng Tập đoàn PVN, các công ty liên doanh, liên kết của Tổng công ty được xem là các bên liên quan của Tổng công ty. Ngoài các công ty liên doanh, liên kết được trình bày trong Thuyết minh 1 và Thuyết minh 4. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và trong năm, Tổng công ty có các nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan sau:

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|----------------------------------|
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | Công ty mẹ |
| PTSC Ca Rong Do Limited | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH MTV Công nghiệp Tàu thủy Dung Quất | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Tổng công ty CP Vận tải Dầu khí | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |

| Bên liên quan | Mối quan hệ |
|---|----------------------------------|
| Ngân hàng TMCP Đại chúng Việt Nam | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Tổng công ty Dầu Việt Nam | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Tổng công ty Điện lực Dầu khí Việt Nam | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Lọc Hóa dầu Bình Sơn | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Tổng công ty Dung dịch khoan và Hóa phẩm Dầu khí | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP PVI | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Tổng công ty Tư vấn Thiết kế Dầu khí | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Tổng công ty Bảo dưỡng - Sửa chữa Công trình Dầu khí | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Ban QLDA Công trình Liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1 | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí trong nước | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Tổng công ty Khí Việt Nam | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí nước ngoài | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Công ty CP Phân bón Dầu khí Cà Mau | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |
| Ban Điều hành Dự án Nhà máy Nhiệt điện Thái Bình 2 | Công ty thành viên cùng Tập đoàn |

(a) Giao dịch với các bên liên quan

Trong năm, các giao dịch trọng yếu sau đây được thực hiện với các bên liên quan:

| | 2021 | 2020 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| i) Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ | | |
| Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí | 1.218.045.098.968 | 1.830.762.606.736 |
| Tổng công ty Khí Việt Nam | 889.515.649.520 | 2.305.356.903.754 |
| Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông | 480.289.833.165 | 515.131.078.014 |
| Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn | 430.697.465.303 | 314.046.092.714 |
| Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn | 282.858.759.133 | 545.560.827.711 |
| Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited | 265.992.619.834 | 350.146.048.976 |
| PTSC Ca Rong Do Limited | 167.778.181.818 | - |
| Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited | 114.933.406.150 | 186.394.982.338 |
| Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | 39.489.441.555 | 30.768.683.913 |
| Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí | 28.750.036.702 | 49.083.425.229 |
| Bên liên quan khác | 183.295.057.371 | 34.986.462.149 |
| | 4.101.645.549.519 | 6.162.237.111.534 |
| ii) Mua hàng hóa và dịch vụ | | |
| PTSC Asia Pacific Private Limited | 600.250.419.680 | 732.072.346.473 |
| PTSC South East Asia Private Limited | 182.314.152.025 | 203.879.368.750 |
| Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí | 111.822.150.985 | 31.396.049.251 |
| Công ty CP PVI | 85.272.331.343 | 55.714.686.754 |
| Tổng công ty Dầu Việt Nam | 50.971.583.741 | 42.468.817.553 |
| PTSC Ca Rong Do Limited | - | 962.713.183.118 |
| Bên liên quan khác | 114.073.251.443 | 91.285.048.277 |
| | 1.144.703.889.217 | 2.119.529.500.176 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| | 2021 | 2020 |
|--|----------------|----------------|
| | VND | VND |
| iii) Các khoản chi cho các nhân sự quản lý chủ chốt | | |
| Lương và các quyền lợi gộp khác | 21.950.121.000 | 23.713.533.000 |
| Trong đó: | | |
| Ông Phan Thanh Tùng - Chủ tịch HĐQT | 2.008.745.000 | 2.265.616.200 |
| Ông Lê Mạnh Cường - Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc | 2.110.718.000 | 2.211.771.000 |
| Ông Nguyễn Xuân Ngọc - Thành viên HĐQT | 1.470.798.000 | 1.689.392.600 |
| Ông Đỗ Quốc Hoan - Thành viên HĐQT | 1.614.248.000 | 1.889.144.000 |
| Ông Lưu Đức Hoàng - Thành viên HĐQT | 1.452.566.000 | 1.671.172.600 |
| Các quản lý khác | 13.293.046.000 | 13.986.436.600 |

(b) Số dư cuối năm với các bên liên quan

| | 2021 | 2020 |
|---|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| i) Phải thu ngắn hạn khách hàng ngắn hạn (Thuyết minh 5) | | |
| Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí | 1.635.248.057.021 | 1.532.188.110.602 |
| Tổng công ty Khí Việt Nam | 125.909.830.714 | 402.321.592.322 |
| Ban QLDA Điện lực Dầu khí Long Phú 1 | 156.738.176.730 | 151.225.238.914 |
| Vietnam Offshore Floating Terminal (Ruby) Limited | 118.773.558.216 | 98.838.616.962 |
| Công ty TNHH Lọc hóa dầu Nghi Sơn | 82.293.897.273 | 99.393.949.843 |
| Tổng công ty Phân bón và Hóa chất Dầu khí | 71.317.203.829 | 60.212.968.266 |
| Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông | 67.053.976.870 | 119.225.076.011 |
| Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ khoan Dầu khí | 43.254.728.491 | 6.708.056.223 |
| Ban QLDA Công trình liên hợp Lọc hóa dầu Nghi Sơn | 37.203.110.659 | 37.203.110.659 |
| Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò Khai thác Dầu khí Trong nước | 38.513.085.853 | 184.295.367.932 |
| Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited | 34.200.373.634 | 58.524.253.900 |
| Công ty CP Lọc hoá dầu Bình Sơn | 30.073.584.916 | 206.604.362.561 |
| Bên liên quan khác | 31.967.689.166 | 246.203.493.585 |
| | 2.472.547.273.372 | 3.202.944.197.780 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| | 2021 | 2020 |
|---|------------------------|-----------------------|
| | VND | VND |
| ii) Trả trước cho người bán ngắn hạn (Thuyết minh 6(a)) | | |
| Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí | 2.225.926.853 | 1.033.416.496 |
| iii) Phải thu ngắn hạn khác (Thuyết minh 8(b)) | | |
| Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí | 10,047,098,575 | 627,920,218 |
| Công ty TNHH Lọc Hóa dầu Nghi Sơn | 12,188,084,868 | 6,606,181,257 |
| Tập đoàn Dầu khí Việt Nam | 10,632,042,898 | 10,632,042,898 |
| Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro | 4,150,042,484 | 236,600,000 |
| Công ty Điều hành Dầu khí Biển Đông | - | 114,392,800 |
| Công ty TNHH MTV Điều hành Thăm dò khai thác Dầu khí Nước ngoài | 10,061,561,353 | 10,061,561,353 |
| Bên liên quan khác | 85,174,962,485 | 30,813,903,409 |
| | 132,253,792,663 | 59,092,601,935 |

iv) Phải trả người bán ngắn hạn (Thuyết minh 17)

| | | |
|--|--------------------------|--------------------------|
| PTSC Asia Pacific Private Limited | 1.506.278.128.866 | 1.806.345.174.570 |
| PTSC South East Asia Private Limited | 56.218.405.200 | 33.807.710.282 |
| Tổng công ty CP Khoan và Dịch vụ Khoan Dầu khí | 31.501.779.473 | 50.449.038.643 |
| Công ty CP Chế tạo Giàn khoan Dầu khí | 27.021.667.086 | 29.565.146.083 |
| Công ty TNHH Lọc Hóa Dầu Nghi Sơn | 13.020.056.401 | 18.369.654.157 |
| Liên doanh Việt - Nga Vietsovpetro | 4.878.958.446 | 28.746.553.609 |
| Tổng công ty Khí Việt Nam | 257.337.862 | 29.757.861.786 |
| Bên liên quan khác | 35.084.843.246 | 128.453.918.602 |
| | 1.674.261.176.580 | 2.125.495.057.732 |

v) Người mua trả tiền trước ngắn hạn (Thuyết minh 18(a))

| | | |
|---------------------------------|-----------------------|-----------------------|
| Công ty CP Lọc hóa dầu Bình Sơn | 45.816.725.642 | 68.048.102.530 |
| Tổng công ty Khí Việt Nam | 37.791.032.173 | - |
| Bên liên quan khác | 2.426.826.870 | 183.696.000 |
| | 86.034.584.685 | 68.231.798.530 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| | 2021 | 2020 |
|---|----------------------|----------------------|
| vii) Phải trả ngắn hạn khác (Thuyết minh 22) | | |
| Tổng công ty Thăm dò Khai thác Dầu khí | 6.536.414.822 | - |
| Malaysia Vietnam Offshore Terminal (Labuan) Limited | - | 2.692.225.602 |
| Công ty CP PVI | - | 1.140.397.087 |
| Tổng công ty CP Xây lắp Dầu khí Việt Nam | - | 1.669.212.234 |
| Bên liên quan khác | 134.388.185 | 1.083.977.055 |
| | 6.670.803.007 | 6.585.811.978 |

42. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý

Tổng công ty hoạt động chủ yếu ở Việt Nam. Do đó, Tổng công ty không trình bày báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Tổng công ty được chia thành bảy bộ phận kinh doanh với hoạt động chủ yếu như sau:

| Bộ phận kinh doanh | Hoạt động |
|---|---|
| Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí | Cung cấp dịch vụ cho thuê và cho thuê lại tàu dịch vụ dầu khí |
| Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO, FPSO | Cung cấp dịch vụ quản lý, kinh doanh, vận hành khai thác các kho nổi chứa, xuất dầu thô ("FSO"), kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô ("FPSO") |
| Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV | Cung cấp dịch vụ quản lý, vận hành tàu khảo sát địa chấn 2D, 3D, khảo sát địa chất, khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng thiết bị ROV |
| Dịch vụ căn cứ cảng | Cung cấp dịch vụ căn cứ cảng, cung cấp dịch vụ khác có liên quan |
| Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp | Cung cấp dịch vụ gia công, lắp ráp, chế tạo các cấu kiện, thiết bị dầu khí |
| Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển | Cung cấp dịch vụ sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng các công trình khai thác dầu khí |
| Dịch vụ khác | Cung cấp các dịch vụ khác phục vụ cho ngành dầu khí |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho tài sản và nợ phải trả như sau:

| | 2021 | | 2020 | |
|--|---------------------------|---------------------------|---------------------------|---------------------------|
| | VND | VND | VND | VND |
| Tài sản bộ phận | 2.199.308.448.748 | 6.421.656.349.024 | 933.715.591.999 | 3.251.629.228.398 |
| Lãi từ công ty liên doanh, liên kết | | | | |
| Tài sản không phân bổ | | | | |
| Tổng tài sản | | | | |
| Nợ phải trả bộ phận | 1.318.892.718.705 | 2.520.040.619.812 | 1.669.644.810.439 | 1.177.864.780.878 |
| Nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ lãi công ty liên doanh, liên kết | | | | |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | |
| Tổng nợ phải trả | | | | |
| Dịch vụ khác | 2.199.308.448.748 | 6.421.656.349.024 | 933.715.591.999 | 3.251.629.228.398 |
| Dịch vụ căn cứ cảng | 2.199.308.448.748 | 6.421.656.349.024 | 933.715.591.999 | 3.251.629.228.398 |
| Dịch vụ cơ khí, đóng mới và xây lắp | 770.406.468.185 | 7.704.064.681.850 | 2.039.804.576.228 | 1.543.306.728.745 |
| Dịch vụ khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV | 1.177.864.780.878 | 1.177.864.780.878 | 5.332.390.046.938 | 448.068.600.431 |
| Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPSO | 1.177.864.780.878 | 1.177.864.780.878 | 5.332.390.046.938 | 448.068.600.431 |
| Dịch vụ sửa chữa, bảo dưỡng, vận hành và xây dựng lắp đặt công trình biển | 1.177.864.780.878 | 1.177.864.780.878 | 5.332.390.046.938 | 448.068.600.431 |
| Dịch vụ khác | 1.177.864.780.878 | 1.177.864.780.878 | 5.332.390.046.938 | 448.068.600.431 |
| Tổng cộng | 19.860.738.702.878 | 19.860.738.702.878 | 19.860.738.702.878 | 19.860.738.702.878 |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| 2020 | | | | | | | | | |
|--|------------------------------|---|--|---------------------|--|--|-------------------|---------------------|---------------------------|
| | Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí | Dịch vụ cung ứng kho nối chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FP50 | Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV | Dịch vụ càn cứ cảng | Cơ khí đóng mới và xây lắp công trình biển | Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển | Dịch vụ khác | Loại trừ | Tổng cộng |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Tài sản bộ phận | 2.509.242.950.945 | 5.762.366.446.076 | 922.907.721.719 | 3.835.094.750.900 | 8.198.825.268.007 | 2.665.668.481.511 | 1.317.063.368.937 | (4.692.645.633.206) | 20.518.523.354.889 |
| Lãi từ công ty liên doanh, liên kết | | | | | | | | | 3.317.174.459.672 |
| Tài sản không phân bổ | | | | | | | | | 2.443.579.312.376 |
| Tổng tài sản | | | | | | | | | 26.279.277.126.937 |
| Nợ phải trả bộ phận | 1.462.390.306.859 | 2.755.380.833.186 | 1.684.782.098.448 | 1.331.705.485.573 | 5.510.936.669.774 | 1.507.319.602.324 | 505.575.626.025 | (2.619.067.659.643) | 12.139.022.962.546 |
| Nợ thuế TNDN hoãn lại phải trả phát sinh từ lãi công ty liên doanh, liên kết | | | | | | | | | 583.216.464.535 |
| Nợ phải trả không phân bổ | | | | | | | | | 672.920.548.229 |
| Tổng nợ phải trả | | | | | | | | | 13.395.159.975.310 |

Tổng công ty lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh cho doanh thu và giá vốn như sau:

| 2021 | | | | | | | | | |
|-----------------------------------|------------------------------|---|--|------------------------|--|--|-----------------------|--------------------------|-----------------------------|
| | Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí | Dịch vụ cung ứng kho nối chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FP50 | Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV | Dịch vụ càn cứ cảng | Cơ khí đóng mới và xây lắp công trình biển | Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển | Dịch vụ khác | Loại trừ | Tổng cộng |
| | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND | VND |
| Doanh thu thuần cho bên thứ ba | 1.567.360.741.880 | 1.977.452.302.243 | 285.148.180.581 | 1.567.630.916.655 | 7.177.766.486.956 | 1.096.379.885.542 | 526.702.929.851 | - | 14.198.441.443.708 |
| Doanh thu thuần cho bên liên quan | 234.939.338.396 | 392.649.259.372 | 172.081.545.269 | 168.771.832.632 | 597.303.898.949 | 1.144.140.616.081 | 108.323.251.541 | (2.663.336.742.240) | - |
| | 1.802.300.080.276 | 2.370.101.561.615 | 302.356.725.850 | 1.736.402.749.287 | 7.775.070.385.905 | 2.240.520.501.623 | 635.026.181.392 | (2.663.336.742.240) | 14.198.441.443.708 |
| Giá vốn thuần cho bên thứ ba | (1.441.794.240.474) | (1.767.848.919.019) | (262.165.490.485) | (1.247.625.380.270) | (7.138.691.356.356) | (1.046.716.337.251) | (517.947.368.762) | - | (13.422.789.092.617) |
| Giá vốn thuần cho bên liên quan | (234.939.338.396) | (390.982.089.702) | (18.543.864.825) | (168.594.661.192) | (584.689.101.409) | (1.071.229.994.201) | (831.564.473.144) | 2.552.135.522.869 | - |
| | (1.676.733.578.870) | (2.158.831.008.721) | (280.709.355.310) | (1.416.220.041.462) | (7.723.380.457.765) | (2.117.946.331.452) | (601.103.841.906) | 2.552.135.522.869 | (13.422.789.092.617) |
| Lợi nhuận bộ phận gộp | 125.566.501.406 | 211.270.552.894 | 21.647.370.540 | 320.182.707.825 | 51.689.928.140 | 122.574.170.171 | 33.922.339.486 | (111.201.219.371) | 775.652.351.091 |

Mẫu số B 09 – DN/HN

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| 2021 | | 2020 | | | | | | |
|---|---|--|--------------------|--|--|--------------|------------------------|-----------|
| Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí | Dịch vụ cung ứng kho nối chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPPO | Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV | Dịch vụ càn cứ càn | Cơ khí đóng mới và xây lắp công trình biển | Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển | Dịch vụ khác | Loại trừ | Tổng cộng |
| Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp | | | | | | | (801.921.994.509) | |
| Lãi thuần từ hoạt động tài chính | | | | | | | 183.174.564.173 | |
| Phần lợi nhuận trong các công ty liên doanh, liên kết | | | | | | | 506.796.118.343 | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | | | | | | | 663.701.039.098 | |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | | | | | | | 213.907.746.469 | |
| Lợi nhuận trước thuế | | | | | | | 877.608.785.567 | |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | | | | | | | (311.065.619.548) | |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | | | | | | | 110.721.051.886 | |
| Lợi nhuận sau thuế | | | | | | | 677.264.217.905 | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| 2020 | | 2020 | | | | | | |
|--|---|--|-----------------------|--|--|------------------------|-------------------------|------------------------|
| Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí | Dịch vụ cung ứng kho nối chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPPO | Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV | Dịch vụ càn cứ càn | Cơ khí đóng mới và xây lắp công trình biển | Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển | Dịch vụ khác | Loại trừ | Tổng cộng |
| Doanh thu thuần cho bên thứ ba | 1.878.152.306.186 | 3.002.398.615.841 | 421.663.506.484 | 1.586.040.303.836 | 1.706.453.013.331 | 726.080.118.573 | - | 20.179.913.749.667 |
| Doanh thu thuần cho bên liên quan | 249.398.518.078 | 395.080.803.629 | 270.499.636.951 | 221.467.791.739 | 1.695.683.968.700 | 100.304.184.456 | (2.914.174.795.767) | - |
| | 2.127.550.824.264 | 3.397.479.419.470 | 448.713.143.435 | 1.807.508.095.575 | 3.402.136.982.031 | 826.384.303.029 | (2.914.174.795.767) | 20.179.913.749.667 |
| Giá vốn thuần cho bên thứ ba | (1.764.334.337.420) | (2.913.555.474.138) | (406.177.955.018) | (1.370.859.771.834) | (1.613.744.975.842) | (679.509.507.214) | - | (19.401.747.769.545) |
| Giá vốn thuần cho bên liên quan | (242.234.165.723) | (395.080.803.629) | (270.499.636.951) | (221.467.791.739) | (1.695.683.968.700) | (29.450.474.676) | 2.845.488.367.463 | - |
| | (2.006.568.503.143) | (3.308.636.277.767) | (433.227.591.969) | (1.592.327.563.573) | (3.309.428.944.542) | (708.959.981.890) | 2.845.488.367.463 | (19.401.747.769.545) |
| Lợi nhuận bộ phận gộp | 120.982.321.121 | 88.843.141.703 | 15.485.551.466 | 215.180.532.002 | 92.708.037.489 | 117.424.321.199 | (68.686.428.304) | 778.165.980.122 |
| Chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp | | | | | | | | (916.162.078.703) |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

| 2020 | | Tổng cộng |
|--|---|--|
| Dịch vụ tàu kỹ thuật dầu khí | Dịch vụ cung ứng kho nổi chứa, xử lý và xuất dầu thô FSO/FPPO | Dịch vụ cảng |
| Khảo sát địa chấn, địa chất công trình và khảo sát sửa chữa công trình ngầm bằng ROV | Dịch vụ vận chuyển hàng hóa và xây lắp công trình biển | Sửa chữa, vận hành, lắp đặt và bảo dưỡng công trình biển |
| Dịch vụ vận chuyển hàng hóa và xây lắp công trình biển | Dịch vụ vận chuyển hàng hóa và xây lắp công trình biển | Dịch vụ vận chuyển hàng hóa và xây lắp công trình biển |
| Dịch vụ vận chuyển hàng hóa và xây lắp công trình biển | Dịch vụ vận chuyển hàng hóa và xây lắp công trình biển | Dịch vụ vận chuyển hàng hóa và xây lắp công trình biển |
| Lãi thuần từ hoạt động tài chính | 257.095.083.608 | |
| Phần lợi nhuận trong các công ty liên doanh, liên kết | 190.645.361.065 | |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 309.744.346.092 | |
| Lãi thuần từ hoạt động khác | 714.787.546.704 | |
| Lợi nhuận trước thuế | 1.024.531.892.796 | |
| Chi phí thuế TNDN hiện hành | (140.634.037.204) | |
| Chi phí thuế TNDN hoãn lại | (173.998.846.299) | |
| Lợi nhuận sau thuế | 709.899.009.293 | |

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

(tiếp theo)

Mẫu số B 09 – DN/HN

43. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG

(a) Tổng công ty là bên đi thuê

Tổng công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

| | 2021 | 2020 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Dưới 1 năm | 891.454.149.512 | 874.561.158.771 |
| Từ 1 năm đến 5 năm | 1.495.360.199.442 | 1.290.529.829.563 |
| Trên 5 năm | 1.211.929.786.207 | 1.086.000.531.384 |
| Tổng các khoản thanh toán tối thiểu | 3.598.744.135.161 | 3.251.091.519.718 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng công ty có các khoản cam kết thuê tàu hoạt động, thuê đất tại Vũng Tàu, thuê đất tại cảng Sơn Trà, và thuê khách sạn không hủy ngang, trong đó:

- » Các hợp đồng thuê kho nổi, tàu dịch vụ được ký với thời hạn từ 1 đến 5 năm;
- » Hợp đồng thuê đất tại Vũng Tàu được ký với thời hạn thuê là 50 năm tính từ năm 2002;
- » Hợp đồng thuê đất tại Cảng Sơn Trà có thời hạn 50 năm tính từ năm 2008; và
- » Hợp đồng thuê khách sạn được ký với thời hạn thuê là 10 năm tính từ năm 2012.

(b) Tổng công ty là bên cho thuê

Tổng công ty có các khoản cam kết phải thu tối thiểu đối với các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang như sau:

| | 2021 | 2020 |
|--|--------------------------|--------------------------|
| | VND | VND |
| Dưới 1 năm | 1.397.095.325.019 | 1.393.863.652.729 |
| Từ 1 năm đến 5 năm | 3.102.233.789.161 | 4.496.376.141.636 |
| Trên 5 năm | 2.311.701.399.429 | 2.131.608.969.864 |
| Tổng các khoản phải thu tối thiểu | 6.811.030.513.609 | 8.021.848.764.229 |

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 và ngày 31 tháng 12 năm 2020, Tổng công ty có các khoản cam kết cho thuê tàu dịch vụ được ký kết trong các hợp đồng cho thuê hoạt động không hủy ngang với thời hạn là 15 năm và hợp đồng thuê kho nổi với thời hạn từ 1 đến 5 năm.

*(tiếp theo)***44. NỢ TIỀM TÀNG****Tiến độ dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1**

Ngày 23 tháng 8 năm 2019, Công ty Power Machines ("PM") - thành viên đứng đầu liên danh nhà thầu thực hiện Dự án Nhà máy Nhiệt điện Long Phú 1 đã gửi đơn kiện đến Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại Singapore về tranh chấp chưa được giải quyết với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam liên quan đến Hợp đồng EPC số 9488/HĐ-DKVN ngày 27 tháng 12 năm 2013 ký giữa Liên doanh nhà thầu Công ty Power Machines - Tổng công ty với Tập đoàn Dầu khí Việt Nam. Tại ngày lập báo cáo tài chính hợp nhất này, vụ kiện trên vẫn đang được Trung tâm Trọng tài Quốc tế tại Singapore xem xét và chưa có kết luận. Ban Tổng Giám đốc Tổng công ty đánh giá và tin tưởng rằng vụ kiện sẽ không ảnh hưởng trọng yếu đến Tổng công ty. Do đó, Tổng công ty chưa ghi nhận bất kỳ khoản dự phòng nào liên quan tới vụ kiện này trong báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

45. SỐ LIỆU SO SÁNH

Một vài số liệu tương ứng đã được trình bày lại để phù hợp với cách trình bày báo cáo tài chính của năm nay.

Báo cáo tài chính hợp nhất đã được Ban Tổng Giám đốc phê chuẩn ngày 29 tháng 3 năm 2022.

Dương Thị Ngọc Quý
Người lập

Nguyễn Văn Bảo
Kế toán trưởng



Lê Mạnh Cường
Tổng Giám đốc
Ngày 29 tháng 3 năm 2022



TRỌN GIẢI PHÁP, VỆ NIỀM TIN

Số 1 Lê Duẩn, Quận 1, Thành phố Hồ Chí Minh, Việt Nam
Điện thoại: (+84) 28 3910 2828 | Fax: (+84) 28 3910 2929
Website: www.ptsc.com.vn